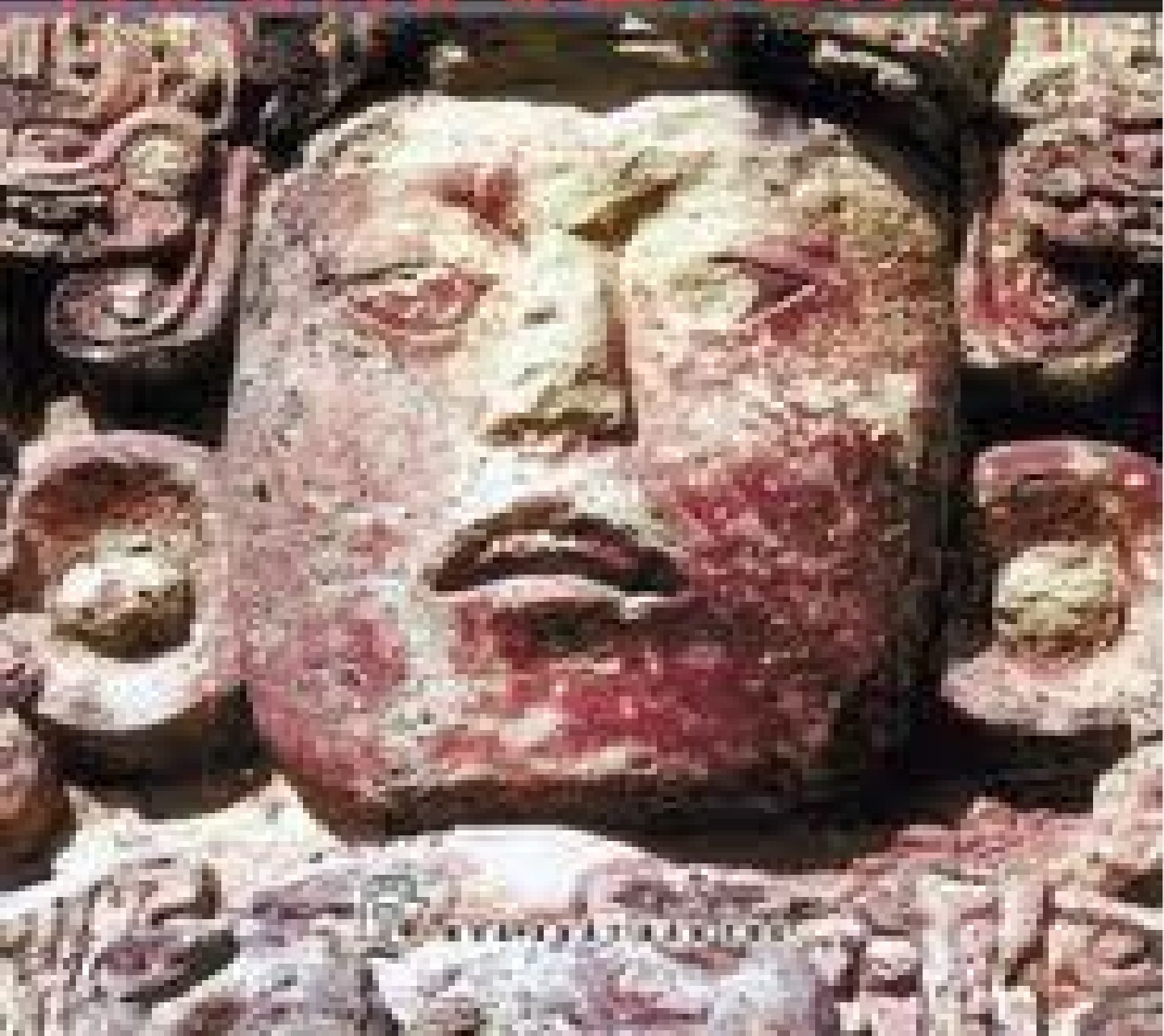


BIÊN

TẬP
5

MÀI MÀI LÀ BIÊN



THÔNG TIN EBOOK

Kindle Kobo Vietnam

www.facebook.com/groups/yeukindlevietnam

Keep Calm
and
Read a Book



Tên sách

BÍ ẨN MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN Tập 5

Tác giả

NHIỀU TÁC GIẢ sưu tầm và biên soạn

Thể loại

Khoa Học, Bí Ẩn

Nhà Xuất Bản

NXB TP HCM

Ebook

BẢN KHÁ SAI CHÍNH TẢ 2021 kindlekobovn



tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

THANK YOU FOR
YOUR SUPPORT

VỚI MONG MUỐN TRẢI NGHIỆM ĐỌC SÁCH ĐIỆN TỬ PHẢI LÀ THÚ VỊ VÀ TỐT NHẤT, DỰ ÁN SỬU TÂM VÀ CHỈNH SỬA SÁCH EBOOK VỀ ĐỊNH DẠNG CHUẨN, VÀ ĐẸP ĐÃ ĐƯỢC SHIBA BẮT ĐẦU TỪ 2018. HY VỌNG NHỮNG LY CAFE YÊU THƯƠNG CỦA CÁC BẠN CÙNG VỚI SỰ VUI VẺ, ĐAM MÊ CỦA SHIBA SẼ ĐỂ LẠI CHO THẾ HỆ SAU NÀY 1 KHO SÁCH HAY ĐẸP VÀ HỮU ÍCH



NHỮNG BÍ ẨN VỀ XÁC ƯỚP Ở MỘ CỔ GIANG TÔ

Bảo tàng thành phố Liên Vân Cảng (Giang Tô, Trung Quốc) vừa mở cửa cho du khách tham quan Bí ẩn nghìn năm - Lăng Huệ Bình, xác người được ướp từ đời nhà Hán.



Trưng bày thi hài Lăng Huệ Bình

Điều lạ là trải qua hơn 2.000 năm mà da dẻ xác ướp khi khai quật vẫn tươi như vừa mới qua đời. Xác ướp này có nhiều bí ẩn mà tới nay các nhà khoa học chưa thể giải thích sau 6 năm nghiên cứu.

Ông Lưu Chính - Giám đốc Bảo tàng - cho biết: Khi xây dựng con đường từ Liên Vân Cảng tới khu danh lam thắng cảnh Hải Châu cách thành phố chừng 7 km về phía Tây Nam, ngày 7 tháng 7 năm 2002 đội công trình của Cục Giao thông đường bộ đã phát hiện mộ cổ này. Các chuyên gia và nhân viên bảo tàng đã nhanh chóng tới hiện trường và thấy trong mộ có hai

chiếc quách với 4 chiếc quan tài được đánh số thứ tự theo chiều bắc-nam từ 1 tới 4. Hai chiếc quách có 4 quan tài cùng 81 hiện vật được đưa về bảo tàng để chuyên gia các ngành có liên quan tiến hành phân tích và giám định. Chiếc quan tài số 1, số 2 có chữ đề “Đông Công” và ghi rõ là nam giới. Chiếc thứ 4 giống như chiếc số 1 và số 2 hầu như hài cốt không còn gì cả, chỉ còn lại mấy mẫu xương dính liền với đất. Nhưng khi các chuyên gia mở nắp chiếc quan tài số 3 thì trong quan tài có dung dịch màu nâu đỏ dâng lên nắp tỏa mùi thơm, phát hiện thấy một xác ướp của phụ nữ da dẻ vẫn còn tươi như vừa mới qua đời. Người phụ nữ trong quan tài khoảng 50 tuổi, cao 1,58 m, trong số các hiện vật chôn cùng quan tài có một chiếc ấn kiểu hình khuy rùa bằng đồng bán kính 1,3 cm, bên trong khắc chữ vẫn còn rất rõ nét là “Lăng Huệ Bình”, như vậy đó là xác ướp của bà Lăng Huệ Bình.

Đây là xác ướp thứ ba sau hơn 2.000 năm từ đời nhà Hán được tìm thấy mà da dẻ không bị phân hủy. Xác ướp này là xác ướp kiểu “Mã Vương Đồi” được phát hiện ở khu mộ cổ đời Hán thuộc Trường Sa (tỉnh Hồ Nam) và khu mộ cổ ở Kinh Châu (tỉnh Hồ Bắc). Nhưng so với hai xác ướp phát hiện ở Hồ Nam và Hồ Bắc, thì xác ướp này có nhiều bí ẩn:

- Một là, thân phận của bà Lăng Huệ Bình: Ba quan tài khác đều có ấn bằng đồng tương tự như ấn của bà Lăng Huệ Bình, nhưng đều gỉ và mờ nhạt tới mức không thể đọc rõ. Theo sử sách thời nhà Hán chỉ có quan lại có đẳng cấp được hưởng bổng lộc từ 300 - 2000 thạch (một đơn vị đo lường cũ) thì vua mới ban cho quyền khắc ấn kiểu khuy rùa bên trong có tên. Bà Lăng Huệ Bình cũng được ban ấn đồng như vậy thì ít nhất chức vụ cũng phải từ cấp thái thú trở lên. Qua ghi chép của lịch sử, thời Hán có quy chế phong hầu tước cho phụ nữ, như vậy liệu thân phận của bà Lăng Huệ Bình có phải là vương hầu hay không hay chỉ là vợ của Đông Công?

- Trong khi quan tài của hai xác ướp ở Hồ Nam và Hồ Bắc được bao bọc bởi những công trình lăng tẩm đồ sộ, thiết kế hoàn chỉnh với nhiều tầng

bảo quản, thì môi trường bên ngoài quan tài ở Liên Vân Cảng rất sơ sài: Xung quanh quách chỉ có một tầng thạch cao mỏng, không có lớp than dày cùng các lớp bảo vệ khác như mộ ở Hồ Bắc, đất lấp xung quanh mộ cũng mỏng chứ không dày như mộ ở Hồ Nam. Nhưng thi thể vẫn được bảo quản hoàn hảo hơn

2.000 năm. Cùng trong một môi trường như vậy mà ba hài cốt ở ba quan tài khác chỉ còn lại chút xíu xương không đáng kể. Vì sao cùng một điều kiện mà thi thể của bà Lăng Huệ Bình lại được bảo quản hoàn hảo như vậy?

- Ba là, liệu chất dịch trong quan tài có liên quan tới việc bảo quản thi thể bà Lăng Huệ Bình? Kết quả phân tích cho thấy dịch trong mộ ở Liên Vân có độ pH là 7,55, thuộc chất kiềm yếu. Còn dịch trong mộ ướp xác ở tỉnh Hồ Nam có nồng độ pH là 5,18, đây là acid. Rõ ràng hai chất này khác hẳn nhau.



Như vậy, phải chăng chất kiềm trong quan tài đã bảo vệ cho thi thể của bà Lăng Huệ Bình không bị phân hủy? Liệu chất dịch này được bơm vào quan tài trước khi khâm liệm hay được hình thành bởi nước ngầm dưới đất thấm thấu vào quan tài kết hợp với chất liệu trong quan tài qua nhiều năm tháng sau khi chôn cất?

- Bốn là, về nghi lễ của đảng cấp được an táng: Qua nghiên cứu những văn vật trong quan tài cho thấy đảng cấp của bà Lăng Huệ Bình rõ ràng không thấp hơn hai người đàn ông “Đông Công”, nhưng so với hơn 3.000 văn vật ở khu mộ cổ tại Hồ Nam được khai quật trước đây thì trong mộ của bà Lăng Huệ Bình chỉ có hơn 80 hiện vật.

Đối với một nhân vật đảng cấp cao mà chỉ có sơ sài mấy văn vật cổ như vậy, rõ ràng rất đơn giản, hơn nữa công trình xây dựng khu mộ cũng sơ sài, không hoành tráng như mộ cùng đảng cấp khác. Chuyên gia khảo cổ Lưu Kiếm Vân cho rằng tất cả dấu hiệu tại hiện trường cũng như việc xây cất cùng số ít văn vật cổ trong mộ cho thấy nghi lễ mai táng tiến hành rất vội vã, hình như còn thiếu rất nhiều công đoạn không được tiến hành. Vậy khi đó đã xảy ra sự kiện gì mà bốn người đều có đảng cấp cao lại phải chôn cất vội vã như vậy? Thông qua việc trưng bày lần này, Giám đốc Bảo tàng Lưu Chính hy vọng các giới tới thăm quan và giúp bảo tàng tìm giải đáp những bí ẩn trên của khu mộ cổ ở Liên Vân Cảng.

BỘ HÀI CỐT BÍ HIỂM TRÊN BIỂN NEWFOUNDLAND

Giới khoa học hiện đang vô cùng bối rối trước những tấm hình chụp trên biển Newfoundland: Một bộ xương thú khổng lồ nằm phơi trên núi băng trắng xóa, rõ mồn một những đẽ xương sườn nâu và cột sống lưng cong gập. Các nhà nghiên cứu ở Canada, thậm chí cả ở Greenland và Na Uy hiện chưa có ai dám khẳng định nguồn gốc của bộ hài cốt bí hiểm này - Garry Stenson, chuyên viên sinh vật biển thuộc Bộ Thủy sản Liên bang phát biểu trước báo giới: “Đây cũng là lần đầu tiên tôi bắt gặp trường hợp lạ lùng như thế”. Lúc này, đồng nghiệp của Stenson ở Bộ Thủy sản hiện đang tranh cãi sôi nổi về việc: liệu đây có phải là xác của loài hải cẩu có râu, hay của hà mã, hoặc cũng có thể là của cá voi trắng không chừng. Tuy nhiên khi chưa có bằng chứng xác thực trong tay, họ vẫn chưa thể đi đến kết luận chắc chắn.

Được biết bức ảnh gây chấn động được chụp trên vùng biển thuộc Vịnh Bonavista, phía đông Newfoundland (Canada). Tác giả bức hình là hai vợ chồng Eli và Donna Norris sống gần thị trấn Newtown, sau đó một người bạn tên Ruth Knee đã gửi tới Bộ Thủy sản để xác minh nguồn gốc. Knee cho biết đôi vợ chồng già không muốn bị phiền toái khi trở thành tâm điểm của các phương tiện truyền thông, tuy nhiên họ có thể minh chứng tính xác thực của tấm ảnh. Ngay cả chuyên viên Stenson cũng khẳng định bức ảnh không phải là một trò đùa. Theo lời kể của ông bà Norris, cột xương sống khổng lồ nhô ra khỏi tảng băng chừng 2,4 mét - điều này khiến Stenson phỏng đoán đây là bộ hài cốt của một động vật có vú kích thước vô cùng lớn. Tuy nhiên ông không dám chắc về nguyên nhân dẫn đến tử thể chết lạ lùng như vậy: là do con thú trượt chân ngã xuống kẽ nứt sông băng, hay do

nó chết khô từ trước rồi sau đó bị các lớp băng tuyết lần lượt bao phủ? Việc xác định tuổi thọ của bộ xương cũng rất khó khăn, do môi trường lạnh có thể làm nhòa đi dấu vết. Thêm một thách thức không kém phần quan trọng khác: Làm sao để xác định núi băng đó hiện đang trôi dạt nơi đâu.

Đây không phải lần đầu tiên những bộ hài cốt kỳ lạ xuất hiện ở miền duyên hải này. Hồi tháng 6/2001, một người dân ở St. Bernard's, thuộc Vịnh Fortune được phen kinh hãi khi phát hiện ra bộ xương dài 7 mét trôi dạt vào bờ. Khi đó phần lớn bộ hài cốt đã bị phân hủy nghiêm trọng nên người ta không thể xác định nguồn gốc thuộc sinh vật nào, chỉ gọi nó bằng cái tên giản đơn “quái vật biển”.

BÍ ẨN VỀ CÁC XÁC ƯỚP

Cách trung tâm thành phố Kiev thủ đô nước Cộng hòa Ukraina khoảng 50 km về phía bắc có một nhà mồ nổi tiếng bởi có hàng trăm xác ướp; nhưng kỳ lạ vì những xác ướp lại được bảo quản trong một điều kiện hết sức đơn giản của tự nhiên chứ không phải trong những Kim tự tháp. Bên cạnh dòng sông hung dữ là một dãy núi cao sừng sững. Người xưa đào vào lòng đất những đường hầm rộng và zíc zắc chạy dài theo triền núi. Cách một đoạn, phần thành hầm ở trên cao được khoét vuông vắn sâu thêm vào lòng đất vừa vắn đặt được một cỗ quan tài; và đó chính là nơi yên nghỉ của người quá cố. Gọi là quan tài nhưng không có tấm ván thiên mà chỉ có một khung và lưới hình chóp chữ nhật cụt hay hình vòm mà qua tấm lưới có thể chiêm ngưỡng rất rõ ràng dung mạo người quá cố. Có khi, quan tài là một khúc gỗ khoét lõm và khung lưới đặt trực tiếp lên trên, nom như chiếc “giường”. Tất cả những chiếc “giường ngủ” ở đây đều được trang trí rất đẹp. Đi trong nhà mồ có cảm giác mát lạnh. Tất cả những xác chết ở đây đều cùng một màu nâu đen khô quắt lại. Lạ là không có dù chỉ là tí chút mùi của chết chóc, ngay

đến cả mùi ẩm mốc cũng không hề có. Lũ trẻ tan học về trên đường ngang qua nhà mồ thường vút cặp sách trên mặt đất rồi chạy xuống nhà mồ chơi trò đuổi bắt như thế đây là một chỗ vui chơi của chúng. Thỉnh thoảng lại có những người đến thăm người quá cố vốn là tổ tiên của họ... Người ta thấy rằng trong Kim tự tháp Ai Cập có những hiện tượng kỳ lạ. Chẳng hạn để trong tháp một đồng tiền kim loại đã rỉ, chừng hơn một tháng sau nó sáng lại như còn mới. Sữa tươi vừa vắt ra từ một con bò nếu để bên ngoài tháp thì hỏng, còn để trong tháp mùi vị vẫn bình thường với khoảng thời gian như nhau. Trái cây và rau xanh để trong tháp khoảng 15 ngày vẫn tươi,

không khô héo. Hai cây cà chua cùng trồng một lúc, cây trong tháp ra hoa kết quả trước cây ngoài trời... Nhưng đó là không khí bên trong Kim tự tháp, những công trình kiến trúc vĩ đại cả về văn hóa, tiền của, sức người, trí tuệ, thời gian xây dựng cũng như tồn tại và đặc biệt được cho là hấp thụ “sóng vũ trụ” nào đó qua các cửa và lỗ thông hơi hướng về phương Bắc, nên mới tạo ra một môi trường có thể gìn giữ thi thể các Pharaon hàng nghìn năm. Còn ở đây rõ ràng không phải Kim tự tháp, mà chỉ là một nhà mồ được đào trong lòng đất hết sức mộc mạc, nhưng những xác người ở đây đã tồn tại hàng nghìn năm...

Điều gì làm các xác chết trường tồn với thời gian? Do thuật ướp xác? Do môi trường lưu giữ xác? Hay vì cả hai? Đó là những câu hỏi lớn mà sau nhiều thập kỷ tìm tòi người ta vẫn chưa có lời giải đáp hoàn toàn chính xác. Hiện thời, đã biết nhiều cách ướp xác khác nhau, con người mặc nhiên thừa nhận đi tiên phong trong lĩnh vực này nói riêng và học nói chung vẫn là người Ai Cập cổ đại. Nhiều thành tựu học ghi trên giấy papyrus chứng tỏ người Ai Cập cổ hiểu biết khá rõ về cơ thể người. Họ rất coi trọng việc thờ người chết vì cho rằng, người tuy chết nhưng linh hồn là bất tử. Trong mỗi con người đều có một hình bóng giống như mình khi soi gương - gọi là linh hồn (ka), khi ra đời linh hồn trùng trong thân xác, khi chết linh hồn rời khỏi xác nhưng vẫn tồn tại. Linh hồn chỉ bị chết hẳn khi thể xác hủy nát. Nếu thân xác nguyên vẹn thì đến một lúc nào đó linh hồn lại nhập vào xác và con người sẽ sống lại. Tín ngưỡng này thể hiện trong chuyện thần thoại về Thần Orisis (Thần sông Nil) và Thần Seth (Thần Sa mạc). Thuật ướp xác đã ra đời như thế và được cho là xuất hiện từ thời kỳ Cổ vương quốc (khoảng 3000 – 2200 TCN) và duy trì đến thế kỷ thứ năm. Người chuyên nghề ướp xác dùng một cái móc đưa qua đường mũi lên đầu để lấy hết não, rồi rửa sạch khoang sọ bằng một loại nước sắc nhiều cây cỏ thơm và rượu... Ngực và bụng được mổ bằng dao đá rất sắc để lấy hết phủ tạng, chỉ còn tim được

giữ nguyên trong lồng ngực vì tim được coi là nơi phát sinh ra thông minh và tình cảm nên phải được giữ lại để chờ ngày phán xử cuối cùng. Khoang ngực, bụng cũng được đổ đầy dung dịch hương liệu và rượu rồi khâu lại. Xác được ngâm trong nước muối khoảng 70 ngày nên teo nhỏ lại chỉ còn da bọc xương. Sau đó được xoa bằng dầu thơm và một dung dịch đặc biệt rồi được bó chặt bằng vải, có khi ngực, bụng còn được nhồi mạt chàm hương liệu (lại có nhà nghiên cứu cho rằng, sau khi xử lý não và phủ tạng, xác được chôn hoặc đặt trong hang không có gió khoảng 70 ngày, rồi bó bằng vải tẩm nhựa cây). Các ngón tay được lồng vào túi bằng vàng để khỏi rơi rụng. Đầu quan tài (bằng đá) người ta tạc khuôn mặt người quá cố, thân quan tài chạm hình quần áo để dễ nhận ra phần xác của mình, vì thế nhìn quan tài có hình người không có tay chân, bên cạnh mồ còn dựng tượng người chết bằng đá hoặc gỗ. Thở sơ khai, ướp xác là một nghi táng bất khả xâm phạm của vua và hoàng hậu. Từ khoảng 1500 năm TCN, giới quý tộc mới được phép dùng nghi táng này. Sau đó tục này lan đến những người giàu có và đến cả tầng lớp bình dân. Tuy nhiên, trong tục này cũng có phân biệt đẳng cấp: Vua chúa dùng kỹ thuật ướp phức tạp nhất, sau đến giới quý tộc và nhà giàu, tất nhiên phải trả một khoản tiền lớn, còn tầng lớp bình dân thì không phải trả tiền nhưng kỹ thuật ướp đơn giản nhất bằng dung dịch kiềm tính, và trát một lớp vôi bên ngoài. Năm 1996, ở gần vùng El Bawiti phát hiện khoảng 10.000 xác ướp có niên đại 300 năm TCN đến năm 300 CN. Viện Bảo tàng Ai Cập ở Cairo hiện đang trưng bày xác ướp 26 Pharaon cách chúng ta khoảng 4.000 – 5.000 năm nhưng tình trạng các xác vẫn rất tốt. Gần đây, các nhà khảo cổ Nhật Bản khai quật một xác ướp nguyên vẹn trong một ngôi mộ chưa bị xâm hại ở Nam Ai Cập. Ông Sakugi Yosimura, nhà nghiên cứu hàng đầu Đại học Tokyo cho biết, xác người đàn ông này được ướp trước triều đại Pharaon Tutankhamen (khoảng 1336

– 1327 TCN). Người Ukraina và châu Âu có cách ướp xác riêng của mình hay học của người Ai Cập? Câu hỏi này hiện vẫn chưa có lời giải đáp thỏa đáng. Nhưng người ta thiên về giả thiết thứ hai bởi thời Cổ đại, phương Đông và phương Tây với hai nền văn minh rực rỡ đã có sự giao lưu. Người (Liban ngày nay) đã đi lại buôn bán khắp Địa Trung Hải từ TK XI TCN đến TK VI TCN. Các nhà khoa học Hy Lạp cổ đại Pythagor, Thales đã đi du lịch Ai Cập, Lưỡng Hà; TKV TCN nhà sử học Hy Lạp Herodos đi du lịch nhiều nơi ở phương Đông. Cuối TK IV TCN, Alexandre Đại đế của Macedonia chinh phục phương Đông (đến tận tây bắc Ấn Độ) gọi là thời kỳ Hy Lạp hóa (334 – 30 TCN) và hình thành những quốc gia Hy Lạp hóa trong đó có Ai Cập. Có lúc Ai Cập chỉ là một tỉnh của La Mã. Thời kỳ Trung đại, châu Âu suy thoái nên lạc hậu hơn phương Đông về mọi mặt. Nhà nước A rập thành lập từ TK VII, đến TK VIII trở thành một đế quốc rộng lớn trải dài trên ba châu Á, Âu, Phi từ lưu vực sông đến Tây Ban Nha và là cầu nối giữa các nền văn minh Ấn Độ, Trung Quốc, Tây Âu nên việc học tập, trao đổi lẫn nhau những thành tựu khoa học, trong đó có cách ướp xác là một tất yếu. Từ TK XI – XIII các nước Tây Âu đã có 8 cuộc viễn chinh về phương Đông bởi những kỵ sĩ trên áo có hình cây thánh giá. Các cuộc thập tự chinh cũng là một cầu nối khác cho văn minh Đông – Tây. Tuy nhiên, ở nước Nga xưa kia có một cách ướp xác hoàn toàn khác với phương pháp truyền thống do nhà khoa học, bác sĩ Vyvodxev phát minh sử dụng chất hóa học, đó là các chất glycerin, acid phenic, cồn và long não. Cho đến nay, theo phương pháp này thì mới chỉ phát hiện được duy nhất một xác ướp nhà phẫu thuật Nga nổi tiếng thế giới N. I. Pirogov. Xác ướp nhà phẫu thuật đã qua 124 năm và chỉ được bảo quản sơ sài trong hầm mộ một nhà thờ nhỏ ở ngoại ô Vinxina, dù khuôn mặt và hai bàn tay của ông để hở trong không khí nhưng màu sắc hầu như không biến đổi.

Điều đặc biệt là các phủ tạng của Pirogov vẫn được giữ nguyên trong cơ thể. Thế nhưng, hiện thời vẫn chưa biết được tỉ lệ các chất mà Tiến sĩ Vyvodxev đã pha chế thành dung dịch ướp và cách xử lý cũng như những cách bảo vệ xác mà ông đã sử dụng.

Ở Việt Nam, nhiều người đã biết đến hai pho tượng giáp cốt ở chùa Đậu, Thường Tín, Hà Tây, là xác ướp để trong môi trường không khí bình thường chịu nhiều tác động thường xuyên và lâu dài của nhiệt độ, độ ẩm không khí, nghĩa là điều kiện bảo quản xác khó nhất. Những pho tượng xác ướp như thế này có thể thấy ở Tây Tạng, Nhật Bản, Việt Nam thường là di cốt những chân sư. Năm 2005, khi khai quật ở cánh đồng đào Nhật Tân, Hà Nội người ta đã tìm thấy một xác ướp khô nhưng vẫn nguyên vẹn sau 10 ngày lộ thiên chịu tác động của nắng mưa. Dù tẩm thiên đã bị phá, nước đã vào quan tài nhưng xác ướp 200 năm vẫn khô quắt, nguyên vẹn cả nội tạng, râu tóc; quần áo, chăn gối, vải chèn vẫn còn giữ được màu trắng. Đặc biệt là từ những đồ liệm này bay ra một mùi thơm và còn lưu lại rất lâu. Các nhà khảo cổ Việt Nam đã



lập hồ sơ 75 ngôi mộ xác ướp nhưng chưa có điều kiện khai quật. Họ cho rằng, cách ướp xác thường được sử dụng ở Trung Quốc và Việt Nam là phương pháp ngâm xác vào dung dịch ướp và cũng là trong môi trường yếm khí (không có không khí). Cốt lõi của phương pháp ướp này là làm cơ thể trở thành vô khuẩn. Khi người được ướp xác hấp hối thì cho uống thuốc hồi dương (chủ yếu là quế chi) để nhiệt độ cơ thể giảm chậm trong một thời gian sau khi chết và hạn chế vi khuẩn đường ruột. Lúc ngừng thở sẽ đổ khoảng một lít rượu nếp mạnh vào miệng để sát khuẩn đường tiêu hóa. Người ta cho rằng rượu có tác dụng giữ cho mô cơ thể không bị phân hủy. Người quá cố được tắm bằng nước ngũ vị hương nhằm diệt khuẩn trên da, rồi mặc quần áo tắm hương liệu, liệm bằng nhiều lớp vải lụa để tránh không khí tác động và nhập quan rất nhanh. Áo quan phải ghép rất kín và sơn trong ngoài để lượng không khí trong áo quan thấp nhất. Trong quan tài ngôi mộ Nhật Tân có dịch màu xanh đen xin được cho là dung dịch ướp. Cách ướp này thường sử dụng tinh dầu mà ngày nay phân tích biết là tinh dầu thông, bạch đàn, khuynh diệp, những chất lưu giữ mùi thơm rất lâu. Những phát hiện trên khẳng định người Việt Nam xưa đã nắm được kỹ thuật ướp xác hoàn hảo và tinh tế. Chỉ tiếc là hiện các nhà khoa học chưa tìm được bằng chứng về nguồn gốc và bí mật thuật ướp xác của người Việt.

NHỮNG XÁC ƯỚP TỰ NHIÊN DƯỚI GÓC NHÌN PHÁP Y

Ở thành phố Guanajuato, Mexico có một nghĩa địa lưu giữ 117 xác chết khô đét như được ướp, xác chết cách chúng ta khoảng 140 năm. Những xác chết này không hề được ướp mà chỉ chôn cất bình thường. Nhưng do khí hậu ở đây rất khô và trong đất có rất nhiều chất khoáng, nên xác chôn không hề phân hủy mà teo quắt lại và rất rắn. Dân chúng lấy nơi đây để mai táng những ai không muốn trở về “ cát bụi”. Hiện tượng này có thể giải thích đầy đủ là do khí hậu khô nóng, đất có nhiều khoáng chất là môi trường mà vi khuẩn không thể hoạt động được. Vì thế xác không bị phân hủy mà dần khô đét lại. Các nhà pháp y gọi những trường hợp này là xác tượng hóa (mummification). Tuy nhiên, ở vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ và độ ẩm cao như Việt Nam vẫn có không ít những xác chết sau 3 năm chôn cất thông thường hoặc lâu hơn vẫn còn nguyên vẹn phần mềm mà nhân dân thường gọi là mả kết, và hiện tượng này được gán cho những ý nghĩa không đúng theo quan niệm mê tín của mình. Khi người chết được chôn cất theo phương pháp truyền thống xưa nay, nếu nhiệt độ, môi trường thuận lợi, các loại vi khuẩn có sẵn trong cơ thể, trong đất sẽ sinh sôi rất nhanh và phần mềm của xác là nguồn dinh dưỡng lý tưởng để chúng phát triển. Nơi chôn cất nhiều nước thì phần mềm càng tiêu biến nhanh. Tuy nhiên, nếu vùng đất mai táng có nhiều ion natri, kali, calci, magne, mangan, sunfat... ngoài việc có tác dụng sát khuẩn trong đất, các ion này ngấm vào cơ thể và liên kết với chất glycerin, acid béo phân hủy từ mỡ để thành xà phòng gọi là hiện tượng xà phòng hóa. Hầu hết các xác đều có hiện tượng này nhưng vì chất xà phòng ít, không đủ để ngăn cản tác động phân hủy của vi khuẩn, cuối cùng chỉ còn lại phần cứng. Một số ít xác xà phòng hóa

mạnh toàn bộ nên cơ thể trở thành môi trường sát khuẩn hữu hiệu. Da xác có màu vàng, cứng, khó cắt, mùi khó chịu. Vai trò phân hủy phần mềm rất cần thiết và duy nhất chỉ có vi khuẩn làm được, nay không còn ý nghĩa nữa. Vì thế sau ba năm thi thể người chết thấy vẫn còn nguyên vẹn. Tương tự, ở vùng núi đá vôi có hiện tượng xác hóa đá mà vai trò chính là ion calci và sunfat. Nếu chôn cất ở nơi cao, khô nóng xác cũng phân hủy rất chậm... Người giám định pháp y thấy được giá trị bảo tồn những thương tích, bệnh lý ở các xác dạng này để tính toán có nên khai quật giúp cho điều tra vụ án? Còn người dân giải thích hiện tượng bằng quan niệm mê tín của mình!

PHẪU THUẬT KHÔNG DAO MỒ

Thông tin về những “nhà phẫu thuật không dao mổ thần bí” (thường được gọi là các healer - theo tiếng Anh là người chữa bệnh) tại Philippines đã gây xôn xao từ cả vài chục năm nay và cho đến nay vẫn chưa có ai đưa ra được lời giải thích chính xác về mặt khoa học.

Một dạng thôi miên

Vấn đề của những tranh luận này xuất phát ở chỗ, các healer: người chữa bệnh ở Philippines có khả năng tiến hành những ca phẫu thuật phức tạp nhất mà không hề dùng đến bất kỳ một thứ gì khác ngoài... đôi tay. Khi trong một trạng thái xuất thần (tương tự như một dạng thiền), họ chỉ cần dùng những ngón tay có thể dễ dàng rạch da thịt người bệnh, đưa tay Những hình ảnh phẫu thuật của Fiorentino Rino sâu vào trong cơ thể, kéo ra cơ quan bị bệnh hay một khối u nào đó (một cuộc phẫu thuật như vậy chỉ khoảng từ 1 đến 10 phút), trong khi máu của bệnh nhân chảy ra rất nhiều. Tuy nhiên, khi healer kết thúc phẫu thuật, rút tay ra khỏi vết thương, trên cơ thể bệnh nhân lại hầu như không phát hiện một chút dấu vết nào, thậm chí ngay cả một vết sẹo nhỏ. Bản thân người được phẫu thuật không hề cảm thấy đau, ngoại trừ những “cảm giác nhức buốt kỳ lạ” ở vùng da đang tiến hành phẫu thuật. Các healer (hiện ước tính có tới vài trăm người) sinh sống chủ yếu ở phía Bắc Philippines, xung quanh thành phố Bagio. Những chuyện kỳ lạ xung quanh thành phố này cũng có khá nhiều: Mỗi khi có con tàu nào cập bến tại đây, các thiết bị lắp đặt trên đó đều rung lên bần bật. Điều tương tự này cũng xảy ra đối với các máy bay trực thăng, dẫn đến quy định cấm chúng bay xung quanh thành phố. Có một giả thuyết cho rằng, trong khu vực hòn đảo này tồn tại một trường năng lượng rất mạnh nào đó. Điều đó giải thích vì sao các healer rất hiếm khi có khả năng phẫu thuật tại một nơi nào đó ngoài khu vực phía bắc Luzon và họ hầu như không có chút khả năng đặc biệt nào khi đi ra nước ngoài. Tổng thư ký Melvin Salvior của “Hiệp hội các healer Philippines” giải thích: “Trong thời gian phẫu thuật, healer sẽ rơi vào trạng thái thôi miên rất sâu, tương tự một dạng thiền định của các nhà yoga Ấn Độ”.

Những lý giải

Mỗi nghi ngờ chính của nhiều người là ở chỗ làm sao các healer có thể phẫu thuật mà không cần dao? Có một lời giải thích tương tự hình ảnh con người thò tay xuống nước và rút lên, mặt nước liền lại mà không để lại dấu vết. Khi phẫu thuật trong trạng thái thiền định, healer có thể đã rơi vào một chiều không gian khác, một phần cơ thể của bệnh nhân đang được chữa trị cũng tương tự như vậy. Thật ra, việc đó từ lâu không còn là chuyện quá lạ lẫm - các nhà sư, các nhà yoga Ấn Độ hay các phù thủy châu Phi cũng làm được như vậy. Một giả thuyết cho rằng, khả năng thôi miên sâu của healer giúp tạo ra một trường sinh học đặc biệt, tập trung tại các đầu ngón tay và hoạt động tương tự nguyên lý của tia laser chia cắt các lớp mô. Còn theo một giáo sư khoa Thụy Sĩ, healer mang một năng lượng đặc biệt, có thể truyền nó vào cơ thể người bệnh. Năng lượng này như một sóng vô tuyến tới được các khối u, “mở” chúng ra và đưa chúng ra ngoài lên lòng bàn tay của healer. Người được phẫu thuật không cảm thấy đau vì vết cắt do các ngón tay không chạm tới phần đầu dây thần kinh, còn bản thân việc phát xạ năng lượng sẽ giúp “khử trùng” cho đôi tay của healer. Ngay khi phẫu thuật kết thúc và trường sinh học biến mất, các tế bào mô sẽ trở lại trạng thái trước đây và ngay lập tức khép lại.

Khôn gchữ abên hch okẻấu

Healer nổi tiếng đầu tiên của Philippines chính là Eleuturio Terte (sau khi chữa khỏi cho một viên sĩ quan Mỹ đang hấp hối). Một lần khác, ngay trước mắt một hội đồng chẩn bệnh của Thụy Sĩ, healer này ấn tay thẳng vào mắt một bệnh nhân trong khi anh ta không hề cảm thấy đau đớn.

Ông ta nhanh chóng làm lành các vết khoét và lấy ra phần thủy tinh thể bị đục. Tiến sĩ Steller, chuyên gia vật lý của Trường Đại học Tổng hợp Dortmund, đã viết cả một tác phẩm về Terte, trong đó ghi nhận phân tích và nghiên cứu hàng trăm ca phẫu thuật không dao mổ”. Cũng theo giáo sư này, các healer của Philippines có thể phẫu thuật bằng tay trần mà không cần thôi miên bệnh nhân, không cần gây mê hay gây tê, không bị đau và không hề bị nhiễm trùng. Đây cũng là luận điểm của bác sĩ người Nhật Isamu Kumura, người đã trực tiếp nghiên cứu máu lấy từ một loạt phẫu thuật của Terte và xác định đó chính là máu của bệnh nhân. Terte chết vào năm 1979 khi đã 80 tuổi trong một hoàn cảnh khá nghèo túng. Cựu Tổng thống Philippines Ferdinand Marcos (bị lật đổ vào năm 1986) cũng thường xuyên phải nhờ đến sự giúp đỡ của một healer riêng là Emilio Lemes. Sau khi chạy ra nước ngoài, ông ta từng nhiều lần yêu cầu chính quyền mới cho phép Lemes tới chỗ mình nhưng bị từ chối. Chỉ 3 năm sau, Marcos chết ở tuổi 72.



Còn nhiều nhân vật nổi tiếng khác như cố Tổng thống Mỹ Ronald Reagan và cựu Thủ tướng Anh Margaret Thatcher đã từng được chữa trị bởi những healer tốt nhất qua lời giới thiệu của Marcos. Một healer nổi tiếng khác là Fiorentino Rino cho biết, nhiều healer đã từng khước từ việc chữa bệnh cho viên tướng Mỹ Jeremy Stenson, một kẻ “nổi danh” vì những vụ sát hại các nông dân vô tội trong chiến tranh Việt Nam.

“Họ đã nói thẳng ông là một người xấu xa. Thượng đế không muốn cho ông sống nữa. Stenson đã phàn nàn về điều này lên cả chính phủ, cảnh sát và đại sứ quán nhưng không ai có thể giúp được ông ta. Kết quả là một năm sau, ông ta chết” - Rino đã kể lại như vậy.

XUẤT XỨ CỦA BÙA YÊU

Cách đây khoảng gần một nghìn năm, các tài liệu cổ đã cho ghi nhận qua hình vẽ về một loại hoa kỳ lạ có thể làm cho người ta ngủ hay mê man. Về sau các nhà thám hiểm Tây phương đã lưu ý nhiều về các loại cây này. Vùng đảo Ceylon ở Ấn Độ Dương là nơi xuất phát của loại cây huyền bí này. Cây có hoa đặc biệt mùi thơm của nó diệu kỳ đến độ người phải đã thấy cảm giác tâm thần lâng lâng rã rời. Vào thời ấy Ceylon còn quá xa lạ và hoang vu nên khó có ai đặt chân đến. Nhiều người nghĩ rằng đây là loại cây thuộc giống thuốc phiện, cây thâu. Nhưng thực sự tác dụng của loại cây này đối với hệ thần kinh khác xa với loại thuốc phiện. Để có thể nghiên cứu sâu về nó không có gì hơn là phải đến tận nơi để xem tận mắt. Về sau, những nhà thám hiểm và nhất là những nhà thực vật học đã vượt biển Ấn Độ để đến hòn đảo kỳ lạ này. Rồi họ đặt chân lên vùng đất Ceylon, lúc này đây là một hoang đảo kỳ bí với các thổ dân trần trụi thường sử dụng những loại vũ khí thô sơ như là tên cung và cả giáo dài gắn đá nhọn. Sau bao nhiêu gian khổ, trèo đèo vượt suối, các nhà thực vật học mới tìm thấy một giống cây đặc biệt mà thổ dân vùng đất đảo này thường bảo vệ rất kỹ và họ tôn thờ như cây thần linh hiển.

Cây Kỳ Lạ NaGa MaRu

Một nhà sinh vật học người Pháp đã tìm đủ mọi cách để len lỏi vào được giang sơn của thổ dân vùng đảo Ceylon. Ông này được vị tù trưởng tiếp đón lạnh nhạt. Nhưng sau khi chiếc hộp quẹt toé lửa bùng sáng từ tay nhà sinh vật này thì vị tù trưởng mới lưu ý đến ông ta và cho vào lồng để mời uống một thứ rượu lạ, được chiết từ một số rễ cây, chính nhà sinh vật học này đã lưu lại vùng đất này khá lâu để tìm hiểu tường tận về loại cây này. Cây được gọi theo âm địa phương là Naga-maru. Đặc biệt hoa có mùi thơm thoảng nhẹ một cách lạ lùng trong không khí nhưng khi ngửi lại có mùi khó chịu. Thổ dân ở đây luôn luôn bảo vệ và giữ bí mật về công dụng của hoa này. Tuy nhiên, qua cách chế biến, tế tụy, săn sóc, nhà sinh vật học ấy đã đoán được mục đích của việc dùng loại hoa cho lãnh vực nào. Chỉ vào lúc nửa đêm, khi hoa nở (hoa giữ lâu trên cây), người ta sẽ hái hoa về và đem ép để lấy tinh chất của hoa. Tuy nhiên, phần lớn hoa Naga-maru được đem phơi khô trên những giàn tre rồi tán nhỏ. Nước ép có mùi vị thật kỳ lạ, đặc biệt khi nếm vào đầu lưỡi sẽ có cảm giác lâng lâng trong người. Theo các tài liệu cổ thì cảm giác tương tự như trên cơ thể được mê mên. Sau đó là tâm hồn như du vào cõi trần đầy tình cảm mến thương kỳ lạ. Nếu nhỏ vài giọt nước này vào chén nước mưa để uống sẽ cảm thấy trong người một niềm mê mên lưu luyến khó tả, và tự nhiên khiến người uống có cảm giác dễ thương yêu, dễ bày tỏ tình cảm với người đối diện nhất là người khác phái. Ngày xưa tại vùng đảo Ceylon hoang sơ, chỉ có vài vị tù trưởng hoặc thầy phù thủy là đứng ra pha chế loại nước “yêu đương này” từ cây Naga-maru. Về sau, các tay buôn chuyên làm ăn trục lợi đã chế loại “bùa mê, bùa yêu” từ chất sắc của cây này để đem bán ở vùng nam và trung Ấn. Các tay lái buôn cũng thường “lận lừng” loại bùa yêu này để đem sang Ai Cập bán.

Côn gđụn gủ aloạ ibù ayê uchiế ttừcây

Naga maru thực tểra sao Theo một số nhà sinh vật học đã thử nghiệm từ lâu về các chất ở cây này thì loại “bùa yêu” Naga-maru không có khả năng duy trì lâu dài sự yêu thương mê mết kẻ khác. Nhà sinh lý học F. Franklin cho rằng tác dụng của các chất trong cây Naga-maru thường có khả năng làm giảm sự hoạt động bén nhạy của lý trí. Khi lý trí bị mê mờ thì bản năng thể xác dễ buông thả tự do. Hơn nữa, tình cảm còn được mơn mớn và ru ngủ nên dễ dàng đi đến tình trạng ngã theo cảm tính tự nhiên. Tác dụng của chất trong cây Naga- maru dễ tan trong máu và cũng dễ biến mất nhanh có lẽ do một số chất nào đó trong máu đã trung hoà . Vì thế người uống loại nước này sẽ dễ dàng “yêu đương” nhưng chỉ vài phút là tỉnh ngộ ngay khi thuốc tan. Mặc dù vậy, theo các bô lão ở Ceylon thì chỉ chừng ấy thời gian cũng đủ hại cho người uống thuốc ấy, không những bị gạt tiền và còn gạt luôn cả tình. Nạn nhân đau khổ nhất phải kể đến là đàn bà con gái và không có trường hợp nào đúng hơn câu “một phút lỡ lầm” vào lúc này. Các thổ dân ở đảo Ceylon có kinh nghiệm sử dụng loại bùa yêu này đã cho biết rằng: nhiều thầy phù thủy có kinh nghiệm trong việc pha chế đã chế loại bùa yêu có khả năng duy trì sự đam mê đả đối cho những người mới gặp nhau trong vòng một giờ, điều này phù hợp với câu tục ngữ của Việt Nam ta là “Khôn ba năm, dại một giờ”. Theo các thổ dân thì ngoài chất sắc của cây Naga-maru ra còn có thêm các chất trích từ các cây cỏ khác nữa. Cho đến nay, chưa có nhà sinh vật học hay sinh lý học nào tìm thấy thêm loại cây cỏ nào có khả năng tạo sự yêu đương mê mẩn cho người này đối với người khác. Các nhà sinh học chỉ tìm được một số cây gây hưng phấn cho tình dục mà thôi. Việc pha chế loại thuốc làm bùa yêu từ cây naga-maru ngày càng

được nhiều thổ dân dùng. Về sau thổ thân dùng luôn cả cây, lá này đem sấy khô làm bùa để đeo (có khi đốt lấy



chất than bỏ vào túi nhỏ để đeo ngay trước ngực, nơi tim). Tuy nhiên, theo kinh nghiệm thực tế của nhiều thổ dân thì kết quả do “bùa yêu” này mang lại không công hiệu bằng thuốc nước pha chế từ cây ra. Có một điều mà các thổ dân ở đảo Ceylon tiết lộ khi người nào đó hết bị bùa yêu tác động thì họ sẽ như qua cơn mê, ngơ ngác, buồn bã, rã rời, họ trở nên khinh ghét và ghê tởm người mà trước đó họ đã say mê.

BÍ ẨN BÉ GÁI 5 TUỔI

Bé gái khoảng 5 tuổi, cao 1,20 m, người Ai Cập. Các khoa học gia đã dùng X-quang để tạo những hình ảnh gây ngạc nhiên. Bé gái đã chết lúc còn nhỏ. Nội tạng đã được lấy ra hết, xác được ướp bằng hương liệu, rồi được cuộn vải bên ngoài, sau đó được bọc một lớp chất cứng như bìa cứng. Xác ướp đã 2.000 tuổi, đặt ở Bảo tàng Ai Cập Roicrucian tại San Jose, California, Hoa Kỳ. Trong vài tháng qua, xác ướp được đặt tên là Sherit (theo tiếng Ả Rập cổ là “đứa bé”) và được đưa đến Trung tâm Định lượng sinh học Quốc gia của NASA ở Stanford, gần Palo Alto. Ở đó, các bác sĩ và các khoa học gia làm việc với các chuyên gia về hình ảnh đến từ Silicon Graphics - tìm hiểu về xác ướp. Họ đã sử dụng hơn 60.000 hình ảnh xử lý bằng X-quang kỹ thuật cao để có các thông tin nhiều gấp 35 lần khi tìm hiểu xác ướp vua Tut hồi đầu năm 2005. Nhóm nghiên cứu đã ráp các hình ảnh ba chiều của bé gái Ai Cập này. Qua hình ảnh các xương, các khoa học gia xác định Sherit có thể bước đi bình thường và không hề bị bệnh mãn tính. Rất có thể bé gái đã chết vì nhiễm trùng hoặc bị ngộ độc nước uống hay thực phẩm. Khoảng 50% trẻ em Ai Cập cổ đại bị như vậy trong vòng 1 hoặc 2 năm cai sữa. Xương và răng cũng góp phần giúp xác định độ tuổi: răng khôn chưa mọc. Mặt nạ bằng vàng chứng tỏ cha mẹ cô bé giàu có. Qua các chữ tượng hình (hieroglyphs) ở mặt trong phần vỏ bọc, hy vọng các nhà khoa học, khảo cổ sẽ sớm tìm ra bí ẩn và xác định được tên của bé gái này.

BÍ ẨN XÁC CHẾT 500 NĂM KHÔNG PHÂN HỦY

Trên đỉnh một trong những ngọn núi cao ngất trời của khu tự trị Tây Tạng, có một ngôi nhà cầu siêu nhỏ nằm đơn độc trên rìa núi lộng gió. Tại đây có một thi hài vô cùng đặc biệt ngồi thi gan cùng tuế nguyệt.



Người ta tin rằng cái xác này có tuổi thọ nhiều thế kỉ và không bao giờ bị phân hủy. Người dân địa phương tôn thờ ông, nhưng câu hỏi đặt ra là ông là ai? Bí mật của ông là gì? Liệu lời khẳng định của một số người rằng chính ông đã tự làm cho xác mình khô lại là đúng? Một nhóm các nhà khoa học quốc tế đã cố gắng tìm ra những bí ẩn đằng sau các câu hỏi này. Chuyến đi của họ tới Tây Tạng đã khám phá ra được sức phi thường của việc ngồi thiền, các nghi lễ bí ẩn và ranh giới mỏng manh giữa khoa học và siêu nhiên. Giáo sư Victor Mair - nhà nhân chủng học và là một chuyên gia nổi tiếng về Phật giáo tại Đại học Pennsylvania đã dẫn đầu nhóm nghiên cứu trong chuyến đi này. Các nhà khoa học xác định được đây là xác của một

nhà sư Tây Tạng có tên Sangha Tenzin. Ông được đặt bên trong một ngôi mộ ở làng Ghuen tại thung lũng Spiti, thuộc bang Himachal Pradesh (Ấn Độ). Giáo sư Victor Mair cho hay xác ướp này ít nhất 500 tuổi: “ Sangha Tenzin qua đời vào khoảng thời gian Colombus tìm ra châu Mỹ”. Nhà sư đã viên tịch trong khi đang ngồi thiền theo đúng tư thế mà người ta phát hiện ra ông hơn 500 năm sau. Người dân làng Ghuen đã biết về cái xác từ năm 1975. Năm đó, ngôi làng bị một trận động đất tàn phá và khiến cho một phần của ngôi mộ bị sạt lở. Ghuen nằm ở khu vực gần với biên giới Trung Quốc, đồng thời là một khu vực cấm dưới sự kiểm soát của cảnh sát biên giới Ấn - Tây Tạng. Do đó, hầu như không có người nào biết về cái xác này ngoại trừ dân làng Ghuen. Vào năm 1997, thi hài của nhà sư Tây Tạng được thế giới biết đến nhờ hai lính tuần tra Ấn Độ được cử đi xem xét một đoạn đường bị sạt lở do động đất ở thung lũng Spiti.

Dù đã hơn 500 tuổi nhưng xác của nhà sư Sangha ở trong tình trạng rất tốt, da không bị sứt mẻ và thậm chí vẫn còn tóc ở trên đầu. Không hề có bất cứ bằng chứng nào của các kỹ thuật ướp xác truyền thống. Giáo sư Mair nói rằng nguyên nhân một phần là do không khí cực kỳ khô và lạnh của khu vực và một phần có liên quan đến các trình tự ngồi thiền mà các nhà sư đạt đến trình độ luyện tập để xua trừ tà ma. “ Vào những tháng cuối cùng của cuộc đời, nhà sư không hề ăn uống, chính điều đó đã làm giảm lượng mỡ trong cơ thể và khiến các bộ phận nội tạng của cơ thể co nhỏ lại mà đáng lẽ ra chúng phải bị phân hủy”. Cái xác không đổ sập và rệu rã nhờ có một chiếc dây đay quấn quanh cổ và vòng qua bắp đùi. Chiếc dây đay đóng một vai trò rất quan trọng. Qua nó, các nhà khoa học biết được đây là một phương pháp ngồi thiền bí truyền ít người biết. Chiếc dây làm cho nhà sư phải ngồi thẳng và tập trung vào việc ngồi thiền của mình. Nếu ông thả lỏng người, nút đay sẽ xiết chặt cổ, chặn đường vào của khí oxy và khiến ông bị

ngạt thở. Cho đến nay, trong các cuốn sách về đạo Phật ở Ấn Độ có rất ít thông tin nói về phương pháp ngồi thiền này. Chỉ có duy nhất một bản thảo trong thư viện của Chùa Tabo đã từng nhắc đến nó. Từ những hiểu biết của mình về các nghi lễ và môn phái đạo Phật, giáo sư Mair cho biết phương pháp này rất hiếm: “ Nó chỉ tồn tại trong một số môn phái ở Nhật và Tây Tạng, vô cùng bí truyền và xuất hiện trong phạm vi những vùng rừng núi hiểm trở. Phương pháp này pha trộn truyền thống Dzogchen của dòng Nyingma”. Thật tình cờ là ngôi làng Ghuen lại nằm cách Chùa Tabo khoảng 50 km, đây là ngôi chùa Phật giáo nghìn năm tuổi cổ nhất còn sót lại trên dãy núi Xuyên Himalaya. Làng Ghuen cũng nằm giữa tuyến đường thông thương thường vận chuyển gia vị, len, muối, các loại đá quý và là đường qua lại giữa Ấn Độ và Tây Tạng. Theo lời kể của những người dân địa phương thì khoảng 600 năm trước, ngôi làng Ghuen bị bạo cạp quấy nhiễu. Nhà sư Sangha Tenzin lập tức ngồi phục xuống để thiền theo tư thế đã định trước. Người ta nói rằng khi linh hồn của ông rời thể xác, có một chiếc cầu vòng bất ngờ xuất hiện trên bầu trời, còn bạo cạp biến mất một cách bí ẩn khỏi ngôi làng.

LỜI NGUYỄN TRUYỀN THUYẾT HAY ĐIỀU CÓ THẬT ĐÃ ĐƯỢC MÃ HÓA

Liệu những cái chết bí ẩn xung quanh Kim tự tháp Ai Cập có liên quan đến lời nguyền. Vào thế kỷ 17 và 18, những hầm mộ đầu tiên của các Pharaon bị khai quật. Từ đó, câu chuyện có thật về lời nguyền đã hơn một lần vượt khỏi các kim tự tháp, vang lên điều răn đe khủng khiếp. Người ta nhớ đến vụ cả nước Anh kinh hãi vì cái nắp quách được tìm thấy vào năm 1860, thuộc sở hữu của Viện Bảo tàng Hoàng gia Anh. Cái nắp đó lấy lên từ phần mộ của một nữ tu sĩ thời xưa. Khi về Anh quốc, vật phẩm lạ kia đã gieo rắc tai họa cho tất cả những người tiếp xúc với nó. Người chủ sở hữu đầu tiên là ông Douglas Murray. Ông này bị mất hẳn một cánh tay ngay sau khi mua cái nắp bởi một viên đạn phát nổ từ chính khẩu súng của mình. Ít lâu sau, người thứ hai nếm trải sự trừng phạt là một nhà báo ở London. Cô mượn cái nắp về nhà để... xem. Ít ngày sau, mẹ cô đột ngột qua đời, rồi lời hứa hôn bị tan vỡ và cô bị mắc một chứng bệnh nany bí hiểm, y học thời đó bó tay. Nhưng sự trừng phạt vẫn tiếp tục khi ông Murray “cung tiến” cái nắp quý quái nọ cho Viện Bảo tàng. Một nhà khoa học chuyên về Ai Cập, khi đang xem xét những dòng chữ cổ in trên nắp, bỗng lăn ra chết bất ngờ. Nạn nhân tiếp theo là một nhà nhiếp ảnh. Ông này đột tử sau khi chụp được tấm ảnh làm rõ nét gian ác của khuôn mặt vẽ phía ngoài nắp (mà ai cũng cho là gương mặt hiền lành, khả ái)... Tin đồn về sự ghê gớm của cái nắp quách lan nhanh đến nỗi vào thập niên 1930, đồ cúng lễ từ khắp hành tinh tới tấp gửi về Viện Bảo tàng Hoàng gia Anh, đặc biệt là các vòng hoa quanh nắp luôn tươi mới. Nhưng nhiều cái chết kỳ lạ và đột ngột vẫn liên tiếp diễn ra ở các điểm khai quật khảo cổ ở Ai Cập và những nơi khác trên thế giới. Lời nguyền không chỉ có từ các đồ vật ở mộ phần các Pharaon. Những vị

chủ nhân khác cũng có khả năng “tắm” lời nguyền độc địa vào cái mà họ cảm thấy cần giữ gìn. Thurston Hopkins ghi lại câu chuyện như sau: Vào thời Nữ hoàng Victoria, tên sát nhân William Corder đã giết chết tình nhân của hắn tại Polsted (nước Anh) vào khoảng tháng 5/1827. Hắn bị hành hình. 50 năm sau, phần thi thể của tên sát nhân được vị bác sĩ có tên Kilmer cất giữ. Ông là một nhà khoa học có quan điểm rõ ràng đối với hiện tượng kỳ bí. Vị bác sĩ đã tách chiếc sọ của tên giết người, đánh bóng nó và bày “làm cảnh” ở phòng làm việc. Thế rồi điều kỳ lạ xảy ra. Vị bác sĩ và cả cô hầu đều cùng nhìn thấy lúc mơ hồ, lúc rất rõ kẻ lạ mặt đứng trong phòng, vận phục thời Victoria. Riêng bác sĩ Kilmer còn nghe rõ cả tiếng lẩm bẩm và hơi thở phì phò. Nhiều lần nửa đêm thức giấc, bác sĩ nghe nhiều tiếng động bất bình thường ở căn phòng chứa cái sọ. Một đêm, cơn gió lạnh từ đâu thốc tới, giữa lúc Kilmer bước vào phòng, cái giá đặt sọ rơi vỡ tung, còn sọ tên sát nhân tự dịch chuyển sang vị trí khác và ông thấy nó như cười nhạo nhử (?). Kilmer đã kiểm soát nhà cửa nhưng tịnh không thấy dấu hiệu nào của người lạ hiện diện bên trong. Vị bác sĩ, nhà khoa học, thật sự thảng thốt. Ông đem chiếc sọ Corder trả lại cho Thurston Hopkins, ông này đem các thứ ấy chôn cất ở nghĩa địa. Từ đó trở đi, hiện tượng kỳ lạ trong gia thất bác sĩ Kilmer cũng biến mất. Chuyện chiếc áo khoác của Nhà hát Công tước York gây ra nỗi khiếp sợ đến lạnh người. Vào năm 1948, Thora Hird, nữ diễn viên hài kịch nổi tiếng đã mặc chiếc áo đó khi trình diễn một vở kịch. Cô kinh hãi khi thấy chiếc áo cứ ngày càng thít chặt vào mình. Tất cả đồng nghiệp của cô cũng gặp nỗi sợ tương tự khi khoác chiếc áo này lên người... Phải chăng lời nguyền đã dẫn đến tai họa trong các câu chuyện trên, hay tai họa có nguyên do từ nỗi khiếp sợ ám ảnh. Câu hỏi vẫn lơ lửng khi người ta ngày càng tìm thấy nhiều bằng chứng kỳ bí ở những vật hiếm hoi, đắt tiền hơn. Viên kim cương “Hy vọng” là điển hình của chuỗi giai thoại theo mô típ ấy: Mở đầu là thảm họa của vị chủ nhân thứ nhất

- mất cả người lẫn của. Sau đó tai ương giáng xuống Hoàng hậu Marie Antoinette, cũng từ việc sở hữu “Hy vọng”. Sau đó, nó liên tiếp reo rắc những vụ tự sát, khuynh gia bại sản cho một loạt những người khác, trong đó có một vị vua Hồi giáo bị mất ngôi.

Đi tìm lời giải cho truyền thuyết có thật về lời nguyền, nhiều nhà khoa học đồng tình với ý kiến cho rằng nguyên nhân của những cái chết và cả loạt tai họa bí ẩn trên là do một loại vi khuẩn “chưa biết đến” đang nằm yên trong hầm mộ, tích tụ ngày một nhiều trong các đồ vật. Khi hầm mộ được khai quật, các “quái vật” nhỏ li ti giải phóng khỏi chỗ ẩn náu, chúng liền chứng tỏ ngay sức mạnh tàn phá. Nhưng vẫn còn nhiều điều bí ẩn chưa biết đến. Và liệu lời giải thích bằng loại “vi khuẩn chưa biết đến” này có đủ sức chinh phục những người còn tin vào sự hiện hữu mang vóc dáng thêu dệt của lời nguyền?

BÍ ẨN NHỮNG CON TÀU MA

Hàng thế kỷ nay, sự thật về những con tàu ma vẫn luôn là nỗi ám ảnh của những người đi biển. Số phận và nguyên nhân biến mất đầy bí hiểm của những thủy thủ đoàn như thế nào?... Có lẽ vẫn sẽ là một ẩn số không có lời giải.



“Tôi là người duy nhất còn sống sót...” Vào khoảng những năm 40 của thế kỷ trước, sự biến mất đầy bí hiểm của toàn bộ thủy thủ đoàn trên con tàu Urang Medana của Hà Lan được cho là một bí ẩn lớn nhất trong lịch sử ngành hàng hải thế giới.

Ở thời điểm đó, một vài trạm rada của Anh đặt tại Singapore và Sumatra (Indonesia) thông báo có nhận được tín hiệu cấp cứu từ tàu Urang Medana của Hà Lan với nội dung: “SOS... SOS tất cả đã chết... tôi là

người duy nhất còn sống sót...”, tiếp sau đó là hàng loạt các ký tự lộn xộn và các dấu chấm. Một lát sau tín hiệu được nối lại, nhưng chỉ có một câu duy nhất là “Tôi đang chết dần”, rồi kết thúc bằng một sự im lặng đến ghê rợn. Các cuộc tìm kiếm cứu hộ nhanh chóng được thiết lập và đã cho kết quả. Con tàu được tìm thấy tại vịnh Malacca, cách nơi phát tín hiệu trước đó khoảng 80 km. Khi bước chân lên Urang Medana, ngay lập tức các nhân viên cứu hộ phải sồn gai ốc trước cảnh tượng kinh hoàng trước những cái chết một cách bất thường của toàn bộ thủy thủ đoàn. Vị thuyền trưởng nằm ngay tại vị trí điều khiển, còn các sĩ quan và thủy thủ thì nằm rải rác khắp nơi trên tàu. Một nhân viên điện đài có lẽ là người đã phát ra tín hiệu cấp cứu, đã chết trong tình trạng đang làm việc. Ngay đến con chó trên tàu phải nhận một cái chết hết sức bất thường khi mõm của nó vẫn còn đang nhe nanh như đe dọa ai.

Điểm chung duy nhất là trên khuôn mặt của tất cả mọi người đều hiện rõ một nỗi sợ hãi khủng khiếp. Càng kỳ lạ hơn, không hề có bất kỳ một dấu hiệu tổn thương nào trên tất cả các tử thi. Giả thuyết về một vụ tấn công của cướp biển ngay lập tức bị loại bỏ bởi toàn bộ những thứ có giá trị trên tàu đều còn nguyên vẹn. Tuy nhiên, trong suốt chiều dài của thế kỷ 20, đây vẫn chưa phải là thảm họa duy nhất. Vào năm 1955, trên Thái Bình Dương người ta còn tìm thấy một chiếc thuyền buồm của Mỹ mang tên MB Elip cũng có những hiện tượng tương tự. Trên tàu, nước ngọt và đồ ăn dự trữ vẫn còn nguyên vẹn, các phương tiện cứu hộ vẫn chưa hề được sử dụng, vậy mà không có lấy một bóng người. Khoảng 5 năm sau, trên Đại Tây Dương cũng xuất hiện hai chiếc thuyền buồm của Anh trôi dạt. Năm 1970, tất cả thủy thủ đoàn cùng với con tàu chở hàng của Anh mang tên Minton đột ngột mất tích một cách lạ lùng mà cho đến nay sự kiện này vẫn còn là một ẩn số. Rồi đến năm 1973, một tai nạn đã xảy ra và làm đắm chiếc tàu đánh cá Anna của Na Uy. Những thủy thủ trên những con tàu khác gần đó

vô tình chứng kiến vụ tai nạn. Họ lấy làm lạ khi sự việc diễn ra không thấy có bất kỳ ai trên boong tàu.

BÍ ẨN CON TÀU MA “NGƯỜI HÀ LAN BAY”

Con tàu của ông ta lướt đi trên đại dương như một bóng ma nhẹ bẫng nên ông ta có biệt danh là “người Hà Lan bay”. Không có điều gì chắc chắn về ông, ngoại trừ ông ta là người Hà Lan và là thuyền trưởng của một con tàu ma. Những điều khác về ông ta đều mờ ảo và đen thẫm như làn nước biển đêm bởi những cái chết đeo bám cho kẻ xấu số nào nhìn thấy “người Hà Lan bay”!



Từ huyền thoại...

Huyền thoại về “người Hà Lan bay” đã có từ lâu. Nhiều người đi biển nói rằng, vị thuyền trưởng tài ba người Hà Lan này trong một chuyến đi dọc qua mũi Hảo Vọng đã được thông báo sẽ có một cơn bão biển xuất hiện. Mặc cho sự kinh hãi của hành khách, mặc cho gió biển gào thét xé nát cột buồm, sóng đập vỡ thành tàu nhưng viên thuyền trưởng vẫn nhất quyết giữ vững hải trình. Một số thủy thủ và hành khách quá sợ hãi và quyết tâm nổi dậy để chuyển hướng tàu vào bờ, nhưng viên thuyền trưởng đã nhanh chóng đánh gục thủ lĩnh cuộc nổi dậy và ném xác hấn xuống biển, miệng không ngừng nguyền rủa... Vào đúng lúc xác kẻ xấu số chạm mặt nước, thì “Raaacc!” con tàu đã bị bão biển nghiền nát. Viên thuyền trưởng gào lên trong điên dại: “ Ta thề bán linh hồn cho quỷ dữ nếu sống qua cơn bão này!”. Và, đó cũng là điểm khởi đầu về một bóng ma huyền thoại: “người Hà Lan bay”... Người đi biển tin rằng con tàu ma của “người Hà Lan bay” lướt đi không cần gió. Nó trông rất giản dị và đột ngột xuất hiện trước các thuyền khác, ra dấu hiệu chỉ đường rồi đột ngột biến mất để con thuyền đi theo mắc phải những lạch cạn. Có nhiều người thề sống thề chết là họ đã từng trông thấy con tàu ma, thậm chí nhìn thấy cả “người Hà Lan bay”. Họ nói bóng ma huyền thoại này luôn để đầu trần, mặt mũi râu rĩ, bàn tay ông đang bầu lấy bánh lái trên boong tàu và cầu xin Thượng đế tha ông ta tội bất kính. Huyền bí hơn, người ta còn nói rằng toàn bộ thủy thủ đoàn của “người Hà Lan bay” là những bộ xương di động đang cần mẫn làm việc. Phải chăng đó là chỉ là huyền thoại?

...đến những ghi chép

Câu chuyện “người Hà Lan bay” kích thích mạnh mẽ sự tò mò của mọi người, nhưng nó thực tế hơn nhiều so với hình ảnh sinh ra từ trí tưởng tượng của một số nhà văn. “Con tàu ma” đã nhiều lần được ghi nhận ngay cả trong thế kỷ 20... Một trong những ghi chép đầu tiên về “người Hà Lan bay” và con tàu của ông ta đã được một thuyền trưởng người Anh ghi lại vào năm 1835 tại bờ biển phía nam châu Phi. Toàn bộ thủy thủ trên tàu Anh quốc khi tránh bão bỗng thấy một con tàu nhẹ nhàng lướt trên những con sóng đang gào thét dữ dội. Nó hướng thẳng về phía con tàu của người Anh và khi tất cả mọi người nghĩ rằng hai con tàu sẽ đâm vào nhau thì con tàu ma... biến mất. Ngày 11/7/1881, tàu H.M.S Bacchante thuộc Hạm đội hải quân Hoàng gia Anh đang đi qua cực Nam châu Phi thì thấy con tàu của “người Hà Lan bay”. Một sĩ quan trên tàu đó chính là vua George V sau này - đã ghi lại lời kể của viên hoa tiêu khi anh này nhìn thấy tàu “người Hà Lan bay” trong đêm tối: “Tôi thấy con tàu sáng rực một màu đỏ, nó đứng im lìm trong sóng biển rất mạnh”. Sau đó vài ngày, viên hoa tiêu xấu số đã ngã từ cột buồm xuống biển. Vào một ngày tháng 3/1939, rất nhiều người ở dọc bờ biển phía nam châu Phi đã nhìn thấy “con tàu ma”. Con tàu có vóc dáng kiến trúc của thế kỷ 17, được ghi nhận ở Báo cáo thường niên của Thực dân Anh tại Nam Phi lúc đó: “Giữa lúc trời lặng sóng, con thuyền bỗng đột ngột xuất hiện ở bãi biển Glencairn. Mặc cho mọi người chỉ trò bàn tán về xuất xứ của con tàu theo kiểu cổ, một lúc sau con tàu bỗng dần tan biến ra một cách đầy bí hiểm như sự xuất hiện lạ lùng của nó”. Ghi nhận cuối cùng về con tàu của “người Hà Lan bay” là vào năm 1942, tại Cape Town - Nam Phi. Bốn nhân chứng cho biết họ đã nhìn thấy con tàu cổ đi vào vịnh Table và... biến mất. Và còn nhiều ghi chép nữa liên quan đến con tàu của “người

Hà Lan bay” như một hạm đội tàu ngầm của Đức đã gặp nó giữa tâm một cơn bão giũ dội ở vùng biển châu Phi trong Thế chiến II. Tuy nhiên những ghi chép đó không ghi cụ thể thời gian và địa điểm con tàu xuất hiện. Con tàu của “người Hà Lan bay” vẫn đang được che phủ bởi một màn sương biển bí ẩn...

...và trở lại với huyền thoại

Cho đến bây giờ nhiều người đã viết về “người Hà Lan bay”. Một số người cho rằng huyền thoại này bắt nguồn từ một sự kiện có thực. Họ cho biết tên của vị thuyền trưởng đó là Vanderdecken, Van Demien, Van Straaten hoặc Van der Decken. Vào năm 1641, vị thuyền trưởng người Hà Lan quyết định thành lập một công ty tên là Đông Ấn tại mũi Hảo Vọng. Trên đường trở về, ông đã gặp bão cách mũi Hảo Vọng không xa, con tàu bị xé thành từng mảnh, toàn bộ thủy thủ và thuyền trưởng tử nạn. Trước khi bị cơn sóng khổng lồ vùi xuống biển, viên thuyền trưởng người Hà Lan đã hét lên một lời nguyện át cả gió bão: “Ta sẽ còn đi quanh vùng biển này cho tới ngày tận thế!” Từ câu chuyện bi thương trên, người ta tin rằng trong mỗi cơn bão ở mũi Hảo Vọng, nếu chú ý bạn có thể nhìn thấy con thuyền của “người Hà Lan bay”. Tuy nhiên người ta cũng vô cùng sợ hãi bởi họ tin rằng nếu ai nhìn thấy vị thuyền trưởng xấu số đó sẽ gặp tai họa.

BÍ MẬT CỦA NHỮNG CON SÓNG MA

Khác với những con sóng thần (tsunami, được sinh ra từ các vụ động đất hoặc trượt đất dưới đáy biển), sóng ma (freak wave) thường xuất hiện đột ngột không vì lý do gì. Lâu nay, người ta không giải thích nổi vì sao từ lòng biển yên bình bỗng dưng lại dựng đứng lên những cột sóng cao tới mấy chục mét. Trong những giai thoại do những người đi biển kể lại, thì sóng ma luôn là một nỗi ám ảnh, bởi vì nó xuất hiện đột ngột như một hung thần, không thể hiểu nổi. Nhiều người cho rằng, nó thực ra không có thật, mà chỉ là sản phẩm tưởng tượng của những đầu óc ưa phiêu lưu. Tuy nhiên gần đây, các nhà khoa học Anh đã tìm ra những bằng chứng khá thuyết phục về sự hiện hữu của sóng ma. Năm 1978, con tàu chở dầu khổng lồ Munchen (Đức), một trong những con tàu lớn nhất thế giới, đã bị chìm bất ngờ. Nhiều người cho rằng, nó gặp sự cố kỹ thuật. Tuy nhiên, gần đây khi phân tích những mảnh vỡ của nó, các nhà khoa học Anh thấy rằng con tàu đã bị tấn công bởi một lực lớn khủng khiếp, ập từ trên cao xuống. Rất có thể đấy là một con sóng ma. Trên thế giới hiện nay, cứ mỗi tuần lại có một con tàu nhỏ bị nhận chìm một cách hết sức khó hiểu. Nhiều nhà khoa học cho rằng, chúng đều bị tấn công bởi các con sóng ma đơn lẻ, đột ngột trỗi lên từ đáy biển. Các bức ảnh chụp từ vệ tinh gần đây cho thấy, những con sóng ma này là hoàn toàn có thật. Các nhà khoa học giải thích rằng, sóng ma xuất hiện trong những trường hợp đặc biệt, khi sóng thủy triều kết hợp với các cơn gió mạnh bất chợt, tạo ra một khu vực nhỏ “bất thường”. Khu vực này nhanh chóng cuốn các con sóng “bình thường” khác vào nó, “nuốt” năng lượng của chúng để tạo ra một cột sóng lớn. Cột sóng này chỉ xuất hiện đơn lẻ, ào lên một lần rồi bị hóa giải ngay. Quá trình này xảy ra rất nhanh, khiến người ta hầu như không kịp phản ứng. Việc nghiên cứu sóng

ma rất có ý nghĩa, vì nó giúp các nhà khoa học thiết kế những con tàu có thể chống lại nó.

GIỌNG NÓI TỪ BIỂN KHƠI



Trong lịch sử ngành hàng hải, sự mất tích kỳ lạ của toàn bộ thủy thủ đoàn trên con tàu nổi tiếng Maria Chelesta luôn được nhắc đến như một bí ẩn vĩ đại nhất của đại dương. Vào tháng 12/1872, thủy thủ trên tàu Jea Grasia của Anh bất ngờ gặp một chiếc thuyền buồm di chuyển một cách không bình thường. Tiến lại gần, họ rất đỗi ngạc nhiên khi trên boong thuyền Chelesta không có bóng dáng của con người mà vô lăng lái lại không được cố định.

Một hoa tiêu và hai thủy thủ người Anh quyết định thâm nhập vào con thuyền này để tìm hiểu tình hình. Không hề có bất kỳ dấu hiệu nào của con người. Vật giá trị nhất mà họ tìm được chính là cuốn nhật ký đi biển, trong đó ngày cuối cùng được đặt bút là ngày 24/11/1872 (con thuyền được tìm thấy vào ngày 02/12). Con thuyền này được đưa về eo biển Gibraltar của Anh để các chuyên gia giàu kinh nghiệm điều tra bí ẩn đã xảy ra với nó, tuy nhiên mọi nỗ lực đều trở nên vô vọng. Năm 1937, nhà vật lý của Liên Xô là

Vladimir Suleykin đã đưa ra một giả thuyết được cho là tương đối thuyết phục. Trong một hành trình trên biển Kaspi trên tàu thủy văn Taimur, một nhà khoa học đi cùng Vladimir Suleykin đã thực hiện thí nghiệm với một quả cầu thám không chứa đầy khí hydro: Khi quả cầu này được đưa đến gần ai thì người đó bỗng xuất hiện một cảm giác đau buốt trong màng nhĩ, còn khi đưa ra xa cảm giác đau đớn đó dần tan biến. Vladimir Suleykin liền để ý tới hiện tượng lạ lùng này để rồi không lâu sau đó đưa ra nhận định của mình trên báo chí rằng, gió thổi qua các cơn sóng trong những ngày biển động đã tạo ra trong không khí các dao động sóng hạ âm mà tai con người không nghe thấy. Sóng hạ âm này rất có hại đối với con người. Trong dải tần thấp hơn 15 Hz, sóng hạ âm không chỉ gây tổn thương cho màng nhĩ, mà còn gây rối loạn hệ thần kinh trung ương và ảnh hưởng đến thị giác. Ở dải tần dưới 7 Hz, sóng hạ âm đôi khi gây tử vong đối với con người. Như vậy, nơi nào xuất hiện bão thì ở đó xuất hiện sóng hạ âm. Hiệu ứng này được V. Suleykin gọi là “âm thanh của biển cả”. Liệu con người đã tìm ra được bí mật của những con tàu ma xấu số? Vậy đâu là nguyên nhân dẫn đến những cái chết vô cùng bí hiểm của các thủy thủ trên tàu?

MỘT BIÊN NIÊN SỬ BUỒN...



Sự biến mất bí ẩn của con người và các con tàu vẫn tiếp tục trong thế kỷ 21. Liệu có phải, những trường hợp đó đều có liên quan đến “giọng nói từ biển khơi” hay không may chạm trán với “người Hà Lan bay”? Năm 2003, máy bay thuộc Cục Bảo vệ Bờ biển Australia đã tìm thấy một chiếc thuyền buồm của Indonesia gần bờ biển nước này. Tàu vẫn trong tình trạng hoạt động tốt, khoang chứa đầy cá, thế nhưng trên tàu lại không có một bóng người. (trước đó, tàu ra khơi với 14 thủy thủ). (Ảnh trên) Năm 2006, Cục bảo vệ bờ biển Sardinia (Italia) nhận thấy một chiếc thuyền buồm hai cột mang tên “Bel Amika” bị trôi dạt tự do mà không có người trên đó. Trên thuyền vẫn còn thức ăn thừa và những tấm bản đồ địa lý của Pháp. Cảnh sát nghi ngờ chiếc thuyền đã được những kẻ buôn lậu sử dụng để vận chuyển ma túy. Tuy nhiên giả thuyết này ngay sau đó bị bác bỏ khi họ sử dụng chó nghiệp vụ để điều tra. Cùng năm đó, cũng cách Australia không xa, người ta lại tìm thấy chiếc tàu chở dầu Yan Seng cũng không có bóng người. (Ảnh

trên) Năm 2007 một chiếc tàu dài 12m trống không có tên “Kaz II” được tìm thấy khi đang trôi dạt ở vùng biển Đông



Bắc Australia. Điều lạ là động cơ của tàu vẫn đang hoạt động, một máy tính xách tay và hệ thống định vị toàn cầu GPS, một bàn ăn đã dọn sẵn. Tất cả các phương tiện cứu hộ vẫn còn nguyên trên tàu. Cánh buồm vẫn được căng lên nhưng đã bị rách nát. Năm 2008, Cục an ninh biển Nhật Bản thông báo phát hiện một chiếc xà lan đang trôi dạt không có tên, không có số hiệu và không người trên boong. (Ảnh trên)

ĐỊA DANH MA ÁM NỔI TIẾNG NHẤT THẾ GIỚI

Lâu đài Edinburgh nổi tiếng là một trong những nơi nhiều ma nhất ở Scotland. Ngay chính thành phố Edinburgh cũng được gọi là thành phố ma trên toàn châu Âu.

Lâu đài Edinburgh thành phố Edinburgh Scotland

Trong rất nhiều dịp, khách thăm quan lâu đài cho biết họ nhìn thấy một bóng ma thối sáo không đầu - linh hồn của các tù nhân Pháp trong Chiến tranh 7 năm và của các tù nhân thuộc địa trong Chiến tranh Cách mạng Mỹ ở thế kỷ 18. Thậm chí, hồn ma của một con chó đi lảng vảng quanh nghĩa địa của chó.



Ngôi nhà Whaley House bang Cali fornia Mỹ

Tọa lạc tại thành phố San Diego (bang California), Whaley House được người ta biết đến là “ngôi nhà ma ám nổi tiếng nhất nước Mỹ”. Thomas Whaley xây dựng nó vào năm 1857 trên khu đất trước kia từng là nghĩa trang, kể từ đó nhà Whaley House trở thành nơi các hồn ma quây quần. Nhà văn deTraci Regula gợi nhớ lại về những sự việc kỳ lạ mà bà đã chứng kiến: “Rất nhiều lần, trong khi đang ăn tối ở quán cafe Old Town Mexican đối diện bên kia đường, tôi thường để ý thấy những chiếc cửa chớp trên tầng 2 của ngôi nhà đôi lúc mở tung ra, sau khi Whaley House đã được đóng cửa rất lâu. Trong một lần thăm mới đây , tôi có thể cảm thấy năng lượng ở vài nơi trong nhà, tôi ngửi thấy mùi xì gà nhè nhẹ, đặc biệt là ở trong phòng xử án. Qua hành lang, tôi ngửi thấy mùi nước hoa, mới đầu tôi tưởng đó là của một nữ giảng viên đi cùng nhưng sau này tôi được biết Whaley House hoàn toàn chẳng có mùi gì cả”.



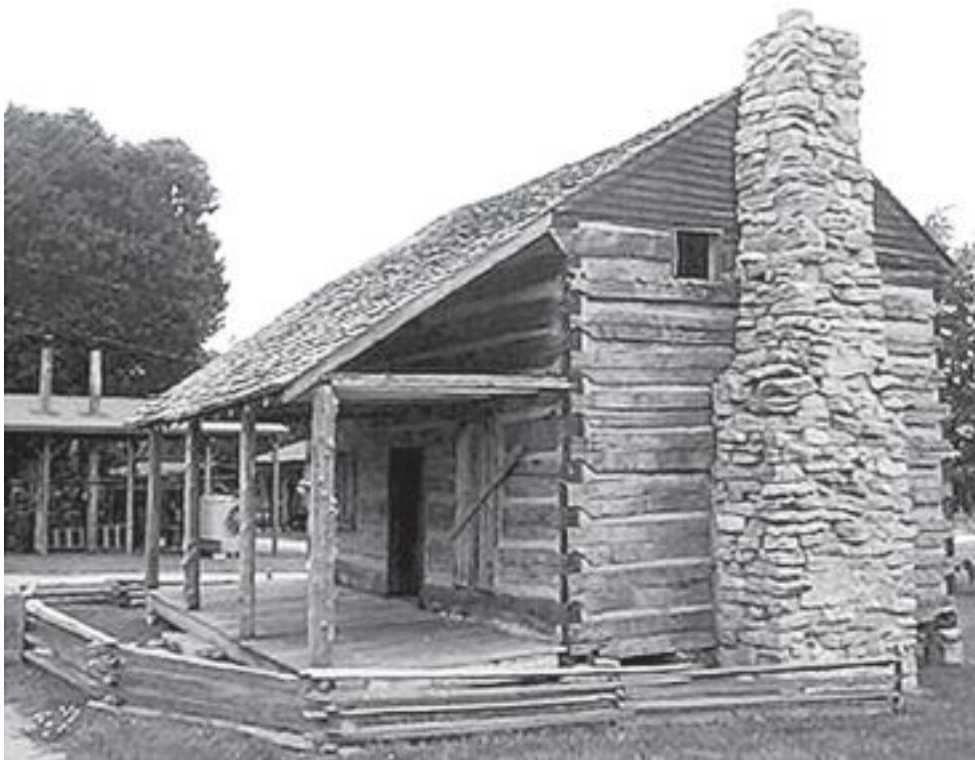
Ngôi nhà Borley làng Borley Anh

Ngôi nhà Borley được linh mục Henry Dawson Ellis Bull xây dựng gần nhà thờ Borley vào năm 1862 và ông đã chuyển đến sống tại đây sau một năm được bổ nhiệm làm chánh xứ của xứ đạo. Những người săn ma thích trích dẫn câu chuyện về Tu viện Benedict cho rằng ngôi nhà được xây dựng vào năm

1362. Theo đó, một vị linh mục của tu viện này đã quan hệ lén lút với một nữ tu ở tu viện khác gần đó. Sau khi cuộc tình bị bại lộ, vị linh mục này bị xử tử còn nữ tu bị đóng đinh vào bức tường gạch của tu viện.

Trang trại Bell ban gTennessee Mỹ

Trang trại Bell được nhắc đến trong rất nhiều cuốn sách, bộ phim và các chương trình truyền hình. Câu chuyện đằng sau trang trại ma Bell rất nổi tiếng bởi nó là câu chuyện duy nhất được ghi chép lại giữa những lời đồn thổi về ma quỷ, kể về một con ma đã gây ra cái chết của một người. Giữa năm 1817-1821, gia đình Bell bị khủng hoảng bởi một hồn ma có tên “ phù thủy Bell” hay “ Kate”. Họ tin rằng Kate đã giày vò và tra tấn John Bell (người cha của gia đình mắc bệnh rối loạn thần kinh), cuối cùng khiến ông bị chết.



John không thể ngủ hay khỏi bệnh. Người ta đã tìm thấy một chiếc lọ có chất lỏng màu đen kỳ lạ trên giường John sau khi ông chết. Để kiểm tra chất lỏng, người nhà John đã nhỏ một giọt vào lưỡi con mèo của gia đình, ngay lập tức con mèo lăn quay ra chết. Trong ba năm trở lại đây, cộng đồng sống

quanh trang trại Bell vẫn bị ám ảnh bởi người phụ nữ đó và họ tin rằng Kate đang làm điều gì đó rất xấu.

Tòa nhà Raynham hạt Norfolk Anh

Tòa nhà Raynham nổi tiếng nhờ hồn ma của “ bà Brown” được hai nhiếp ảnh gia chụp năm 1936. Nó là một trong những bức ảnh ma thật nhất từ trước đến nay.



Người ta nói rằng bóng ma “ bà Brown” ám toàn bộ cầu thang của ngôi nhà Raynham. Đầu những năm 1800, Vua George IV, sống trong ngôi nhà này đã nhìn thấy một người phụ nữ mặc bộ quần áo màu nâu đứng bên cạnh giường của ông với khuôn mặt tái nhợt và đầu tóc rối bời.

Đến năm 1836, Đại tá Loftus đến thăm ngôi nhà này nhân ngày lễ Noel, đã tình cờ nhìn thấy bóng ma. Một tuần sau đó, ông này lại nhìn thấy bóng ma mặc bộ quần áo xatanh màu nâu với hai hốc mắt trống rỗng. Một vài năm sau đó, sĩ quan Frederick Marryat và hai người bạn nhìn thấy “ bà Brown” đi lên xuống cầu thang với chiếc đèn lồng cầm trên tay. Ông

Marryat dùng súng bắn vào con ma, viên đạn xuyên qua người của bóng ma này.

Tàu Queen Mary bang California Mỹ

Theo những người đã từng thăm và làm việc trên Queen Mary, phòng máy móc chính là khu vực ma ám của con tàu, bởi tại đây một thủy thủ 17 tuổi đã bị đè chết sau khi cố gắng trốn thoát một trận hỏa hoạn. Rất nhiều người đã kể lại rằng họ nghe thấy những tiếng gõ và đập cửa trên các ống dẫn nước quanh cửa. Ở khu vực phía bàn tiếp tân của khách sạn, khách thăm quan thường nhìn thấy bóng ma của một người phụ nữ mặc áo trắng. Thêm nữa, có rất nhiều bóng ma trẻ em ám ảnh hồ bơi của Queen Mary. Người ta thường nghe thấy tiếng một bé gái gọi tìm mẹ và búp bê của mình - bé gái bị ngã gãy cổ trong một tai nạn ở bể bơi. Còn đồ đạc trong phòng thay đồ thì tự dịch chuyển, khách du lịch có thể cảm thấy những bàn tay chạm vào người, sự xuất hiện của những linh hồn và tiếng kêu rên đau đớn của một bóng ma ở giữa thân tàu - một thủy thủ đã chết tại đây khi Queen Mary va chạm với một con tàu nhỏ hơn.

Nhà Trắng thủ đô Washington Mỹ

Nằm ở số 1600 trên đại lộ Pennsylvania, thủ đô Washington, Nhà Trắng không chỉ là nơi ở của các tổng thống Mỹ đương thời mà còn là “điểm hẹn” của một vài cố tổng thống. Có người đã từng nghe thấy tiếng Tổng thống Harrison lục lọi trên tầng mặt thượng, Tổng thống Andrew Jackson thì không chịu rời bỏ phòng ngủ của mình, còn bóng ma đệ nhất phu nhân Abigail Adams bay lượn trong hành lang. Bóng ma thường được nhìn thấy nhiều nhất là của Tổng thống Abraham Lincoln. Một nữ thư ký trẻ dưới thời chính quyền Roosevelt nói rằng cô đã nhìn thấy bóng ngài Lincoln ngồi trên giường và đang cởi ủng ra. Một dịp khác, Nữ hoàng



Hà Lan Wilhelmina đã bị đánh thức bởi tiếng gõ cửa nhưng khi bà trả lời thì nhận được cái nhìn chăm chăm của Lincoln từ hành lang.

Tháp London thủ đô London Anh

Là một trong những di tích lịch sử được bảo tồn nguyên vẹn nổi tiếng nhất trên thế giới, nhưng Tháp London cũng nằm trong những địa danh ma ám nổi danh nhất. Chẳng có gì phải bàn cãi bởi đây là nơi diễn ra hàng trăm vụ xử tử, giết người và tra tấn dã man trong hơn 1.000 năm qua. Hàng chục vụ “chạm trán” với ma bên ngoài và bên trong tòa tháp đã được ghi lại.



Vào một ngày đông lạnh giá năm 1957, lúc 3 giờ sáng, một lính gác bị đánh thức bởi tiếng đập trên chòi canh. Khi anh bước ra ngoài để tìm hiểu thì nhìn thấy một bóng người trắng toát ở trên đỉnh tháp. Sau đó, anh lính mới biết rằng cũng vào chính ngày này cách đây hơn 500 năm trước, bà Jane Grey đã bị chặt đầu ở đây (12/2/1554). Tuy nhiên, có lẽ bóng ma nổi tiếng nhất ngụ tại tòa tháp này là linh hồn của bà Ann Boleyn - một trong số những người vợ của vua Henry VIII, người cũng bị chặt đầu vào năm 1536.

Bóng ma được nhìn thấy rất nhiều lần, đôi lúc ôm chiếc đầu của bà đi lang thang ở tháp Xanh và tháp Nhà Nguyễn. Một trong những câu chuyện ma đáng sợ nhất gắn liền với tháp London là câu chuyện kể về cái chết của nữ bá tước Salisbury, người bị kết án tử hình sau khi bị buộc tội dính líu tới các hành động tội ác vào năm 1541(mặc dù người dân tin rằng bà vô tội). Khi đang vùng vẫy ở trên đoạn đầu đài, bà chạy thoát và bị tay đao phủ rượt đuổi theo vung dao chém rơi đầu. Màn xử tử kinh hoàng này thường được các linh hồn ở tháp Xanh diễn lại.

Lâu đài Ballygally vịnh Ballygally Ireland

Ngụ tại ngôi làng cùng tên, thuộc hạt Antrim (Bắc Ireland), lâu đài Ballygally quay ra biển phía trước vịnh Ballygally. Nó là tòa nhà duy nhất được xây dựng từ thế kỷ 17 vẫn đang được sử dụng làm nơi ở và là một trong những nơi nhiều ma nhất trong vùng.



Một bóng ma thường được nhắc đến là bóng ma bà Isobel Shaw - người chủ cũ của lâu đài. Dân tình đồn rằng người sống trong nhà đôi khi nghe thấy những tiếng gõ cửa nhưng sau đó lập tức biến mất. Khi còn sống, Isobel đã bị chồng khóa vào trong phòng và không cho ăn, bà chết do nhảy từ cửa sổ xuống. Một bóng ma khác thường đi lại quanh lâu đài trong bộ váy lụa là bà Nixon, người đã sống ở đây vào thế kỷ 19.

Lâu đài Rose Hall vịnh Montego Jamaica

Rose Hall là lâu đài bằng đá nổi tiếng nhất được xây dựng vào những năm 1770 ở Jamaica. Với một tầng trên được trát vữa, Rose Hall nằm cheo leo trên sườn đồi đem đến cho khách tham quan một phong cảnh tuyệt đẹp nhìn ra biển. Rose Hall được biết đến với câu chuyện về người phụ nữ tên Annie Palmer tới đây vào năm 1820 và những truyền thuyết không có thật về những đường hầm dưới lòng đất, những vết máu và những câu chuyện ma. Annie Palmer là một phù thủy, người ta tin rằng ả đã giết ba người chồng (bằng đầu độc, đâm, treo cổ sau đó đổ dầu đun sôi vào tai họ) và rất nhiều tình nhân trong đó có các nô lệ với lý do đơn giản là ả đã chán họ. Mới đây, khách du lịch đã chụp được những bức ảnh xuất hiện các khuôn mặt ma quái.

NHỮNG BÍ ẨN LỚN NHẤT TRONG LỊCH SỬ



Bản thảo Rongorongo

Được xem là một điều bí ẩn nữa của đảo Phục Sinh, Rongorongo là tên của bản thảo viết bằng chữ tượng hình do những cư dân đầu tiên của đảo viết ra. Rongorongo xuất hiện một cách đầy bí ẩn vào những năm 1700 trong khi cư dân những vùng đảo lân cận còn chưa có chữ viết. Ngôn ngữ này đã biến mất từ lâu khiến cho việc giải mã bản thảo trở nên vô vọng. Thực dân châu Âu cấm đoán ngôn ngữ này vì nguồn gốc ngoại giáo của người dân trên đảo.

Bản thảo Voynich

Bản thảo viết tay Voynich có lẽ là quyển sách khó đọc nhất trên thế giới. Di vật 500 tuổi này được phát hiện vào năm 1912 ở một thư viện thuộc Rome, bao gồm 240 trang chữ viết và tranh minh họa hoàn toàn xa lạ. Các nhà mật mã đã ra sức giải mã chữ viết lạ lùng này nhưng chưa ai thành công. Thậm chí một số người còn cho đây chỉ là một trò đùa của người xưa. Tuy nhiên, phân tích quyển sách cho thấy bản viết tay này dường như tuân theo các cấu trúc và quy luật của một ngôn ngữ thật sự.

Thành phố Helike biến mất như thế nào

Nhà văn Hy Lạp Pausanias đã miêu tả lại cảnh tượng trận động đất kinh hoàng đã phá hủy thành phố Helike trong một đêm, kéo theo một cơn sóng thần khủng khiếp nhấn chìm tất cả những gì còn sót lại của thủ phủ phần thịnh một thời. Thủ đô của các nước liên minh vùng Achaean này là trung tâm thờ phụng thần biển cả Poseidon. Ngoài các văn tự Hy Lạp cổ, không có dấu hiệu gì cho thấy thành phố này đã từng tồn tại cho đến khi một nhà khảo cổ phát hiện đồng tiền Helike có chạm khắc hình đầu thần Poseidon. Năm 2001, hai nhà khảo cổ đã xác định được vị trí của thành phố Helike bên dưới một lớp bùn và sỏi. Công tác khai quật đang được tiến hành và các nhà khoa học hy vọng sẽ tìm hiểu được quá trình lớn mạnh và diệt vong của thành phố vốn được một số người xem là thành phố Atlantis trong huyền thoại.

Sự sụp đổ của Đế chế Minoan

Trong khi các sử gia ngày càng khám phá thêm nhiều nguyên nhân khiến Đế chế La Mã sụp đổ thì bí ẩn vẫn bao trùm lên sự biến mất của Đế chế Minoan . Cách đây khoảng 3.500 năm, một trận động đất xảy ra trên đảo Thera đã cuốn đi tất cả sự sống trên đảo Crete, nơi xuất phát câu chuyện về một vị vua và con quái vật đã ăn thịt ông ta. Những tấm bảng đất sét do các nhà khảo cổ phát hiện ra lại cho thấy đế chế này vẫn còn tồn tại sau đó khoảng 50 năm trước khi biến mất hoàn toàn. Các giả thiết về sự sụp đổ bao gồm một lớp tro núi lửa làm mùa màng thất bát hoặc họ đã bị quân Hy Lạp chiếm quyền.

Các cột đá Carnac

Công trình đá Stonehenge ở Anh vẫn còn là bí ẩn đối với các nhà khoa học nhưng công trình Carnac tại bờ biển Brittany đông bắc Pháp có lẽ còn gây tò mò hơn nữa. Hơn 3000 cột đá cự thạch được sắp xếp thành một đường hoàn hảo trải dài hơn 12 km. Truyền thuyết địa phương kể



rằng những cột đá này là một quân đoàn La Mã bị pháp sư Merlin hóa đá.

Một nhà khoa học nghiên cứu công trình hơn

30 năm lại giả thiết rằng những cột đá này là một công cụ dự báo động đất. Nhân dạng của những người thuộc thời kỳ đồ đá mới xây dựng công trình này hiện vẫn còn nằm trong vòng bí ẩn.

RobinHood là ai

Các sử gia vẫn tiếp tục tìm kiếm nhân vật Robin Hood huyền thoại, một hiệp sĩ rừng xanh cướp của người giàu chia cho dân nghèo và danh sách những người tình nghi xuất hiện khá nhiều tên tuổi. Trong số đó bao gồm một người chạy trốn đến Yorkshire tên Robert Hod, Hobbehod và một Robert Hood vùng Wakefield. Việc lọc ra những cái tên trở nên ngày càng phức tạp vì “ Robin Hood” mang nghĩa người sống ngoài vòng pháp luật như trong trường hợp của William Le Fevre. Người này sau đó đổi họ thành RobeHod, theo như những ghi chép của tòa án. Cuộc tìm kiếm nhân vật huyền thoại này trở nên khó khăn hơn vì về sau những người kể chuyện lại thêm dệt thêm nhiều nhân vật, ví dụ như Hoàng tử John và Richard Dũng Mãnh.

Sự mất tích của một binh đoàn La Mã

Sau khi một đội quân La Mã kém cỏi của tướng Crassus bị quân Parthians đánh bại, người ta cho rằng một nhóm nhỏ tù binh chiến tranh đã lang thang qua sa mạc và cuối cùng gia nhập vào quân đội của 17 năm sau. Sử gia Ban Gu sống ở Trung Quốc thế kỷ thứ nhất có ghi lại một trận đối đầu với đội quân lạ lùng chiến đấu theo đội hình vây cá, một nét đặc trưng của quân đội La Mã. Một sử gia thuộc Đại học Oxford so sánh các tài liệu cổ và cho rằng tàn quân La Mã đã xây dựng một thị trấn nhỏ tên Liqian gần sa mạc Gobi (cách viết của từ “La Mã” theo tiếng Trung). Các nhà khoa học đang tiến hành thử nghiệm DNA để chứng minh cho giả thiết trên và để giải thích một số đặc điểm của hậu duệ hiện nay: mắt màu lục, tóc vàng và thú vui đấu bò.



Xác ướp đầm lầy

Cho đến nay đã có hàng trăm xác ướp – chủ yếu từ thời đồ sắt – được phát hiện ở vùng đầm lầy phía bắc châu Âu. Phần nhiều các xác ướp được bảo quản rất tốt có niên đại đến 2000 năm và mang dấu vết của việc bị tra tấn và bạo lực. Những vết tích đáng sợ này khiến các nhà khoa học phải đặt giả thiết rằng họ là nạn nhân của một nghi thức cúng tế của người xưa.

Xác ướp hồ Tarim

Trong một cuộc khai quật bên dưới lưu vực Tarim phía tây Trung Quốc, các nhà khảo cổ đã phát hiện ra hơn 100 xác ướp có tuổi thọ hơn 2000 năm. Victor Mair, một giáo sư đại học đã hết sức ngạc nhiên khi đối mặt với các xác ướp tóc vàng, mũi dài trong một cuộc trưng bày ở viện bảo tàng đến nỗi năm 1993 ông đã quay lại để thu thập các mẫu DNA. Xét nghiệm DNA đã củng cố giả thiết của ông là các xác ướp này mang bộ gen của người châu Âu. Văn tịch cổ Trung Quốc thuộc thế kỷ thứ I trước Công nguyên có đề cập đến những nhóm người định cư da trắng được gọi là Bai, Yeuzhi và Tocharians. Tuy nhiên, vẫn chưa có lời giải thích nào về nguyên nhân tại sao những người này lại xuất hiện ở đây.

BÍ MẬT VỀ NGÔI MỘ CẶP QUÂN NHÂN 1000 NĂM TUỔI

Khi mới phát hiện ra ngôi mộ với hai thi thể này nhiều người đã nghĩ rằng họ là một cặp vợ chồng. Tuy nhiên, theo kết quả nghiên cứu mới nhất của các nhà khoa học thì họ không phải là vợ chồng mà là hai người đàn ông, hai người lính trong quân ngũ.



Hai bộ hài cốt được phát hiện Trong khoảng 1.000 năm, hai thi thể đã được đặt cạnh bên nhau trong một phần mộ. Điều khiến các nhà khoa học nghi ngờ họ là một cặp vợ chồng vì một cánh tay của người này ôm lấy người kia. Các nhà khoa học đã chứng minh họ là những quân nhân Saxon. Rất có thể họ đã chết và được chôn cùng nhau như những người anh em. Họ

được phát hiện tại khu vực gần Ramsgate, Kent. Ban đầu các nhà khoa học cho rằng họ là một cặp vợ chồng được chôn cất vào khoảng thời gian từ



Chân dung của người lính Saxon năm 410 đến năm 1066. Tuy nhiên, những nghiên cứu mới nhất đã khiến họ thay đổi quan điểm. Gollop Adrian, chuyên gia của Canterbury Archaeological Trust cho biết: “Đây là một phát hiện hiếm có. Họ có chiều cao khoảng 1,8m. Bộ hài cốt ở bên phải thì rõ ràng là đàn ông. Thi thể bên trái có một số đặc điểm của phụ nữ nhưng dường như lại mang đặc điểm của đàn ông nhiều hơn. Chúng tôi cũng chưa dám chắc 100% trước khi có kết quả kiểm tra. Chúng tôi nghĩ rằng họ được chôn cất giống như những người anh em”.



Bộ hài cốt của bà mẹ tuổi teen

Ông Gollop Adrian cũng bổ sung thêm: “Vì không có thêm bất cứ đồ vật nào được chôn theo họ nên chúng tôi không có nhiều đầu mối. Hiện tại đây vẫn còn là bí mật.” Các nhà khoa học tin tưởng những xét nghiệm sẽ giúp họ tìm được câu trả lời. Tại khu vực nói trên, các nhà khoa học cũng phát hiện thêm được một số phần mộ khác xuất hiện vào thời kì đồ đồng từ năm 2.700 đến 1.500 trước công nguyên và thời Trung cổ. Một phần mộ khác được tìm thấy từ thời kì La Mã. Đó là hài cốt của một cô gái trẻ, có thể

là một cô gái tuổi teen chết trong quá trình sinh nở. Cả hai mẹ con dường như được chôn cất ngay sau khi người mẹ tắt thở.

BÍ ẨN CỦA TRẠNG THÁI HÔN MÊ

Y văn thế giới đã ghi nhận nhiều trường hợp hôn mê kỳ lạ. Chẳng hạn, một phụ nữ Mỹ 29 tuổi hôn mê trong suốt 10 năm. Sau đó, một kẻ gian đã mò vào “làm bậy” và chị đã có thai. Đứa trẻ chào đời tháng 5/1996, hoàn toàn khỏe mạnh trong khi mẹ nó vẫn không hề biết gì. Hôn mê là một trạng thái cực kỳ bí ẩn và phức tạp mà các nhà khoa học chưa lý giải được tường tận. Nhiều nhà tâm lý học cho rằng đây là một trạng thái của vô thức. Hằng năm ở châu Âu có khoảng 2 triệu người rơi vào trạng thái hôn mê, riêng ở Pháp là 200.000, chủ yếu bị tai nạn giao thông, tai nạn lao động, một số do dùng thuốc quá liều, ngộ độc, dùng ma túy, rượu, hay bệnh tật (lượng đường trong máu tụt xuống quá thấp, tai biến mạch máu não). Rất nhiều trường hợp hôn mê nghiêm trọng và chẳng một thầy thuốc giỏi nào dám khẳng định bệnh nhân có tỉnh lại hay không. Từ điển Larousse định nghĩa về hôn mê rất ngắn gọn: “Mất ý thức từng phần hoặc toàn phần”. Vậy điều gì xảy ra trong não khi một người bị hôn mê? Người ta chỉ biết rằng sau một cú sốc, não sẽ thiếu oxy trong vài giây và gây ra cái chết cho một số tế bào thần kinh. Chỉ còn chức năng căn bản là được duy trì, chẳng hạn như hô hấp. Ý thức bị đình trệ tức thì và tư duy đương nhiên biến mất. Nạn nhân nằm “thẳng cẳng” trên giường. Trong đầu người ấy đang diễn ra những gì? Người ấy có nghe được các âm thanh xung quanh? Không ai biết. Suốt quá trình hôn mê, họ phải sống đời sống thực vật và cũng bị đánh giá chẳng khác loài thực vật là mấy. Đó là quan niệm suốt một thời gian dài về hôn mê. Nhưng ở thập niên cuối của thế kỷ 20, người ta bắt đầu thay đổi quan niệm này. Nhờ kỹ thuật hồi sức và tái hiện một số chức năng của mắt, hiện tượng hôn mê đã được xem xét kỹ hơn. Có thể tạm chia hôn mê thành 3 loại: Hôn mê thực vật: Nếu vài vùng trên não vẫn còn “sức sống” thì nạn

nhân rơi vào trạng thái thực vật, nghĩa là cơ thể vẫn có thể phản ứng đôi chút trước một số tác nhân kích thích bên ngoài. Mỗi dây liên hệ giữa bệnh nhân và thế giới bên ngoài chưa hẳn đã đoạn tuyệt. Hôn mê sâu: Hiện tượng suy giảm hô hấp đã xảy ra. Hôn mê vượt ngưỡng: Nghe có vẻ lạc quan nhưng kỳ thực đây là lúc nguy hiểm, có thể xảy ra chết não. Nạn nhân có thể chịu đựng tình trạng vô thức trong bao lâu? Rất khó xác định, có thể vài giờ, vài tháng, thậm chí vài năm. Y văn có ghi lại những ca hôn mê lịch sử như trường hợp của chị Elaine Esposito. Ngày 6/8/1941, chị lên bàn mổ vì viêm ruột thừa và hôn mê hơn 37 năm sau đó. Đến cuối năm

1978, Elaine ngừng thở mà không tỉnh lại phút nào. Có trường hợp sau thời gian hôn mê kéo dài, có khi vài chục năm, bỗng một ngày bệnh nhân tỉnh lại, ăn nói khúc chiết và tỉnh như sáo. Hans Waltrand hôn mê do ngã từ lầu 3 xuống đất. Sau 6 năm chìm vào giấc ngủ vô thức, Hans đột nhiên tỉnh lại, lúc đó người đàn ông 37 tuổi này đã trở thành niềm tự hào của nước Áo. Bé gái Dominique Sagan (Pháp) hôn mê do bị xe tải hất tung sang vệ đường. Lúc đó bé mới 2 tuổi rưỡi. Sau 27 năm chìm trong giấc ngủ sâu, Dominique qua đời. Gần đây, nhiều ý kiến cho rằng, ý thức chưa chắc đã rời khỏi một bệnh nhân đang hôn mê và vì thế, người ta không coi họ là “một cái cây” nữa. Nhiều trung tâm y tế đã sử dụng những biện pháp kích thích phục hồi như massage, cho thân nhân trò chuyện hằng ngày, sử dụng âm nhạc, tắm trong bể bơi... Tuy nhiên, cũng có những người chẳng cần bất cứ cách trị liệu nào, một ngày đẹp trời bỗng tỉnh lại. Có một điểm chung là những ai may mắn trở về với cuộc sống đều thay đổi tính khí, trở nên nhạy cảm hơn. Đa phần họ không tài nào nhớ nổi điều gì đã khiến mình rơi vào trạng thái hôn mê. Có người tỉnh táo nhưng bị liệt, phải tập đi, tập nói như con trẻ. Cho dù sau này có tỉnh táo đến đâu, họ cũng vướng phải “lỗ hổng” trí nhớ, rối loạn nhân cách cũng như có các triệu chứng đau đầu dai dẳng. Số người tiếp tục nghề cũ chỉ chiếm 1/10, còn tiếp tục lao động cống hiến

cho xã hội chỉ chiếm non nửa. Một điểm nữa có liên quan đến hôn mê là cái mà người ta hay gọi là: kinh nghiệm cận kề cái chết (cận tử). Một số người hiếm hoi sau khi thoát khỏi lưỡi hái của tử thần kể lại rằng họ “bay bổng lên, sau đó chui tọt vào một đường hầm, rồi rơi vào một vùng sáng lóa”. Nhà văn Philippe Labro, nạn nhân của một trận hôn mê kéo dài 4 ngày đã ghi lại trong tác phẩm *La Traversée*: “Một giọng nói từ đâu vọng đến, cho tôi biết rằng tôi sắp chết. Tôi có cảm tưởng đó chính là giọng nói của ý thức”. Khi mở mắt ra trên giường bệnh, Philippe nhớ như in cảm giác “vừa trôi lên từ đáy biển sâu sau một thời gian nhịn thở tối đa”. Theo các nhà khoa học, gan có thể không cần oxy trong vài phút, tim cũng chịu đựng được lâu (kỷ lục là 4 giờ) nhưng với não, thiếu oxy trong vòng 3 phút là thảm họa. Về vấn đề lỗ hổng trí nhớ, các nhà thần kinh học cho rằng số nơron trong não không còn đủ “chất” và “lượng” như xưa nên trí nhớ méo mó dẫn tới các ảo giác là điều dễ hiểu. **B Í ẨN NHỮNG VIỆN CẢNH SAU KHI CHẾT** Phần lớn những người từ cõi chết trở về đều kể lại, họ đã đi qua “đường hầm ánh sáng”, đã tận mắt nhìn thấy thiên thần, thậm chí tay bắt mặt mừng với những người thân đã khuất... Họ không bịa đặt, tuy nhiên nguồn gốc những câu chuyện này có chung một nguyên nhân. Theo Tiến sĩ Oleg Vasiliev, Giám đốc Viện Nghiên cứu hồi thức thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Y tế Nga: “60% những người trải qua giây phút thập tử nhất sinh đều có cảm giác cận kề cái chết rất thật. Sau khi “hồi sinh”, đa số đều có chung những câu chuyện gần giống nhau kiểu: họ bị kéo qua một luồng sáng nhanh và mạnh như thể đi cầu thang máy, gương mặt những người thân đã khuất vun vút chạy qua rõ mồn một, thậm chí có người còn được... Chúa Jesus đón chào”. Tuy nhiên nghiên cứu mới nhất khẳng định, tất cả những hình ảnh đó đích thực chỉ là ảo giác bắt nguồn từ các quá trình xử lý “chệch hướng” trong bộ não đã phần nào bị thương tổn của bệnh nhân. Trước tiên, tình trạng thiếu trầm trọng oxy lên não tạo điều kiện lý tưởng

cho một loạt ảo giác phát sinh. Tiếp đó cơ thể phát tín hiệu “nhả” ra một chuỗi endorphin - thực chất là tác nhân an thần làm dịu lại cơn đau và thần kinh căng thẳng, góp phần tạo nên cảm giác “lâng lâng siêu thoát” như phần lớn các bệnh nhân sau này hồi tưởng lại. Còn “hiệu ứng đường hầm” được giải thích bởi hiện tượng “ảo ảnh” rất hiếm gặp ở những người tỉnh táo: bệnh nhân chỉ nhìn thấy duy nhất những tia ảnh do cơ quan thị giác tạo ra, cho dù có bất cứ hình ảnh nào khác rơi vào võng mạc lúc đó. “Hiện tượng này cũng là một hậu quả của stress” - tiến sĩ Vasiliev khẳng định. Cảm giác “cận kề cái chết” không chỉ là cảm nhận riêng của những người mang bệnh thập tử nhất sinh, đôi khi cả sản phụ trong cơn đau đẻ hoặc người gặp ác mộng cũng trải qua những giây phút khó chịu “nhớ đời” như vậy. Ông Robert Baker, chuyên gia tâm lý thuộc trường ĐH Kentucky từ đó đã đi tới kết luận: “Khi đối diện với những tác động tâm sinh lý bất thường, não người phản ứng bằng cách điều tiết ra ảo giác. Những hình ảnh này thường gắn kết với tín ngưỡng tôn giáo, phong tục tập quán, chi phối bởi hy vọng hay lo sợ cá nhân...”.

“Do đó, câu chuyện “thế giới bên kia” của những người cận kề cái chết không thể coi là bằng chứng về sự tồn tại của một cuộc sống sau khi chết”.

NHỮNG CÁI CHẾT BÍ ẨN KHI “ĐỤNG” VÀO LĂNG MỘ CÁC PHARAON

Năm 23 tuổi, Huân tước Kanaphông người Anh được thừa kế một gia sản khổng lồ và đã quyết định dùng gia sản ấy vào việc tìm kiếm thăm dò các di tích cổ Ai Cập. Ông rời nước Anh đến sống ở Ai Cập, cùng một số chiến hữu bắt đầu công cuộc đào bới. Năm 1905, ông ký với nhà đương cục Ai Cập một văn bản tình nguyện bỏ kinh phí vào công tác khảo cổ, hiến toàn bộ các hiện vật tìm được vào Viện Bảo tàng Ai Cập, đổi lấy quyền được đào bới sa mạc Memphis vì mục đích khoa học. Hì hục suốt 17 năm trời không có kết quả, tiêu tán gần như toàn bộ gia sản, năm 1922, ông về Anh, trao lại công việc cho người bạn thân của ông, một nhà khảo cổ có tiếng. Một ngày nọ, trong khi đào bới gần nơi có lăng mộ cổ đã bị bọn trộm lục lợi chán, ông tìm thấy một đường hầm quả nhiên bên trong là một hầm mộ. Nhận được điện báo, ngay hôm sau, Huân tước cấp tốc rời nước Anh. Không ai ngờ lại còn tồn tại một kho báu lớn đến như vậy! Một hầm mộ gần như còn nguyên vẹn: Đủ mọi đồ vật, hòm xiểng, đèn, bình, lọ, chế tác hết sức tinh xảo bằng châu ngọc, và đều mang dấu ấn hoàng đế Tutakamông. Tiếp đó, ba tuần sau, họ tìm ra hầm mộ số II cách đó 10m, do đá hoa cương, vàng, ngà voi chế tác thành. Tháng 2 năm sau, lại phát hiện hầm mộ thứ III, đó là một cung điện bằng gỗ quý dát vàng khảm ngọc bích, có quan tài hoàng đế. Toàn công trường nín lặng trước những kỳ quan như thế rồi trong phút chốc họ vội vã rút lên mặt đất. Ra khỏi căn hầm, đột nhiên Kanaphông vượt má như vừa bị một thứ côn trùng gì từ trong ngôi mộ bay ra đốt ông, nhưng trong cảnh vui như hội này, không ai lưu ý đến sự việc đó. Trong rất nhiều hiện vật lấy được, người ta đặc biệt chú ý chiếc quan tài vua Pharaon. Quan tài được quấn nhiều lớp vải bọc để giữ thi thể

nhà vua. Lớp áo cuối cùng được dệt bằng kim tuyến cực kỳ tinh xảo, đến nay đã trải hơn ba ngàn năm mà sợi vàng vẫn còn lóng lánh rực rỡ. Ấn chương và các dòng chữ đã cho biết đây là chủ nhân chính của ngôi mộ: Pharaon 18 tuổi Tulankhamon, chết cách đây 35 thế kỷ. Từ khi phát hiện ra ngôi mộ cổ, người Kanaphông như rộc hăn đi, vết cắn của con côn trùng hôm nào ngày càng sưng tấy, đau nhức không chịu nổi, nhiều ngày không ngủ được, các thầy thuốc chữa mãi không lành. Ngày 4/6, tức 45 hôm sau khi khai quật, Kanaphông qua đời. Người bạn thân của ông tiếp tục tiến hành các bước còn lại. Ông thấy chiếc quan tài rất lớn còn chứa bên trong ba cái quách nhỏ, khảm ngọc ngà, cái trong cùng bọc sợi kim tuyến ra, thì đó chính là xác ướp của Tulankhamon, dung mạo tươi tắn như đang ngủ, lạ lùng thay, trên mặt hoàng đế có một vết hệt như vết con côn trùng nọ đã đốt huân tước. Ngẫu nhiên hay tất nhiên? Không ai giải thích nổi.

Điều đáng ngạc nhiên nữa là: sau đó 1 năm, toàn bộ những người tham gia khai quật đều lần lượt qua đời hết. Người thì bảo: Người Ai Cập chứa uranium trong hàm mộ, dùng tia phóng xạ để trừ khử những người dám xâm phạm đến nơi an nghỉ của các Pharaon. Lại có người bảo: người Ai Cập cổ đã dự trữ một bộ độc tố sau nhiều thế kỷ mới phát bệnh để nghiêm trị những tên đào bới mộ cổ. Nhưng cả hai cách giải thích ấy, chưa cách nào được nhiều người tán thành.

Được biết, đối với khu đền Đế Thiên Đế Thích (Ăngko Thom và Ăngko Vát bên Campuchia) cũng có tình hình như vậy: các nhà thám hiểm người Pháp đều bỏ mạng sau cuộc phát hiện lịch sử. Dường như người xưa tỏ ra rất thiêng trong sự bảo vệ những công trình thần bí của mình. Hiện nay người ta chưa lý giải được hiện tượng bí ẩn đó.

BÍ ẨN VỀ ĐIỀM BÁO TRONG GIẤC MƠ

Một trong những thách thức lớn nhất với khoa học hiện đại là giải mã bộ não người với những thông tin được báo trước mà người ta thường gọi là “điềm báo trong giấc mơ”. Vì sao báo mộng lại có thể vượt trước được cả không gian, thời gian? Cho đến nay, vẫn chưa có được lời giải thích hợp lý. Ngày 29/8/1893 tại Mỹ, phóng viên Samson của tờ báo Global kết thúc công việc, nằm nghỉ trên sofa rồi ngủ luôn. 7 giờ sau tỉnh dậy, anh vẫn nhớ rõ mồn một những gì xảy ra trong giấc mơ. Anh ngồi ngay vào bàn làm việc và ghi lại tất cả: núi lửa Krakatoa phun mạnh ở gần đảo Java, dung nham và đá bùn cuốn một đám người ra biển... Samson viết xong, tiện tay ghi luôn 2 chữ “quan trọng” rồi ra về. Hôm sau tổng biên tập đến thấy trên bàn làm việc của Samson có một bài viết, cho rằng anh đã nhận được tin tối qua, lập tức đăng ngay vào mục “tin khẩn”. Mấy chục tờ báo cũng đăng theo. Vì là tin thất thiệt nên dư luận phản đối gay gắt và Samson bị mất việc. Tuy nhiên, chỉ mấy ngày sau đó, núi lửa Krakatoa quả nhiên hoạt động rất mạnh. Rất nhiều người thiệt mạng trong lần phun trào này. Giấc mơ đáng sợ của Samson trở thành hiện thực. Chuyện ngẫu nhiên như vậy đến nay vẫn không có lời giải thích thoả đáng. Trên thế giới, những chuyện báo mộng như vậy cũng không ít. Tổng thống Mỹ Kennedy nằm mơ thấy mình bị ám sát. Quả nhiên ông đã bị sát hại vào ngày 22/11/1963. Ngày 3/3/1974, ở ngoại ô Paris, một máy bay DC-10 của hãng hàng không Thổ Nhĩ Kỳ bị nạn. 346 người thiệt mạng. Trước khi xảy ra sự việc này, một nữ công dân Mỹ, Robins, đã biết trước sự việc. Ngày 16/2, bà nằm mơ thấy chuyện đó và đã báo trước “Máy bay DC-10 đến London sẽ gặp nạn vào tháng 3 hoặc tháng 5, mấy trăm người chết, không ai thoát”. Ngày 24/2, bà lại nằm mơ thấy rõ ràng sự việc: máy bay từ Paris đi London... tai nạn xảy ra trong

rừng... một tuần nữa xảy ra. Lời dự báo của Robins được ghi âm và cục điều tra Liên bang gửi đến trực ban hàng không. Đáng tiếc là người ta đã không có biện pháp đề phòng nên tai nạn vẫn xảy ra. Ngược lại, có nhiều điều báo mộng đã giúp kịp thời thay đổi kế hoạch nên giảm được tổn thất và thương vong. Thí dụ như một giám đốc bệnh viện đã nằm mơ thấy sau năm 1972 sẽ có máy bay rơi xuống bên cạnh bệnh viện của ông. Ông đã áp dụng các biện pháp đề phòng. Ngày 7/2/1973, quả nhiên một máy bay chiến đấu phản lực đã rơi ngay cạnh phòng làm việc của ông. Vì đã có các biện pháp cấp cứu kịp thời nên giảm hẳn số thương vong. Khoa học hiện đại đang đi sâu nghiên cứu giấc mộng, đã phát hiện được những chức năng liên tưởng, cấu tứ, gợi ý và sáng tạo của nó. Một số nhà khoa học đi sâu nghiên cứu về khả năng truyền cảm thông tin, những nghiên cứu về mặt này sẽ có khả năng giải thích được hiện tượng gợi ý. Nhưng để giải thích hiện tượng báo mộng vẫn còn thiếu sức thuyết phục. Vì sao báo mộng lại có thể vượt trước được cả không gian, thời gian? Cho đến nay, vẫn chưa có được lời giải thích hợp lý.

HIỆN TƯỢNG CHƯA CÓ LỜI GIẢI

Theo Tạp chí khoa học Live Science, hiện vẫn còn 10 hiện tượng bí ẩn chưa được khoa học giải thích một cách trọn vẹn.

Mối iqua nhệc ơthểvàtin hthần

Hiệu ứng “giả dược” (placebo), người bệnh cảm thấy đỡ bệnh khi uống một loại thuốc mà họ tin tưởng có đem lại hiệu quả chữa bệnh. Ngành học mới chỉ bắt đầu hiểu được cách thức tinh thần ảnh hưởng đến cơ thể con người. Ngành học mới chỉ bắt đầu hiểu được cách thức tinh thần ảnh hưởng đến cơ thể con người.

Sức mạnh tâm linh và hiện tượng ngoại cảm

Sức mạnh tâm linh và hiện tượng ngoại cảm được xếp vào một trong mười hiện tượng vẫn chưa có lời giải thích bởi niềm tin vào hai hiện tượng này vẫn còn rất phổ biến. Rất nhiều người tin tưởng rằng trực giác là một dạng của sức mạnh tâm linh, một cách tiếp cận những kiến thức đặc biệt về thế giới hoặc về tương lai. Các nhà nghiên cứu đã tiến hành kiểm tra những người tự cho rằng mình có sức mạnh tâm linh, dù kết quả dưới những điều kiện có cơ sở khoa học cho đến nay vẫn còn khá mơ hồ. Một số lại cho rằng sức mạnh tâm linh không thể kiểm tra được, hoặc vì một lý do nào đó mà sức mạnh này bị giảm sút đi khi có mặt của những người hoài nghi hoặc các nhà khoa học. Nếu điều này là sự thật, khoa học sẽ không bao giờ chứng minh hoặc phản bác được sự tồn tại của sức mạnh tâm linh.

Những “kinh nghiệm” lúc cận kề với cái chết và cuộc sống sau khi chết

Những người đã từng một lần cận kề với cái chết, đôi khi cũng kể lại những sự việc rất huyền bí mà họ đã trải qua khi chuẩn bị đối mặt với cái chết (như đi vào một đường hầm tối và hiện ra trong một ánh đèn sáng, được đoàn tụ với những người thân yêu quý, một cảm giác hòa bình...). Do vậy, rất có thể rằng còn có một cuộc sống đằng sau ngôi mộ. Trong khi những sự việc trên còn đang được nghiên cứu, vẫn chưa ai có thể trở về mà có thể mang theo chứng cứ hoặc những thông tin khác nhau về “một cuộc sống đằng sau ngôi mộ”. Những người hoài nghi thì cho rằng những sự việc trên có thể giải thích như là những ảo giác tự nhiên hoặc đoán biết được của một bộ não đã bị tổn thương. Do vậy, vẫn chưa có cách nào để có thể biết chắc được cái gì tạo nên những sự việc lúc sắp qua đời hay chúng có thực là những ảo giác về “một khía cạnh khác”.

Vật thể bay không xác định

Chẳng còn nghi ngờ gì nữa khi những vật thể bay không xác định là hoàn toàn có thật - rất nhiều người đã nhìn thấy trên bầu trời nhiều vật thể mà họ không thể xác định đó là máy bay hay các vì sao. Dù những vật thể hay những ánh đèn này có là các con tàu vũ trụ có nguồn gốc ngoài Trái đất hay không thì nó còn là một vấn đề hoàn toàn khác. Tuy nhiên, trong khi những điều tra kỹ càng tiết lộ những căn nguyên đã biết về các vật thể được trông thấy rõ nhất, một số trường hợp của vật thể bay không xác định vẫn chưa thể giải thích được.

“Cảm giác ngỡ ngợ”

Déjà vu là một cụm từ tiếng Pháp có nghĩa rằng “đã gặp” (Dejavu), nhằm chỉ một cảm giác huyền bí, khó hiểu nào đó trước những sự việc cụ thể dường như đã gặp trước đó. Ví dụ như một người phụ nữ có thể đi vào trong một tòa nhà, ở một nước mà cô chưa từng đến, và có cảm giác rằng sự bố trí ở đó quen thuộc đến kỳ lạ. Một số thuộc tính dường như liên quan đến các vấn đề về tâm linh hay những ý niệm mờ mờ nẩy sinh về cuộc sống của những người quá cố. Cũng



giống với trực giác nghiên cứu về tâm lý học, con người có thể đưa ra những lời giải thích mang tính tự nhiên hơn, tuy nhiên rốt cục thì nguyên nhân và bản chất tự nhiên của hiện tượng vẫn luôn là một sự huyền bí.

Ma

Từ vở kịch “MacBeth” của Shakespeare tới chương trình “Medium” của đài NBC, linh hồn của người chết từ lâu đã hiện hữu trong nền văn hóa của chúng ta và được mọi người bàn tán nhiều trong dân gian. Rất nhiều người đã kể lại rằng họ đã nhìn thấy sự xuất hiện lờ mờ của bóng những người lạ mặt hay những người thân đã quá cố. Dù những chứng cứ xác thực về sự tồn tại của ma thường ít được nhắc tới, những người làm chứng thật thà nhất tiếp tục kể rằng họ đã nhìn thấy chụp được và thậm chí còn có thể nói chuyện với bóng ma. Những người tham gia điều tra về ma hi vọng một ngày họ sẽ chứng minh được người chết có thể nói chuyện với người sống, giúp đưa ra câu trả lời cuối cùng cho điều huyền bí trên.



Trực giác

Dù chúng ta có gọi trực giác là những cảm giác đặc biệt (gut feelings), “giác quan thứ 6”, hay một khái niệm nào khác, thì mọi người đều phải thừa nhận rằng chúng ta đều có trực giác vào một thời điểm nào đó. Dĩ nhiên, những cảm giác đặc biệt này thường không đúng (đã bao nhiêu lần bạn có cảm giác máy bay của mình đi xuống trong quá trình vận hành?), nhưng hầu hết họ đều đúng. Các nhà tâm lý học lưu ý, con người trong tiềm thức vẫn thu nhận thông tin về thế giới xung quanh, làm cho chúng ta có vẻ như cảm giác được hay biết được thông tin mà thực sự chúng ta cũng không biết chính xác tại sao và làm cách nào chúng ta lại biết được nó. Nhưng các trường hợp về trực giác thường khó chứng minh hoặc nghiên cứu, và tâm lý học cũng chỉ có thể là một phần của câu trả lời.

Tiến gkê ucủ avùn gTaos

Một vài cư dân và khách du lịch ở thành phố nhỏ vùng Taos, bang New Mexico, từ lâu đã bị quấy rầy và gây khó chịu bởi một tiếng kêu yếu, có tần suất thấp và huyền bí ở vùng không gian sa mạc. Kỳ lạ thay, chỉ có khoảng 2% dân số vùng này cho biết là họ nghe thấy tiếng kêu. Một số người đã tin rằng tiếng kêu do một âm thanh hiếm gặp gây ra; một số khác lại cho rằng âm thanh do chứng cuồng loạn hay một mục đích nham hiểm, bí mật nào đó của con người gây ra. Dù âm thanh này được miêu tả như là một tiếng kêu vo vo, tiếng ngân nga hay một tiếng kêu rầm rầm và dù chúng có mang các đặc điểm về tâm lý học, tự nhiên hay siêu nhiên, cho đến nay vẫn không ai có thể xác định được nguồn gốc của âm thanh này.



BÍ ẨN TRẠNG THÁI “ẢO THÂN”

Theo mô tả của những người đã từng rơi vào trạng thái ảo thân, có một quả cầu bạc xuất hiện trên đầu, và “linh hồn” của họ chui vào quả cầu đó.



“Ảo thân ” hay “ du thần” (out of body experience - OBE) là trạng thái như cơ thể bị phân tách thành hai nửa, dạng như hồn vía và thể xác. Trong đó, phần “ thần” vẫn quan sát được thể xác và thế giới xung quanh. Những trường hợp OBE thường được tả giống như người trong mơ, hoặc nửa tỉnh nửa mê nhưng 5 giác quan vẫn hoạt động bình thường. Một thống kê cho thấy có tới 15% người được hỏi từng bị ảo thân. Những người đã từng rơi vào trạng thái này kể lại, họ thấy một quả cầu màu bạc đường kính khoảng 15 cm xuất hiện phía trên đầu (đôi khi là một đường hầm và ánh sáng xuất hiện ở phía cuối). “Linh hồn” của họ chui vào đó và quả cầu bắt đầu

chuyển động xuyên qua trần nhà lên phía trên. Một sợi dây bạc gọi là quang tuyến níu giữ giữa quả cầu “ linh hồn” và thể xác của họ. Sau đó quả cầu bạc lớn mãi, vượt ra ngoài vũ trụ, thậm chí có người còn mô tả quả cầu bạc đã đưa họ tới tận... Mộc tinh. Nếu ở tình trạng OBE lâu hơn 5 phút, sẽ có cảm giác kéo căng ở trán, thái dương, cơ thể rung động, theo những người này là do sợi quang tuyến bị căng quá mức. Không chỉ lang thang khắp vũ trụ, những người ảo thân còn mô tả gặp cả Chúa trời, thiên thần hộ mệnh (đôi khi có dạng một con thú nào đó, được cho là nắm giữ tất cả các bí mật của thế giới) hoặc bất cứ điều gì họ muốn. Khi đã chán chu du thiên hạ, “hồn” của họ sẽ trở về theo trình tự ngược lại. Quả cầu bạc sẽ thu nhỏ dần, về trái đất, về căn nhà, đến bên thân thể họ và chui qua đường... ngón chân để trở lại bình thường. Một vật bất ly thân của các OBE chuyên nghiệp là cuốn nhật ký xuất vĩa, chuyên ghi lại những kinh nghiệm hoặc khó khăn của các chuyến “ du ngoạn” kiểu OBE. Với họ, việc gặp thiên thần hộ mệnh là quá đơn giản. Họ có thể vượt qua được các rào cản “ năng lượng” để chuyển động tới những vùng cấm kỵ của vũ trụ. Các tay OBE chuyên nghiệp còn cho rằng họ có thể “ đọc vị” suy nghĩ của các nhà lãnh đạo cao cấp, đó là đẳng cấp “ gián điệp OBE”. Nghĩa là họ dùng phương pháp “ du thần” để thâm nhập những khu vực được bảo vệ tuyệt mật, hoặc đi vào ý nghĩ của các nhà lãnh đạo, để thu thập thông tin, thậm chí là điều khiển họ làm những công việc có lợi. Bản thân Cơ quan tình báo Mỹ cũng từng có thời kỳ hoang mang trước các câu chuyện của OBE. Có thời điểm CIA đã chiêu mộ 16 OBE chuyên nghiệp để thử nghiệm làm hàng rào “ năng lượng”. Nhà cận tâm lý học Susan Blackmore (Mỹ) đã tìm cách khám phá những bí mật của OBE. Khi còn là sinh viên, bà đã trực tiếp thực nghiệm OBE trên bản thân mình, và mô tả khá giống với “ nhật ký xuất vĩa” của các tay OBE chuyên nghiệp: “ Thần” thoát ra qua một đường hầm và bay lên, cũng có một sợi dây bạc nối “thần” với thể xác. Nó vượt qua khu giảng

đường Oxford, thấy nước Anh ở phía dưới và cuối cùng, vượt qua Đại Tây Dương tới New York. Sau đó Susan trở về phòng của mình tại Oxford và thu nhỏ, thu nhỏ... chui qua ngón chân vào cơ thể. Susan thú nhận bà đã sử dụng một số loại ma túy như bồ đà (gây ảo giác mạnh) để đạt được điều này chứ không phải luyện tập theo “ giáo trình” của các OBE chuyên nghiệp. Qua đó, bà cho rằng, OBE là một tình trạng mất phản xạ của thần kinh thị giác, gây ảo giác (gần giống với tình trạng các kinh nghiệm cận tử hoặc một bệnh tâm thần có tên là “ ảo giác thần tiên”). Nó có thể bị chi phối bởi thuốc gây mê, ma túy hoặc sang chấn tâm lý. Những câu chuyện về OBE được thêu dệt ngày càng phong phú nhưng lại không có một bằng chứng nào rõ ràng. Điều này đã làm một người Mỹ là ông James Randi nảy ra sáng kiến. Vào năm 1964, ông đã thành lập một quỹ để thưởng cho ai đưa ra bằng chứng về những khả năng đặc biệt, với mức thưởng ban đầu là 1.000 USD, và hiện nay đã lên tới 1 triệu USD. Điều kiện tham dự khá đơn giản, chỉ cần chứng minh (dưới sự giám sát của ban giám khảo) rằng mình có khả năng siêu nhiên nào đó như gọi hồn, ngoại cảm thấu thị, nhân điện, thần giao cách cảm... Từ năm 1997 tới 2005 đã có 650 người nộp đơn nhưng không ai vượt qua được vòng sơ khảo.

THIẾU NỮ BỊ MÙ NGÀY MỘT TUẦN

Một thiếu nữ người Úc mắc phải một trong những hiện tượng kỳ lạ nhất thế giới: đôi mắt của cô cứ 3 ngày lại nhắm tịt vào, sau đó lại mở ra trong

3 ngày. Cho đến nay các nhà khoa học vẫn chưa có lời giải thích cho vấn đề này. Natalie Adler, 21 tuổi, sinh hoạt rất thất thường trong 4 năm qua. Các bác sĩ cho hay cô là người duy nhất trên thế giới mắc phải tình trạng này. “Mắt tôi nhắm tịt trong 3 ngày, sau đó lại mở trong 3 ngày tiếp theo. Sự thay đổi này diễn ra vào đêm thứ 3, lúc tôi đi ngủ, mắt vẫn mở bình thường, sáng hôm sau thức dậy mắt đã nhắm nghiền không tài nào mở ra được. Không thể biết nguyên nhân tại sao”. Cô gái đến từ thành phố Melbourne đã trải qua hàng trăm cuộc kiểm tra kể từ khi mắc phải tình trạng trở trêu này vào giữa học kỳ lớp 11. “Một buổi sáng Chủ nhật tôi thức dậy và thấy mắt bị sưng vù. Đó là hôm trước ngày đi thi tiếng Anh. Bác sĩ bảo tôi bị viêm xoang và khuẩn tụ cầu. Kể cả khi khỏi tôi cũng chẳng thấy khác hơn. Mắt tôi bắt đầu đóng mở ngẫu nhiên nhưng trong vài tuần tiếp theo chúng nhắm tịt trong 3 ngày theo định kỳ”.



Phó giáo sư Justin O’Day - trưởng khoa nhãn khoa-thần kinh của Viện mắt Hoàng gia cho biết: “Natalie vẫn là một bài toán khó giải. Chưa có ai đưa ra được giải thích khoa học cho hiện tượng kỳ lạ này”. Trong “những ngày mắt nhắm”, mắt của Natalie hoàn toàn khép chặt. Vào “những ngày mắt mở”, chúng hoạt động bình thường, tuy nhiên mí mắt trái có hơi chùng xuống. Do mắc phải tình trạng oái oăm này mà Natalie phải cố gắng học thật nhiều trong những ngày mắt mở. Tuy nhiên có những việc thì không thể nào sắp đặt trước được. “Vào ngày sinh nhật thứ 18, mắt tôi nhắm, nhưng ngày sinh nhật thứ 21 mắt tôi lại mở, thế là tôi đã tranh thủ tổ chức một bữa tiệc thật linh đình”.

BÍ ẨN “BÀI HÁT TỬ THẦN”

Nhạc sĩ người Hungary Rezső Seress sáng tác bài Szomorú Vasárnap để diễn tả tâm trạng thất tình của mình. Seress không ngờ rằng, bài hát của ông bị “kết tội” là nguyên nhân làm cho hàng trăm người tự tử.

Xuất hiện bài hát tử thần

Một chiều buồn cuối năm 1932, bầu trời Paris thật ảm đạm, mưa nặng hạt và lạnh lẽo. Nhạc sĩ dương cầm Rezső Seress ngồi chơi đàn dương cầm bên cửa sổ. Một giai điệu chợt xuất hiện trong đầu ông và nửa tiếng đồng hồ sau, bài hát Szomorú Vasárnap (phiên bản tiếng Anh là Gloomy Sunday

- Chủ nhật buồn) đã ra đời. Bài hát của ông nói về tâm trạng đau khổ của một người thất tình “ngồi một mình, nghe hơi mưa”, với “đợi chờ không nguôi ngoai” và cuối cùng là “chủ nhật nào, tôi im hơi... đến với tôi thì muộn rồi”. Bài hát ban đầu bị các hãng thu băng từ chối vì “nhạc và lời quá buồn thảm”. Phải mất vài tháng trời, Seress mới tìm được một hãng băng đĩa nhận lời mua nó và phát hành tại nhiều thành phố lớn trên thế giới. Khi Szomorú Vasárnap được tung ra thị trường, những chuyện kỳ lạ bắt đầu xuất hiện. Tại Berlin (Đức), một thanh niên sau khi nghe bài hát đã phàn nàn với bạn bè rằng anh ta bị ám ảnh bởi nhạc và lời của nó, anh rơi vào trạng thái trầm cảm và không sao thoát ra được. Cuối cùng, anh ta đã dùng súng bắn vào đầu tự vẫn. Vài ngày sau, cũng tại Berlin, người ta lại phát hiện một cô gái treo cổ tự tử và dưới chân cô là bản nhạc Chủ nhật buồn. Báo chí bắt đầu loan tin về hiện tượng này, và liên tiếp các vụ án tương tự xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới như Hungary, Pháp, Mỹ. Bản thân Seress cũng rất kinh ngạc và không tin vào điều đó. Nhưng khi người ta thống kê

được hàng trăm vụ tự tử trên khắp thế giới có liên quan đến bài hát của Seress thì ông bắt đầu hoảng sợ thực sự. Lệnh cấm lưu hành bài hát đã được nhiều nước như Anh, Mỹ đưa ra. Nhưng càng cấm, bài hát càng nổi tiếng và danh sách những nạn nhân càng dài thêm, ở đủ mọi lứa tuổi, ngành nghề, màu da. Có tới 15 quốc gia đâm đơn kiện tác giả Seress, buộc tội ông có liên quan đến những cái chết đó. Cơn sốt bài hát Chủ nhật buồn lên đến đỉnh điểm vào năm 1936. Bất chấp lệnh cấm, bản copy bài hát được bày bán khắp nơi ngay trên hè phố Paris. Những lời đồn đại làm cho nhiều ban nhạc và ca sĩ không dám hát bài “chết chóc” này. Nhạc sĩ Seress sau đó đã cố gắng thu hồi bài hát của mình nhưng không thành công. Sau này, chính Seress cũng tự tử vào năm 1968.

B Í ẨN GIẤC MỘNG TIÊN TRI CỦA ERYL MAI JONES

Eryl Mai Jones – mới mười tuổi, học sinh trường nữ sinh Welsh (thuộc vùng Aberfan, Xứ Wales) đã nhìn thấy trước tai họa khủng khiếp phá nát toàn bộ ngôi làng em đang ở. “Con mơ thấy mình đi học nhưng ngôi trường không ở đó nữa. Có một khối khổng lồ màu đen ập xuống đè nát mọi thứ” - Eryl Mai Jones đã nói với mẹ trong sự sợ hãi. Aberfan là khu vực khai thác than nghèo. Thời điểm đó, ở trên đồi cao ngay trên khu làng là một mỏ than nhỏ đang trong quá trình hư hại nặng. Vì thế lời tiên tri của Eryl Mai Jones chỉ được xem như sự ám ảnh của trẻ con. Ngày 20/10/1966, ngày mà Eryl Mai Jones thông báo về giấc mơ tiên tri của mình với mẹ đã trôi qua bình yên. Nhưng vào 9giờ15 sáng hôm sau, ngày 21/10/1966, mỏ than đá nhỏ bắt đầu bị sụp đổ. Những khối lớn bùn than kèm với nước và đá cuội đã ập xuống ngôi làng của em, ép



chặt trường của em từ phía sau. Khối sục lở này đè nát mọi vật cản trên đường đi của nó. Có hơn 110 người đã thiệt mạng trong đó có mẹ của Eryl Mai Jones, khoảng 100 người khác thoát chết nhưng bị thương nặng.

Điều kỳ lạ là những người sống sót cũng kể rằng, trước đó họ nằm mơ hoặc nghe người thân kể lại giấc mơ hết giấc mơ mà bé Eryl đã kể cho mẹ nghe.

BÍ ẨN VỀ MỘT PHỤ NỮ KHÔNG THỂ QUÊN KÝ ỨC

James McGaugh bất ngờ nhận được thư từ một phụ nữ xa lạ có biệt danh AJ. Câu chuyện của bà về trí nhớ siêu việt, khả năng hồi tưởng quá khứ chính xác đến lạ lùng ngay lập tức kích thích trí tò mò của nhà nghiên cứu thần kinh học lỗi lạc. Chỉ cần cho bà một ngày tháng cụ thể thì dù có cách hiện tại đến cả chục năm đi chăng nữa, bà vẫn có thể gọi ra chính xác hôm đó là thứ mấy trong tuần, bà đã trải qua những vụ việc gì và thế giới đã có những tin gì chấn động. Là một nhà khoa học nhiều kinh nghiệm, McGaugh không thể không đặt dấu hỏi nghi ngờ. Ngay sau đó, ông cùng 2 cộng sự khác ở trường ĐH California ở Irvine (Mỹ) - giáo sư tâm thần học Elizabeth Parker và giáo sư khoa bệnh học thần kinh Larry Cahill - thành lập nhóm nghiên cứu tìm hiểu cận kề về cuộc đời của AJ. Họ đã tiến hành vô số những cuộc phỏng vấn và kiểm tra tâm lý, nhưng ròng rã 6 năm trời, cánh cửa bí mật về người phụ nữ có trí nhớ siêu việt vẫn không hề suy chuyển. Với thâm niên hàng chục năm nghiên cứu về ảnh hưởng của cảm xúc đối với năng lực trí nhớ, ngay từ lúc ban đầu, ông đã nghĩ đến khả năng não bộ của AJ bị cảm xúc chi phối quá nặng nề, do đó mà không quên được các sự kiện đã trải qua. Tuy nhiên giả thiết đó nhanh chóng bị bác bỏ, bởi lẽ người phụ nữ “không biết quên” còn gọi ra được từng chi tiết vụn vặt nhất, băng quơ nhất mà người thường dễ bỏ qua. Hỏi, có những sự kiện gì đã xảy ra vào ngày 16/8/1977, bà trả lời không chút do dự: đó là ngày ca sĩ Elvis Presley qua đời. Vậy những ngày không hề có sự kiện gì đặc biệt thì sao? Bà vẫn nhớ như in, rằng ngày 6/6/1978 bang California thông qua luật thuế, rồi đến ngày 25/5 năm sau thì một vụ tai nạn máy bay nhỏ xảy ra trên bầu trời Chicago... Rất nhiều vụ việc trong số đó chẳng mấy may liên quan

đến đời sống riêng tư của bà. Hành trình khám phá của McGaugh tưởng chừng đi vào bế tắc thì đột nhiên, bước ngoặt lớn bất thần xuất hiện: vào một ngày, ông bất chợt quay sang hỏi AJ “Bà có nhớ Bing Crosby là ai không? Quả thực khi ấy tôi chắc mẫm mình đã làm khó AJ, bởi người phụ nữ chưa đến tuổi 40, cách quá xa cái thời của ca sĩ dòng nhạc trữ tình những năm đầu thế kỷ”.

Ấy thế mà AJ nhớ

“Chị có biết ông ấy chết ở đâu không?” - “Trên một sân golf ở Tây Ban Nha”. AJ cũng không quên kể vanh vách ngày tháng ông ca sĩ đột tử, thậm chí còn nhớ đó là thứ mấy trong tuần. Mức độ thâm cùng trong trí nhớ siêu việt của AJ chợt khiến McGaugh nảy ra giả thiết: phải chăng, người phụ nữ này mang biệt tài “phân loại hồi ức”? Với nhiều người, việc nhớ lại các sự kiện đã qua sẽ trở nên dễ dàng hơn nhiều nếu chúng được phân loại thành các chủ đề và sắp xếp và các tầng lớp có chung điểm tương đồng. Những người dẫn chương trình trên truyền hình thường áp dụng cách này để phát huy tối đa khả năng nhớ sự kiện. Quả thực, cuộc sống của AJ cực kỳ chín chu, nề nếp và gọn gàng. “Từ khi còn nhỏ, cô ấy đã biết sắp đặt mọi đồ đạc trong phòng vào từng vị trí riêng ngay ngắn, không bao giờ di chuyển chúng lung tung và đặc biệt ghét người khác làm lộn xộn” - McGaugh cho biết.

“Với các sự kiện cũng vậy, AJ phân loại chúng tỉ mỉ theo ngày tháng. Tuy nhiên điều này vẫn chưa thể giải thích hết vì sao trí nhớ của cô đạt tới trình độ phi thường đến vậy”. Trường hợp của AJ cũng không hề giống với một số nhân vật đặc biệt có trí nhớ đáng nể trong một lĩnh vực nhất định nào đó, ví dụ như âm nhạc, nghệ thuật... “Những người này có thể nhớ từng chi tiết cụ thể, tỉ mỉ trong khuôn khổ chủ đề họ quan tâm, tuy nhiên phạm vi

đó thường khá hạn hẹp” - McGaugh kể về một “hiện tượng” đã từng làm rùm beng giới nghệ sĩ bằng khả năng ghi nhớ bản nhạc gần như ngay lập tức, nhưng lại không thể tự đi xe buýt một mình vì chẳng bao giờ nhớ nổi mình đang đứng ở đâu.

AJ thì ngược lại. “Người phụ nữ ấy sở hữu một trí nhớ hoàn hảo đến bất thường”

Hiện nhóm nghiên cứu Irvine đang chuẩn bị chuyển hướng điều tra sang cách tiếp cận khác. Rất có khả năng bộ não của AJ không hoạt động theo cơ chế thông thường - McGaugh hy vọng điều này có thể phản ánh qua các hình chụp từ cộng hưởng. Những cuộc thử nghiệm mới sẽ chính thức tiến hành vào nửa năm sau. Và nếu theo như lời của McGaugh: “Chúng tôi quyết tâm làm lại từ đầu”, thì có lẽ lâu lắm bí ẩn về trí nhớ không tì vết mới có lời giải đáp.

BÍ MẬT VỀ TRUYỀN THUYẾT “MẮT QUỶ”

Bạn có tin không, những ánh mắt “ mang hình viên đạn” có thể gây những tai họa khôn lường. Hàng ngàn năm trước, tổ tiên của chúng ta đã tìm cách trị những “ mắt quỷ”.

Gây nên những đại họa

Người dân Mexico vẫn rỉ tai nhau về câu chuyện kỳ lạ của cô bé Chita. Chita là một bé gái ngoan ngoãn, khỏe mạnh và xinh xắn. Trong một lần bé Chita được mẹ đưa lên thành phố chơi, bỗng có một phụ nữ Mexico nhỏ bé tiến lại gần em. Bà ta nhìn cô bé chăm chăm, lấy tay chạm vào đầu cô bé và thốt lên: “Cô bé thật là dễ thương. Cho ta chạm vào người và đôi mắt của bé nhé”. Người phụ nữ sau đó biến mất vào đám đông. Chỉ một ngày sau, bé Chita tự nhiên bị ốm, sốt rất cao. Chita được mẹ đưa tới bệnh viện khám bệnh. Các bác sĩ chưa tìm ra nguyên nhân nào làm cô bé ốm. Trong lúc gia đình cô đang rất hoang mang, một pháp sư xuất hiện và nói với mẹ của bé rằng “cô bé đang bị mắt quỷ ám”. Được sự đồng ý của gia đình, bà pháp sư đã tìm cách giải hạn cho cô bé... Chuyện của bé Chita chỉ là một trong số hàng vạn những câu chuyện liên quan đến “ mắt quỷ” được lưu truyền trên khắp thế giới.

“ Mắt quỷ” (Evil eye) trong tiếng Tây Ban Nha là el ojo, trong tiếng Ý là occhio, có nghĩa là những ánh mắt thèm khát. Những truyền thuyết về mắt quỷ đã xuất hiện ở vùng Trung Đông cách đây hàng ngàn năm và lan rộng ra nhiều vùng trên thế giới từ Ý, Hy Lạp đến Mexico, Brazil và Ấn Độ, Trung Hoa, v.v. Mắt quỷ có mặt trong nhiều tôn giáo như Do Thái giáo, Phật giáo... Nó cũng hiện diện trên nhiều nền văn hóa khác nhau. Người ta

cho rằng, mắt quỷ hình thành từ sự thèm khát, đổ kỵ, ghen tuông. Nó nhập vào ai đó và lan đi, gây nên những căn bệnh giống như một thứ dịch mà không rõ căn nguyên. Những mầm họa này xuất hiện ở đâu sẽ gây tai họa thường là bệnh tật với trẻ em, phụ nữ có thai. Nó cũng có thể làm thui, chột những vườn cây ăn quả hay làm chết những vật nuôi trong nhà. Khi những ánh mắt quỷ nhắm vào ai đó kèm theo những lời nguyền rủa, người ấy có thể bị khuynh gia, bại sản và cướp đi sự may mắn của họ. Đẩy họ vào “ vận đen” không thể hiểu nổi.

Làm thế nào để trị “mắt quỷ”

Để tránh bị ám bởi mắt quỷ, mỗi nơi có một cách khác nhau. Chủ yếu là sử dụng bùa giải hạn. Chiếc bùa giải hạn mắt quỷ cổ nhất có niên đại lên tới 800 Trước Công nguyên được tìm thấy ở Trung Đông. Đó là chiếc bùa bằng đồng, hình bàn tay được chạm khắc rất tinh xảo. Bàn tay bắt quyết có dạng ngón tay cái, ngón trỏ và ngón giữa chỉ thẳng, trong khi hai ngón tay còn lại gập vào. Trên đó có nhiều ký hiệu kỳ lạ, có một con rắn quấn quanh. Những chiếc bùa để phòng mắt quỷ ở thế kỷ 19 thường có dạng màu đỏ, có hình con mắt hoặc cái móng ngựa, hoặc kết hợp cả hai.

Ở Ý phổ biến nhất là hai loại bùa có tên là Mano fico và Mano cornuto. Những chiếc bùa này thường được làm bằng bạc để đeo cổ. Loại Mano fico là dạng bùa các ngón tay nắm lại hình quả dấm, trong đó ngón tay cái xỏ qua ngón tay trỏ và ngón giữa. Bùa này chuyên sử dụng cho phụ nữ để chống lại mắt quỷ tình dục. Bùa Mano cornuto có dạng bàn tay đang bắt quyết. Ngón tay cái đặt cạnh hai ngón giữa và ngón đeo nhẫn gập vào, trong khi hai ngón trỏ và út xòe ra như hình cái sừng. Những loại bùa hộ mạng này được tặng cho trẻ em vào dịp sinh nhật hoặc trước khi chúng đi chơi xa nhằm tránh bị mắt quỷ ám và thêm nữa sẽ mang lại may mắn. Loại bùa hộ

mạng ở Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ thường được làm hình con mắt bằng thủy tinh xanh, để phản xạ những ánh mắt quỷ làm chúng không ám được vào người. Đôi khi chúng được làm từ các loại đá quý được chạm khắc rất tinh xảo có hình bàn tay và một con mắt ở trong lòng được gọi tên là Hansa hand. Tại Ấn Độ, các loại bùa hộ mạng chống lại mắt quỷ là những sợi dây tết có gắn đá xanh. Chúng được đeo cho các em bé khi ra đời. Đến khi nào sợi dây đứt hoặc màu xanh bị bay hết, coi như các em đã đủ lớn và không cần đến sự bảo vệ của bùa hộ mạng nữa. Tại những khu vực như Nepal, Trung Quốc, loại bùa phổ biến là Mắt Phật được làm bằng bạc hoặc đồng. Loại bùa này hình tròn có nhiều hoa văn chạm khắc, ở giữa có một con mắt lớn và rất nhiều mắt khác xung quanh. Những câu chuyện về mắt quỷ đến ngày nay vẫn hiện diện ở nhiều khu vực. Bùa hộ mạng chống mắt quỷ đã trở thành một thứ đồ trang sức ưa dùng ở châu Âu. Trong quá khứ, mắt quỷ mang nhiều màu sắc hoang đường. Song, xét cho cùng, hiện tại việc con người cố gắng tìm cách xóa bỏ những ánh mắt “ mang hình viên đạn” của lòng hận thù, ghen ghét, đố kỵ vẫn là điều cần thiết, tuy cách thức có khác đi.

BÍ ẨN VỀ CÁC CẶP SINH ĐÔI

Nhiều cặp sinh đôi được nuôi tách riêng và không hề liên lạc với nhau, nhưng lớn lên vẫn làm cùng nghề, kết hôn cùng ngày tháng. Thậm chí con chó, con mèo của họ cũng có chung một cái tên.

Đôi khi, người nữ không chỉ rụng một trứng mà những hai. Khi đó, cơ hội cho các tinh trùng được nhân đôi. Hai chiến binh cùng “vượt chướng ngại vật” đến đích. Hai hợp tử được tạo thành. Các bé sinh đôi thường ra đời cách nhau từ vài chục phút đến vài giờ, nhưng cũng có trường hợp cách đến

36 ngày khiến hai trẻ có tuổi khác nhau (vì người anh chào đời vào năm cùng tháng tận). Kiểu sinh đôi hai hợp tử được gọi là “sinh đôi giả”, hay chính xác hơn là sinh đôi khác trứng. Mức độ giống nhau của họ chỉ tương đương anh chị em ruột bình thường. Họ không nhất thiết cùng giới, thậm chí khác cả màu da. Trong trường hợp sinh đôi chính thống hay sinh đôi cùng trứng, chỉ có một tinh trùng kết hợp với một trứng tạo thành hợp tử. Rồi hợp tử phân đôi. Hai tế bào con đáng lẽ dính với nhau để thành một phôi thì lại tách rời nhau để phân bào riêng rẽ thành hai phôi. Hai phôi có bộ nhiễm sắc thể hoàn toàn giống nhau, sẽ cho ra đời hai đứa trẻ cùng giới tính, nhóm máu. Sinh đôi cùng trứng nhiều khi gây khó khăn cho các nhà hình sự. Phương pháp nhận dạng được coi là chính xác nhất hiện nay dựa trên tấm chứng minh thư sinh học, bộ ADN; nhưng với các cặp sinh đôi, họ rất khó khăn trong việc phân biệt.

Sự kỳ lạ củ asin hđôi

Theo các nhà tử vi, những người sinh đôi “tuy hai mà một” kể trên do có cùng ngày tháng năm sinh, địa điểm (mà họ gọi là “phương vị”), lại cùng “cung phúc đức” của tổ tiên để lại nên số phận rất dễ giống nhau. Họ giống nhau về cân nặng, quần áo, giày dép, về tính nết, tình trạng sức khỏe, sở thích, sở trường sở đoản. Điều này có thể giải thích bằng việc cặp sinh đôi có cùng bộ gene. Cũng vì tin rằng những người nào sinh cùng ngày tháng có số phận giống nhau nên hoàng đế Chu Nguyên Chương từng ra lệnh truy lùng và thủ tiêu những người sinh cùng ngày tháng với mình. Ông sợ rằng họ đều có “chân mệnh hoàng đế” nên có thể gây nguy hiểm cho ngai vàng. Một số tài liệu kể lại, nhiều cặp sinh đôi được nuôi tách nhau và không hề liên lạc với nhau. Nhưng lớn lên, họ làm cùng nghề, lấy vợ lấy chồng cùng ngày cùng tháng, lại cùng tên, đẻ con ra cùng năm. Thậm chí con chó, con mèo của họ nuôi trong nhà cũng được đặt cùng tên nốt. Có trường hợp hai chị em lấy hai anh em sinh đôi, làm việc cùng cơ quan và cùng đẻ con sinh đôi. Đó là bà La Velda và La Vona ở Ohio (Mỹ).

Sin hđô icóđ itruyền

Chắc hẳn là có. Nếu những người sinh đôi truy tìm nguồn gốc thì trong số họ hàng gần hay xa, thế nào cũng tìm được một trường hợp sinh đôi. Nhiều địa phương có tỷ lệ sinh đôi rất cao vì trong vùng từ xa xưa có nhiều quan hệ huyết thống. Ngay cả một người cũng có thể đẻ sinh đôi nhiều lần, củng cố cho giả thuyết có một loại gene mang tên “gene đẻ sinh đôi”. Bà Barbara Zulu ở Nam Phi sinh 3 cặp sinh đôi nữ - nữ và 3 cặp nam-nữ trong 7 năm liên, kể từ 1969. Bà Mary Jonas ở Chester (Anh) từng sinh 15 cặp sinh đôi nam-nữ. Nhưng kỳ lạ nhất là một trường hợp được ghi chép cẩn thận trongy văn: Bà vợ của một nông dân Nga tên là Feodor Vasilyev sinh

được 69 người con (nhiều nhất thế giới) nhờ đa thai. Trong 27 lần vượt cạn, bà sinh đôi 16 lần, sinh ba 7 lần, sinh tư 4 lần.

BÍ ẨN VỀ ẢO ẢNH

Đàn súc vật chở hàng đang lầm lũi bước đi trên sa mạc cháy bỏng, bỗng trước mặt mọi người hiện lên cả một cái hồ lớn. Nhưng vài phút trôi qua, cái hồ ma ấy bắt đầu bị lớp sương mù màu đỏ nhạt bao phủ, mờ nhạt rồi bay vút lên trời và biến mất. Đó là ảo ảnh hồ, một thứ ảo ảnh phổ biến nhất.

Nhữn gbón gm atron gkhôn gtrung

Thảo nguyên bao la trải dài vô tận. Mặt trời chói lọi đang nhô cao khỏi chân trời báo trước một ngày oi bức. Người đánh xe cho tôi cứ liếm môi hoài, thỉnh thoảng lại giục con ngựa xấu xí bước gióng một... Ở phía trước hiện ra một mặt hồ lớn. Mặt nước hồ trải dài như một dải nước rộng dọc đường chân trời và nhấn chìm cả những cột điện tín rung rinh với những cây bạch dương mọc thưa thớt trên thảo nguyên. Một con chim to vỗ cánh bay lên khỏi mặt nước và tiến lại phía chúng tôi, nó trở nên nhỏ dần trông thấy. Bỗng chẳng còn thấy hồ, chẳng còn thấy chim đâu nữa...

- Ảo ảnh mất rồi, - người đánh xe thốt lên phá vỡ cảnh im lìm. - Oi quá!
- đoạn ông ta vẫy ngọn roi về phía chân trời xa xa. - Anh xem, thế nào đến chiều cũng có giông.

Ảo ảnh phía chân trời

Đúng, đó chính là ảo ảnh, một trong những hiện tượng mà từ thời xa xưa, con người đã gắn nó với những sức mạnh bí ẩn, vô hình của tự nhiên. “Biển quý” - dân cư miền Bắc Phi hiện giờ còn gọi ảo ảnh như thế.

Ở phương Đông, ai cũng biết câu chuyện cổ tích về nàng tiên Morgana. Nàng thích trêu ghẹo những khách bộ hành mỗi mệ, chỉ cho họ thấy trên sa

mạc những ốc đảo nở hoa, những hồ đầy ắp nước, những đô thị trù phú có những tháp giáo đường Hồi giáo với những vườn cây treo lơ lửng trên không trung. Nàng cho họ thấy chỉ để cám dỗ họ đi chệch đường. Sau đó, khi ảo ảnh đã tan ra trong không khí, nàng sẽ cười nhạo nỗi thất vọng của đám lữ khách ấy. Câu chuyện cổ này để lại dấu ấn của nó trong ngôn ngữ. Người ta gọi bất cứ hình ảnh hư ảo nào đánh lừa nào là phata-morgana, tức là nàng tiên Morgana. Khi nói về ảo ảnh, người ta thường nghĩ đến một sa mạc cháy bỏng và đàn súc vật chở hàng đang lầm lũi bước đi trên biển cát nhấp nhô. Phía trước, bên đường chân trời mờ nhạt bỗng xuất hiện một bề mặt to lấp lánh. Cái gì vậy? Những con lạc đà dẫn thêm vài bước, và trước mặt mọi người hiện lên cả một cái hồ lớn. Làn gió nhẹ làm mặt nước gợn lăn tăn. Hồ nom rõ ràng đến nỗi không thể nghi ngờ gì về tính chất có thực của nó. Nhưng vài phút trôi qua, và cái hồ ma ấy bắt đầu bị lớp sương mù màu đỏ nhạt của sa mạc bao phủ, nó mất đi những đường nét rồi thành linh bay vút lên trời và mất hút.

Đó là ảo ảnh hồ, một thứ ảo ảnh phổ biến nhất, thường hay xuất hiện hơn cả. Trong những ngày nóng nực, những cái hồ trên sa mạc như vậy là một hiện tượng gặp ở Bắc Phi. Chiều chiều, một khu vực nào đó bị nung đốt suốt ngày liền biến thành vùng đất ngập lụt. Tất cả những gì ở khoảng cách ba bốn cây số đều bị nước vây quanh. Những thôn xóm nom tựa như những hòn đảo giữa một cái hồ rộng. Càng lại gần làng, cái bờ của vùng nước ảo kia càng lùi ra xa và cái nhánh nước ngăn cách ta với làng dần dần trở nên hẹp lại cho đến khi biến mất hoàn toàn, còn cái hồ vẫn giữ nguyên hình dạng bắt đầu lùi xa dần và luôn luôn ở một khoảng cách không bao giờ đạt tới được.

Ở Liên Xô cũ, những ảo ảnh như vậy không lạ lẫm gì với cư dân miền ven biển Caspi, miền thảo nguyên Crưm, miền đồng bằng sông Volga. Người ta cũng nhìn thấy ảo ảnh trên mặt đường láng nhựa: vào những ngày

mặt trời thiêu đốt, có những “Vũng nước” trôi qua trước mũi xe như vừa mới qua cơn mưa vậy. Trên mặt hồ phản ánh những đám mây với bầu trời xanh. Ô tô chạy với vận tốc 60 kilômet một giờ, và suốt gần mười phút, ở phía trước luôn luôn nhìn thấy dải nước lửa đối kia. Và nếu những ảo ảnh tương tự không hề làm cho con người ta ngạc nhiên, thì những dạng ảo ảnh khác lại có thể không chỉ gây kinh ngạc, mà thậm chí còn dọa nạt được con người.

- Có lần tôi dừng lại bên lối vào một hẻm núi, - một người đã từng ở Algeri kể lại, - và ngồi nghỉ trên một tảng đá. Bỗng nhiên ở bên dưới cách tôi chừng năm mươi mét, tôi thấy một người cũng ngồi trên một tảng đá. Khi tôi đứng dậy, người kia cũng đứng lên. Khi tôi lại gần người đó, thì anh ta cũng tiến lại phía tôi! Đến khi đến gần hơn thì vô cùng sửng sốt, tôi nhận ra chính mình trong con người đó. Sự giống nhau ấy làm tôi hoảng đến nỗi tôi chìa tay ra. Con người ấy hết tôi kia cũng làm như vậy. Nhưng khi tôi quả quyết xấp lại gần hơn thì bóng ma biến mất. Năm 1878, vào thời gian xảy ra chiến tranh giữa người Mỹ với người da đỏ, một toán lính rời đồn Abraham Lincoln đi ra. Một lúc sau những người còn lại trong đồn nhìn toán lính đó đang tiến bước ở trên trời. Người ta liền bảo rằng toán lính đó đã bị giết chết và bây giờ họ đang nhìn thấy linh hồn những người ấy. Vài ngày sau, quả nhiên toán lính bị những người da đỏ tiêu diệt. Những người mê tín nhớ rất dai sự trùng hợp ngẫu nhiên của các sự kiện. Tất cả những điều đó không phải cái gì khác hơn là những ảo ảnh. Hình như trên trời đang diễn ra một “màn kịch” viễn tưởng vậy. Ở vùng bờ biển Ciciylia, vào lúc mặt trời mọc, trên mặt biển thường thấy xuất hiện những cung điện nguy nga, những ngọn tháp và pháo đài trên không trung, những người không lồ, những cây cối và động vật khổng lồ; tất cả những cái đó quần tụ lại rồi tản ra, đuổi bắt lẫn nhau, thay hình đổi dạng, cảnh tượng này thay thế cảnh tượng khác. Một lần, những thủy thủ thám hiểm vùng cực đã gặp “ảo

ảnh” như thế. Con tàu của họ len lỏi giữa những núi băng và các tảng băng vỡ ra từ những cách đồng băng. Chúng lấp lánh và trở nên chói lọi dưới ánh mặt trời rực rỡ. Bỗng chân trời phân đôi ra, những vật thể ở xa liền bay lên không trung, treo lơ lửng trên đó và không ngừng thay đổi hình dạng. Như trong ống kính vạn hoa vậy, những hình thù, những sự vật lạ thường thoắt ẩn thoắt hiện trước mắt những thủy thủ đứng ngây ra vì quá đổi sửng sốt: khi thì xuất hiện một cái gì đó giống như ngọn tháp, khi là những hình người nào đó trông thật phi lý, khi lại là một thanh gươm, thế rồi tất cả những cái đó bỗng nhiên được thay thế bằng đường viền rõ nét của một núi băng lớn làm ta nhớ đến pháo đài cổ bất khả xâm phạm. Những cách đồng băng trông giống như những bình nguyên trên đây có đủ cây cối, gấu, chó, chim chóc, người như thể đang nhảy múa trong không trung.

SÓNG TỪ CÕI ÂM

Một nghiên cứu mới đây của các nhà khoa học Mỹ làm chấn động thế giới: Tất cả con người rồi đều sẽ chết, nhưng như vậy không có nghĩa là kết thúc. Điều gì sẽ xảy đến sau khi con người qua đời mới là bí ẩn lớn nhất của vũ trụ. Và nhờ những phương tiện hiện đại, mà người sống vẫn có thể liên lạc với những người thuộc thế giới bên kia.

Cú phone từ bên kia thế giới

Đây là một hiện tượng đã xảy ra khá nhiều trên thế giới. Những người sống nhận được điện thoại từ người thân đã qua đời, và thông thường, người đã khuất thường có mối quan hệ tình cảm khá mật thiết với người nhận điện. Trong những cuộc gọi như vậy, chuông điện thoại thường rung lên như bình thường, hoặc cũng có thể réo lên với những âm thanh khác thường. Sóng điện thoại được kết nối rất tồi và giọng nói của người đã khuất thường không rõ. Tuy nhiên, người nhận điện có thể ngay lập tức nhận ra giọng nói quen thuộc của người thân. Theo thống kê, những cuộc điện thoại thường diễn ra trong khoảng 24 giờ sau khi người chết qua đời, cá biệt, có người còn nhận được điện thoại của người thân đã qua đời từ 2 năm trước. Nói chung mục đích của những cuộc điện thoại thần bí này thường chỉ là gửi lời chào vĩnh biệt, báo trước một mối nguy hiểm sắp xảy đến hoặc những thông tin cần thiết cho người còn sống. Những người hoài nghi cho rằng những cuộc điện thoại trên thực chất chỉ là những trò lừa đảo hoặc do ảo giác của người nhận. Nhưng một nhóm các nhà khoa học đã thực hiện các chương trình nghiên cứu nghiêm túc về đề tài này, thậm chí đã ghi âm được giọng nói của người đã khuất qua băng cassette. Kể từ đó,

giới khoa học thế giới đã miệt mài nghiên cứu với hy vọng cho ra đời một phương tiện liên lạc có thể “kết nối” giữa người sống và người chết.

Lời thì thầm của những linh hồn

Năm 2007, trên thế giới đã xuất hiện những “ghost- hunters” (người đi tìm các linh hồn) chuyên nghiệp. Công cụ của những người này ban đầu chỉ gồm có một bộ tách sóng có khả năng bắt sóng âm; hoặc đơn giản hơn là máy cassette hoặc máy ghi âm kỹ thuật số để ghi lại “lời thì thầm của những người đã khuất”. Theo những thợ săn này, công cụ càng lạc hậu thì càng chứng tỏ sự tồn tại của các linh hồn là sự thật. Hàng trăm cuộc thí nghiệm đã được thực hiện. Các nhà khoa học đã có thể nghe được một số cụm từ hoặc từ ngữ, mà gọi theo thuật ngữ chuyên môn là “hiện tượng âm thanh điện từ” của người đã khuất. Những âm thanh này đã được biên tập lại với phần mềm Adobe Audition và đưa công khai lên các website [http://paranormal.about.com/od/ghostaudiovideo/ Ghost_AudioVideo.htm](http://paranormal.about.com/od/ghostaudiovideo/Ghost_AudioVideo.htm). Lisa và Tom Butler, hai nhà đồng sáng lập ra tổ chức Hiệp hội nghiên cứu những hiện tượng âm thanh điện từ – một tổ chức phi lợi nhuận của Mỹ (www.aaevp.com) - hàng ngày phải tiếp nhận tới hơn 2.000 email của các khách hàng quan tâm tới vấn đề này.

BÍ ẨN CỦA LINH HỒN

Bạn có tin ở linh hồn? Bạn không tin ở linh hồn? Thật khó trả lời, vì đó là một khái niệm mà chưa bao giờ con người thực sự làm chủ. Nhưng giải thích sự tồn tại và vận động của thế giới xung quanh và thậm chí là của chính bản thân mình là nhu cầu không bao giờ vơi cạn của con người. Vì thế, các nhà khoa học vẫn luôn nỗ lực tìm kiếm câu trả lời về linh hồn.

Từ một câu chuyện kỳ lạ tại Tây Tạng

Tại vùng đất huyền bí nhất trên thế giới, Tây Tạng, cho đến ngày nay vẫn còn lưu truyền một sự kiện hết sức kỳ lạ về “Người cầu vòng”. Sự kiện xảy ra năm 1998 tại Kham, khu vực hẻo lánh phía đông Tây Tạng, sự biến mất kỳ lạ của vị Lạt ma Khenpo A-chos. Ông là một trong các vị Lạt ma có uy tín nhất trong vùng, thường xuyên thuyết giảng về đạo Phật dù Chính phủ Trung Quốc có những quy định rất khắt khe về việc này. Vào tuổi 80 vị Lạt ma vẫn hoàn toàn khỏe mạnh. Một hôm, Lạt ma Khenpo A-chos lên nằm trên giường của mình, miệng lẩm bẩm câu thần chú Tây Tạng “Om mani padme hum” rồi qua đời. Ngay sau đó, cầu vòng xuất hiện trên căn phòng nhỏ của ông suốt cả ngày. Những người học trò của Khenpo A-chos tổ chức lễ cầu kinh để linh hồn người thầy siêu thoát. Nhưng hiện tượng lạ thường xảy ra: da thịt của vị Lạt ma bắt đầu hồng hào trở lại. Dường như Khenpo A-chos đang từ từ tái sinh. Học trò của ông đi hỏi ý kiến một vị Lạt ma và được lời khuyên hãy bọc thi thể của thầy lại và tiếp tục cầu kinh. Họ làm đúng như lời chỉ dẫn. Một tuần sau, khi mở tấm áo bọc thi thể vị Lạt ma, người ta chỉ thấy vài sợi tóc còn sót lại trên gối, thi thể của Khenpo A-chos đã hoàn toàn biến mất. Từ đó người Tây Tạng gọi ông là “Người cầu

vòng”. Câu chuyện thần bí lan ra khắp nơi. Linh mục Francis Tiso - của dòng Benedict tại Mỹ cũng nghe được câu chuyện kỳ bí này. Ông là một trong những chuyên gia nghiên cứu về đạo Phật và đã có học vị tiến sĩ trong lĩnh vực này. Cha Francis Tiso tổ chức một chuyến đi đến Kham để ghi lại lời kể của những người đã chứng kiến sự kiện. Người mà cha Tiso muốn gặp nhất là vị Lạt ma đã được các học trò của Lạt ma A-chos hỏi ý kiến. Vị Lạt ma nói với cha Tiso rằng sự biến mất của Lạt ma A-chos là do một lực vật chất xuất phát từ trong linh hồn của ông ấy. Đây không phải là một câu nói mang hàm ý triết học hoặc ẩn dụ, điều ông muốn nói ở đây là một sự thực đã xảy ra. Vị Lạt ma đưa cho cha Tiso xem một bức ảnh của Lạt ma A-chos khi ông đã qua đời. Bằng mắt thường có thể nhìn thấy rất rõ một luồng ánh sáng phát ra từ thân thể của Lạt ma A-chos. Xem bức ảnh, cha Tiso thốt lên: “Đây là sự giao hoà giữa cái có thể và không thể, giữa một con người hiện hữu và con người siêu phàm. Một ngày nào đó chúng ta sẽ tìm được cơ sở để chứng minh rằng nó có thật”.

Điều mà cha Tiso muốn tìm trong sự kiện xảy ra tại Kham cũng nằm trong vấn đề lớn mà ông đang nghiên cứu, đó là có hay không sự tồn tại của linh hồn con người. Hiện nay, những cuộc tranh cãi xung quanh vấn đề này vẫn diễn ra quyết liệt. Mấu chốt của vấn đề nằm ở chỗ, nếu có sự tồn tại của linh hồn thì làm sao để xác định được. Những người cho rằng linh hồn là có thật đã dựa vào các tài liệu tôn giáo để chứng minh cho sự tồn tại của nó, còn người phản đối thì cho rằng các lập luận đó quá mơ hồ và không thể đủ độ tin cậy khi được kiểm chứng bằng các nghiên cứu khoa học.

Những kiểm chứng khoa học

Nhiều người đã cố gắng chứng minh sự tồn tại của linh hồn bằng các thí nghiệm khoa học. Một trong số đó là bác sĩ Duncan MacDougall. Sau khi

tiến hành thí nghiệm trên 7 người chết, ông phát hiện rằng ngay sau khi qua đời, cân nặng của người chết giảm đi từ 11 đến 43g. Ông cho rằng đó là phần vật chất mà người ta thường gọi là linh hồn thoát ra khỏi thi thể. Sau này, nhiều người khác cũng thử lặp lại thí nghiệm của Duncan, nhưng câu trả lời cho sự tồn tại của linh hồn vẫn chưa được làm sáng tỏ. Phần trọng lượng bị mất đi đó của con người sau khi chết được giải thích chỉ đơn giản là sự bốc hơi của lượng nước có sẵn bên trong cơ thể. Một bác sĩ khác cũng cố gắng chứng minh sự tồn tại của linh hồn bằng những thí nghiệm khoa học, đó là Gerard Nahum, giám đốc bộ phận nghiên cứu của công ty dược phẩm Berlex. Ông đã bỏ ra 20 năm chỉ để nghiên cứu lĩnh vực này. Theo Nahum, vấn đề khó nhất để xác định sự tồn tại của linh hồn là phải tìm được những chuỗi điện từ phát ra từ thi thể người chết. Ông đặt hàng loạt những máy dò hiện đại xung quanh thi thể (máy viba, máy dò tia hồng ngoại, tia gama, điện từ,...) để tìm ra “linh hồn”. Nahum chắc chắn rằng sau khi chết, tất cả những gì thuộc về người đó khi họ còn sống không thể ngay lập tức mất đi hoàn toàn được. Nó sẽ phải qua một quá trình chuyển biến đến một nơi nào đó trong không gian. Tại những nơi đó, chúng sẽ được giữ gìn và tồn tại vĩnh cửu. Nhưng khi ông thử trình bày ý tưởng của mình với các trường đại học tại Mỹ thì tất cả đều từ chối. Ngay cả giáo hội công giáo cũng không chấp nhận tài trợ cho những nghiên cứu của Nahum. Vì thế, những nỗ lực của nhà khoa học này giậm chân tại chỗ... Tại Đại học Virginia, một chuyên gia tâm thần học là Gruce Greyson cũng có các nghiên cứu liên quan đến sự tồn tại của linh hồn. Greyson là người đầu tiên tập trung vào tâm lý của những người đang ở ranh giới của sự sống và cái chết.

Ông phát hiện ra rằng một vài người đang hấp hối đều nhìn thấy một luồng ánh sáng xanh rất mạnh, và cảm thấy một đường hầm đang dẫn họ về phía trước. Nhưng thực ra Greyson lại không hoàn toàn tin tưởng vào sự tồn

tại của linh hồn. Ông cho rằng, phải có nhiều nghiên cứu nữa thì mới chứng tỏ được sự tồn tại hay không tồn tại của linh hồn. Những câu trả lời có căn cứ từ khoa học hoặc tôn giáo hiện nay vẫn chưa thể coi là thoả đáng. Qua 30 năm tìm hiểu về trạng thái tâm thần của người hấp hối, ông đã phát hiện thấy khoảng 10% trong số các bệnh nhân suy tim đều có dấu hiệu hoạt động của não trong khi họ đang bất tỉnh. Sau khi được cứu chữa và tỉnh lại, những bệnh nhân này cho biết họ thấy những hoạt động của bác sĩ vày tá ở một điểm cao hơn. Tiếp tục nghiên cứu, Greyson cho đặt một màn hình với những giao diện khác nhau bên ngoài phòng cấp cứu bệnh nhân bị suy tim. Ông cho rằng, nếu thật sự có sự tồn tại của linh hồn, thì những người bị suy tim sau khi tỉnh lại sẽ biết được màu sắc của màn hình đặt tại phòng bên cạnh. 50 người đã được thử nghiệm, nhưng không một ai biết được màn hình có màu gì. Nhà khoa học giải thích rằng đó là do tác dụng của thuốc gây mê đã cản trở sự thoát ra của linh hồn. Pim van Lommel, bác sĩ chuyên khoa tim người Đan Mạch cũng đồng ý với quan điểm của Greyson. Lommel cho rằng con người không chỉ có một ý thức, trong khi họ đang ở trong tình trạng hấp hối thì những ý thức khác hoạt động và mở rộng phạm vi của nó nhiều hơn so với bất cứ thời điểm nào trước đó. Lúc đó họ có thể hồi tưởng lại những khoảng thời gian xa xôi nhất trong quá khứ và cảm nhận được một cách rõ ràng hơn bình thường sự vật và con người xung quanh. Trong khi đó, thần kinh trung ương của họ vẫn đang ngừng hoạt động. Những giả thiết trên đã đặt ra một sự nghi ngờ đối với kiến thức mà chúng ta đã biết và thừa nhận từ lâu: Ý thức là sản phẩm của não bộ. Điều đó giờ đây có thể không còn chính xác nữa. Bởi vì nếu như vậy, ý thức sẽ không thể tồn tại nếu não bộ ngừng hoạt động. Nhưng các thí nghiệm ở trên thì đều chứng minh cho điều ngược lại. Còn hai học giả của trường Oxford là Stuart Hameroff và Roger Penrose lại giải thích sự tồn tại của linh hồn bằng quá trình lượng tử. Theo hai ông, não bộ con người được chia ra làm

hàng tỉ ô siêu nhỏ, các ô này liên kết với nhau thông qua một quá trình di chuyển của các lượng tử. Khi cơ thể một người ngừng hoạt động, máu sẽ không được chuyển đến các ô này, và chúng cũng ngừng hoạt động. Nhưng sự di chuyển của các lượng tử thì không mất đi. Chúng sẽ thoát ra bên ngoài não bộ và ghi nhận những gì tồn tại ở không gian xung quanh. Nếu người đó tỉnh lại, các lượng tử sẽ quay trở lại não và hoạt động với chức năng thông thường của chúng. Những gì chúng ghi lại được khi thoát ra bên ngoài cũng được não bộ tiếp nhận. Và đó là lý do tại sao một người hấp hối nhưng sau đó được cứu sống lại có thể biết được những sự kiện mà anh ta không hề tận mắt chứng kiến hoặc được nghe kể lại. Vậy nếu người đó không tỉnh lại được nữa thì các chuỗi lượng tử đó sẽ di chuyển đi đâu? Tiếp tục mở rộng giả thuyết của Hameroff và Penrose, bác sĩ Ian Stevenson đã nghiên cứu về khả năng các chuỗi lượng tử đó sẽ được tiếp nhận trong bộ não của trẻ sơ sinh, hay nói cách khác đó chính là sự tái sinh! Sau khi Ian Stevenson mất, con trai ông là Tucker tiếp tục theo đuổi giả thuyết này. Tucker tiến hành phỏng vấn rất nhiều trẻ em, trong số đó ông đã tập hợp được 1.400 em có khả năng biết được những sự kiện xảy ra trước khi chúng sinh. Thậm chí một vài em còn có thể kể rất rõ những sự kiện trong cả các giai đoạn phát triển rất sớm của lịch sử loài người. Thực tế cho đến nay, dù có tập hợp được tất cả các công trình nghiên cứu khoa học về vấn đề này thì chúng ta cũng không thể nào biết được chính xác liệu có sự tồn tại của linh hồn hay không, và nếu có tồn tại thì chúng sẽ tồn tại ở dạng nào. Có lẽ khoa học không phải lúc nào cũng là giải pháp tối ưu cho tất cả mọi vấn đề. Như lời của vị Lạt ma mà linh mục Tiso gặp tại Kham đã nói: “Đó không phải là thứ dành cho đôi mắt, mà là của trái tim. Đối với chúng ta, có lẽ sự nhìn nhận bằng đôi mắt và cả sự cảm nhận từ trái tim sẽ cho câu trả lời chính xác nhất.”

NGƯỜI ĐÀN BÀ HÓA SÁP VÀ CÁI CHẾT BÍ ẨN

Tại bảo tàng Mutter, Philadelphia, Mỹ, người ta đã tiến hành chụp cắt lớp một thi thể kỳ lạ: xác ướp của một phụ nữ mập mạp đã biến đổi gần như hoàn toàn thành chất sáp mỡ. Người đàn bà này là ai? Bà ta mất vào thế kỷ 17, 18 hay

19? Vì sao thân thể bà lại có thể hoá sáp?... Các nhà khoa học hy vọng sớm có câu trả lời từ thiết bị quét mới, máy scan CT. Thi hài người phụ nữ này, với biệt danh “Soap Lady”, đã nằm trong tủ kính của bảo tàng Mutter hơn một thế kỷ qua. Lâu nay, bà vẫn là người mẫu lý tưởng cho các sinh viên y khoa, và giờ đây bà đang hấp dẫn du khách như là một trường hợp lý thú trong y học. Bằng máy chụp CT, các nhà khoa học đã quan sát thấy một số mô nội tạng. Họ hy vọng sẽ trả lời được nghi vấn bà ta chết như thế nào? Gerald Conlogue, Giáo sư Đại học Quinnipiac và các cộng sự đang tìm kiếm một miếng vỏ quan tài được làm từ thứ chất xà phòng này bị rơi ra ngoài môi trường. Từ đó, họ sẽ hiểu rõ hơn về sự xà phòng hoá - hiện tượng chuyển hoá chất béo thành chất sáp mỡ. Trong tự nhiên, trường hợp này rất hiếm gặp vì quá trình xà phòng hoá phụ thuộc vào nhiều nhân tố, như độ ẩm, nhiệt độ, quần áo và hoạt động của vi khuẩn. Người càng béo, khả năng bị xà phòng hoá càng lớn.

Đi tìm thân thể Soap Lady

Một nhà giải phẫu nổi tiếng của Đại học Pennsylvania, Joseph Leidy, đã tặng thi hài này cho bảo tàng. Leidy khẳng định Soap Lady mất vào khoảng cuối thế kỷ 17. Theo mẫu chú thích gắn kèm với giá trưng bày, “Người đàn bà này, có tên Ellenbogen, đã mất năm 1792 tại Philadelphia vì bệnh sốt

vàng và được chôn gần đường Fourth và Race”. Nhưng , lời giải thích của Leidy chỉ đứng vững tới năm

1942 , khi Tiến sĩ Joseph McFarland, người quản lý bảo tàng đã xác định Soap Lady mất vào thế kỷ 18 và tên của bà đã bị lịch sử xoá nhoà. Theo ông, không có ai qua đời vì bệnh sốt vàng ở Philadelphia vào năm 1792. Chỉ có một trường hợp xảy ra vào năm 1793, nhưng lại không phải là tên “Ellenbogen”. Hơn thế, chưa hề có một nghĩa địa tại đường Fourth và Race. Năm 1987, người ta đã chụp tiaX trên xác ướp này và phát hiện thấy có 8 cái ghim thẳng và 2 chiếc khuy 4 lỗ được sản xuất vào thế kỷ 19. Một quan chức bảo tàng nói: “Đến đây, tung tích của người đàn bà này lại càng mờ mịt hơn”.

BÍ ẨN ĐẰNG SAU NHỮNG VỤ MẤT TÍCH

Tại khu vực hồ Rudolfa (Kenya), có một hòn đảo mang tên Envaitenet, theo ngôn ngữ thổ dân địa phương có nghĩa là “không trở lại”. Theo người dân tại đây, hòn đảo chỉ có vài kilomet chiều dài và rộng này “bị nghiền rủa” khiến không ít người đã mất tích tại đây. Nếu xem xét một cách tổng quát từ số liệu của các nhà nghiên cứu hiện tượng dị thường, những địa điểm “có đi không bao giờ trở lại” trên thế giới không phải ít...

Biến mất trên gluồn gán gb ián

Vào năm 1935, nhà nghiên cứu của Anh là Vivian Fush cùng đoàn thám hiểm có mặt tại đất nước Kenya. Hai đồng nghiệp của ông là Martin Sheflis và Bill Daison tình nguyện đến ở hòn đảo thần bí trên một thời gian. Nhưng 15 ngày sau không thấy ai quay lại, Fush cử ngay một nhóm cứu hộ tới. Họ không tìm thấy bất cứ dấu vết nào của bạn mình, ngoại trừ một ngôi làng bỏ hoang của thổ dân. Một máy bay được gọi đến để dò tìm trên không trung trong suốt hai ngày cũng không có được kết quả gì. Thổ dân tại đây đã kể cho Fush nghe, trước đó trên đảo có khá nhiều người sinh sống. Tuy nhiên chỉ một thời gian sau, không thấy ai xuất hiện trên đảo nữa. Người dân tại làng Longlani đã cử một chiếc thuyền sang “thăm thính”. Những người này khi đặt chân lên đảo đều ngỡ người ra: đón tiếp họ là cả một ngôi làng trống rỗng với những túp lều bên trong còn đầy đủ đồ vật (trên đồng lửa còn những con cá đang thối rữa)... Không ai biết những người dân tại đây đã biến đâu mất? Những “phái viên” ngay sau đó vội rời bỏ hòn đảo vì không muốn chịu số phận tương tự.

KỸ THUẬT KHINH CÔNG

Cho đến nay, khoa học chưa có cách nào giải thích hiện tượng khinh công vì nó đi ngược lại hoàn toàn định luật vạn vật hấp dẫn. Nhiều tài liệu cổ của phương Đông và phương Tây ghi chép khá tỉ mỉ về khả năng con người tự bay lên mà không cần bất kỳ sự trợ giúp nào. Tuyệt kỹ khinh công đó là sự thực hay chỉ là trò ảo thuật? Khinh công (Levitation) là kỹ thuật tự bay trong không khí mà không cần trợ giúp, trái ngược hoàn toàn với định luật vạn vật hấp dẫn của Newton. Sách tôn giáo ghi nhận 300 vị thánh có thể tự bay lên. Pha khinh công đầu tiên được ghi lại là do Simon Magus thực hiện vào thế kỷ 1. Ông ta là một giáo sĩ theo dòng dị giáo, tham gia tập luyện nhiều “tà thuật” như phép tàng hình, khinh công. Người thực hiện pha bay lượn trong thời gian lâu nhất là Joseph Cupertino thế kỷ 17. Giáo sĩ đạo Tin Lành này đã lơ lửng trong không khí khoảng 2 tiếng đồng hồ. Những đạo giáo khác như Hindu, Bà la môn và Phật giáo cũng ghi nhận nhiều trường hợp khinh công. Trong cuốn sách

“Khoa học huyền bí ở Ấn Độ thời cổ đại” , tác giả Louis Jacollios

(Pháp) đã ghi lại khá chi tiết các pha khinh công. Nổi tiếng nhất là tu sĩ Milarepa, một nhà yoga hàng đầu ở Tây Tạng thuộc thế kỷ 19. Ông này được mệnh danh là người nắm giữ nhiều sức mạnh huyền bí đến nỗi có thể đi lại, ăn, ngủ trong khi khinh công lơ lửng giữa không khí. Không chỉ các thầy tu khổ hạnh tại Ấn Độ có thể thực hiện tuyệt kỹ này, mà các môn đệ của phái Ninja ở Nhật Bản cũng có khả năng tương tự. Một kỹ thuật thấp hơn của khinh công là khinh hành (đi bộ cực nhanh), khá phổ biến tại các khu vực có địa hình phức tạp ở Trung Hoa, Nhật Bản. Các môn đồ của khinh hành có thể đi lại rất nhanh và an toàn ở những nơi núi non hiểm trở, bằng kỹ thuật phi thân (nhảy), thần hành (chạy hàng trăm dặm mà chân

không chạm đất), bích hồ du tường (thần lẩn leo tường), thủy thượng phiêu (chạy trên nước). Những tuyệt kỹ khinh công dù thực hiện ở đâu đều có một điểm giống nhau, đó là sử dụng một kỹ thuật nào đó để giảm hoặc mất hẳn tác động của lực hút trọng trường. Nói về điều này, cần nhắc đến một khái niệm vật lý là trọng lượng biểu kiến. Nó đặc trưng cho lực nén của vật lên mặt sàn hoặc sức căng của lò xo thể hiện sức nặng của một vật nào đó. Chính trọng lượng biểu kiến tạo cảm giác về sức nặng nhẹ của cơ thể. Khi không có cảm giác về trọng lượng biểu kiến

(rơi từ trên cao xuống mà không có sàn đỡ), chúng ta sẽ rơi vào trạng thái không trọng lượng. Cho đến nay, khoa học chưa có cách nào giải thích hiện tượng khinh công (nếu như nó tồn tại) vì nó đi ngược lại hoàn toàn định luật vạn vật hấp dẫn. Người ta không thể chứng minh, ít nhất là về mặt lý thuyết, làm thế nào mà một người có thể thoát ra khỏi tác động của lực hút trái đất trong điều kiện thông thường chỉ bằng cách hít thở, thôi miên để huy động năng lượng siêu nhiên. Những người phản bác cho rằng từ xưa đến nay, đó chỉ là trò ảo thuật đánh lừa thị giác của người xem. Một số thử nghiệm khoa học gần đây cho thấy nhiều chiều hướng tích cực hơn. Ví dụ, các nhà khoa học Nga đã thử nghiệm trong môi trường đặc biệt (âm hơn 160 độ C), một chiếc đĩa khi quay tốc độ cao, khoảng 3.000 vòng/phút trong tác động của một điện trường thì sẽ giảm trọng lượng. Các nhà khoa học Mỹ làm thử nghiệm khác: Khi đặt chất siêu dẫn lơ lửng trong từ trường, họ phát hiện ra nếu đặt một vật thể lên trên bề mặt của chất siêu dẫn, trọng lượng của nó sẽ giảm đi 5%. Như vậy, vẫn còn hy vọng le lói cho những người muốn tin vào những điều đặc biệt, đồng thời những kẻ lừa bịp vẫn còn đất để dụng võ. Và khinh công là khả năng đặc biệt hay chỉ là một khát vọng ảo ảnh của loài người? Đây vẫn là một bí mật.

DÒNG CHỮ BÍ HIỀM TRONG CÂU THẦN CHÚ AI CẬP

Một câu thần chú nhằm xua đuổi rắn ra khỏi ngôi mộ của các ông hoàng Ai Cập, có từ thời đại Canaanite cách đây 3.500 năm, đã được phát hiện là loại chữ Semitic cổ nhất từ trước tới nay. Cụm chữ, nằm rải rác trong các dòng chữ tôn giáo viết bằng tiếng Ai Cập được tìm thấy trong căn phòng dưới lòng đất thuộc kim tự tháp ở phía nam Cairo, đã làm đau đầu các chuyên gia Ai Cập trong cả thế kỷ qua. Nó chỉ được giải mã cho đến khi người ta phát hiện ra mối liên quan với chữ Semitic. Vào năm 2002, một trong những nhà Ai Cập học đã gửi phần chữ khắc chưa được giải mã cho Richard Steiner, giáo sư ngôn ngữ Semitic tại Đại học Yeshiva ở New York. Steiner phát hiện thấy dòng chữ chính là ngôn ngữ do người Canaanite sử dụng trong khoảng thời gian từ thế kỷ 25 đến 35 trước Công nguyên.

“Đây là loại chữ cổ nhất trong ngôn ngữ Semitic” , Steiner nói. Loại chữ Semitic cổ nhất được biết đến trước đó có từ thế kỷ 24 trước Công nguyên.

“Điều này là rất quan trọng bởi vì nó có từ thiên niên kỷ thứ

3 trước Công nguyên nên đây là chữ viết thời tiền Canaanite cổ nhất và cũng là chữ Semitic cổ nhất từng được biết đến” , Moshe Florentine, chuyên gia ngôn ngữ học nói. Việc người Ai Cập cổ sử dụng các câu thần chú chứng tỏ mối quan hệ gần gũi vào thời đó với người Canaanite. Trong khi người Ai Cập cổ coi nền văn hoá và tôn giáo của mình siêu đẳng hơn hẳn láng giềng phương bắc, họ vẫn phải làm mọi thứ để bảo vệ các xác ướp vua chúa khỏi bị những con rắn độc xâm hại. Vì tin rằng một số con rắn nói được tiếng Semitic của người Canaanite, nên người Ai Cập cho cả những

câu thần chú bằng tiếng Semitic vào 2 mặt của quan tài nhằm xua đuổi kẻ thù.

“”Hãy đến đây, đến nhà của mẹ” , một dòng chữ Semitic có ý như mẹ của con rắn đang nói nhằm lôi nó ra khỏi mộ. Trong một dòng chữ khác, con rắn được coi như là một người tình: “Hãy quay về bên này, người tình của em”. Dòng chữ Ai Cập và Semitic là hai phần tích hợp của câu thần chú và không thể tách rời. Vì vậy các chuyên gia Ai Cập không thể hiểu hoàn toàn các dòng chữ tâm linh cho đến khi Steiner giải mã được dòng chữ.

BÍ ẨN NHỮNG NGÔI MỘ CỔ ĐỒNG THẾCH

Khu mộ cổ Đồng Thếch nằm trên địa phận xã Vĩnh Đồng, huyện Kim Bôi (Hoà Bình). Từ nhiều năm nay, hàng trăm mồ đá nằm im lìm tịch và lạnh lẽo giữa vùng rừng núi Tây Bắc ấy là một bí ẩn lớn đối với bất cứ ai từng một lần đặt chân tới.

Rừng mộ cổ chôn đá thiêng

Từ thành phố Hoà Bình, ngược lên huyện Kim Bôi, qua khu vực suối nước nóng độ dốc cây số là tới địa phận xã Vĩnh Đồng, ở đó có khu mộ cổ Đồng Thếch. Năm 2000, khu mộ cổ này đã được Bộ VH-TT công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia. Giữa một vùng rừng núi, hàng trăm ngôi mộ với những cột đá sừng sững im lìm, cỏ mọc rêu xanh, xung quanh bạt ngàn hoa dại. Những người dân bản xứ không biết nhiều về gốc tích hay truyền thuyết rừng mộ đá này. Họ kể rằng trước đây khu vực này rất rộng, gồm hàng trăm ngôi mộ và hàng ngàn phiến đá chôn xung quanh. Người ta gọi cả quần thể ấy là rừng mộ

đá. Tất cả các ngôi mộ đều chôn ba khối đá cao phía đầu mộ thành một hàng, khối đá to nhất chôn ở giữa. Chân mộ chôn ba khối nhỏ hơn. Những khối đá cẩm thạch được xác định là mang về từ xứ Thanh, ở vùng này không có loại đá ấy. Phiến đá to nhất có chiều rộng hơn 1m, cao khoảng 4m, có phiến nặng hàng tấn. Khu mộ là tâm điểm mang màu sắc kỳ bí, hoang đường. Những câu chuyện truyền miệng rí tai nhưng có sức lan toả rất nhanh khiến cho dân bản xứ đều sợ sệt dè, ít người dám qua lại nơi đây. Cũng có truyền thuyết về mấy ngọn núi ở đây. Người vợ thứ ba của Vua Hùng giận chồng đã bỏ kinh đô, dắt theo hai người con lên rừng khai hoang

lập bản, tạo nên vùng đất trù phú. Khi ba mẹ con mất đã hoá thành ba ngọn núi dáng rồng châu và cùng hướng về kinh đô. Hàng năm, vào những ngày Tết, các bản Mường dắt trâu, bò lên núi, nơi có rừng mộ đá để mổ thịt cúng Vua Hùng.

Khu mộ chôn những ai

Tương truyền khu mộ cổ này có niên đại hơn 400 năm. Hầu hết, các phiến đá được khắc chữ Hán cổ, ghi lại thân thế, công danh, gia tộc của người nằm dưới mồ, rằng đây là khu mộ của dòng họ Đinh Công, một trong những dòng họ lớn của Mường Động xưa. Dân bản xứ lưu truyền câu “Nhất Bi, nhì Vang, tam Thàng, tứ Động” để chỉ những vùng Mường sầm uất giàu có khi xưa. Mường Động là một trong bốn xứ ấy. Một bản dịch (khắc trên đá) ghi lại công trạng của Quận công Đinh Công Kỳ, người có công giúp vua Lê xây dựng triều chính, có nội dung như sau: Ông Đinh Công Kỳ, tước Uy lộc hầu, thổ tù kiêm cai quản vùng Mường Động. Sinh năm 1592, mất giờ Sửu, ngày 13 tháng 10 năm Đinh Hợi

1647 . Khi chết được ban tước Chương vệ đề đốc uy quận công. Đến ngày 22 tháng 2 năm Canh Dần 1650 được đưa về huyệt trên núi bằng 15 xe tang, 7 con voi, 5 con ngựa... Theo tài liệu cũ, người có công dựng nên xứ Mường Động là ông Đinh Văn Cương, người vùng Ngọc Lặc, Thanh Hoá. Sau khi có công lớn, ông đã được vua Lê, chúa Trịnh phong tước, đổi thành họ Đinh Công, cho cai quản xứ Mường Động - một trong những vùng biên viễn phía tây bảo vệ kinh thành Thăng Long. Nổi bật nhất trong dòng họ Đinh là ông Đinh Công Kỳ, một vị tướng giỏi của đời Lê Trung Hưng, được phong tước Quận công. Để con cháu đời sau không quên công đức, dòng họ này đã xây dựng nghĩa địa mộ đá rộng lớn như một khu rừng, những mong tên tuổi các vị sẽ trường tồn.

Còn thấy gì dưới năm mồsâu

Năm 1974, Viện Khảo cổ đã khảo sát, nghiên cứu, khu mộ cổ hầu như vẫn còn nguyên vẹn với hơn 100 ngôi mộ và hàng ngàn phiến đá có khắc chữ. Nhưng phải đến năm

1984 , công việc khai quật mới được tiến hành. Lúc này, hầu hết các ngôi mộ đã bị đào bới, nhiều hiện vật bị lấy trộm, rơi vào tay các nhà sưu tầm đồ cổ, thậm chí bị tuồn ra nước ngoài. Khi ấy, Sở VH-TT Hoà Bình phối hợp với Viện Khảo cổ, Bảo tàng lịch sử Việt Nam chỉ còn cách khai quật nốt những ngôi mộ còn sót lại. Hàng trăm hiện vật được tìm thấy, chuyển về Bảo tàng tỉnh Hoà Bình. Thật bất ngờ, ngoài bộ sưu tập cổ vật của nhiều triều đại nước Việt còn có cả những đồ gốm sứ của Trung Quốc, Nhật Bản thế kỷ XVII rất tinh xảo. Và phải đến năm 2000, khu mộ mới được Bộ VH-TT công nhận là khu di tích lịch sử cấp quốc gia, sau đó được đầu tư một số hạng mục khôi phục, tu bổ, tôn tạo và bảo vệ. Tiếc thay đến lúc ấy, rừng đá mộ cổ Đống Thếch chỉ còn lại chưa đầy chục ngôi mộ nằm trên diện tích 2 ha, xung quanh là hoa màu của người dân tự ý canh tác.

Đã có những bí ẩn về ngôi mộ được giới khoa học làm sáng tỏ, nhưng cũng có những bí ẩn mãi mãi bị chôn vùi theo những cổ vật bị đánh cắp. Khu mộ cổ có tuổi thọ hơn 400 năm đến giờ chỉ còn chút dấu tích về một thời phồn vinh cực thịnh của người xứ Mường Động khi xưa.

BÍ ẨN HIỆN TƯỢNG HỒI DƯƠNG

Chỉ trong vòng gần 1 năm qua, trên các phương tiện truyền thông, báo chí đã ghi nhận không ít hơn 2 trường hợp người chết sống lại. Sự kiện này đã làm hao tổn biết bao nhiêu bút mực, công sức của nhiều người, trong đó có cả những người làm công tác y tế; và cũng gây ra không biết bao nhiêu chuyện dở khóc dở cười cho những người còn sống.



Người ichế tsôn glại

Thật ra, trongy văn và trong lịch sử loài người, hiện tượng này cũng từng xảy ra. Cứ 100.000 người chết thì có một người được cho là sống lại. Trong dân gian cũng truyền tụng rất nhiều câu chuyện về hiện tượng trên. Một số người chuyên cải táng mộ theo phong tục của một số vùng phía Bắc

còn cho biết: Khi cải táng nhiều ngôi mộ, họ rất hay gặp hiện tượng bộ xương người chết nằm ở nhiều tư thế rất lạ, mặc dù khi được chôn họ đều được đặt nằm ở tư thế thẳng, ngay ngắn. Phần lớn những trường hợp này đều xảy ra ở những người chết trẻ và chết đột ngột. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy, khi còn sống, con người với một cơ thể khỏe mạnh và hệ thần kinh hoàn hảo đã liên tục phát ra những sóng điện từ với rất nhiều tần số khác nhau. Đã có nhà khoa học cho rằng, những sóng điện từ này có bản chất giống những tia phóng xạ và nó tăng lên khi hoạt động của cơ thể ở trong những trạng thái đặc biệt như khi đang kề cận cái chết, tình trạng lên đồng hay ảnh hưởng của một số hóa chất. Ở trong tình trạng này, endorphin sẽ sản xuất ra nhiều và gây nên những tình trạng hồi sinh mà khoa học ngày nay vẫn chưa thể hiểu hết nổi.

Chết lâm sàng và chết thật sự

Theo các chuyên ngành học, có hai hình thái cơ bản của cái chết, đó là chết lâm sàng và chết thật sự. Hiện tượng chết lâm sàng xảy ra khi bệnh nhân coi như đã lìa đời với nhịp tim không đếm được, không có hiện tượng hô hấp, có nghĩa là bệnh nhân không còn thở nữa. Nhưng hoạt động của não bộ vẫn còn, tương đồng với việc điện não đồ vẫn còn ghi nhận những sóng đặc trưng cho sự sống của con người. Phần lớn những trường hợp gọi là người chết sống lại đều xảy ra ở những tình huống chết lâm sàng này. Còn những trường hợp chết thật sự là những cái chết được xác định rõ ràng bằng điện tim, điện não và các dấu hiệu sinh học khác và phải làm lại sau 6 giờ như luật pháp của một số nước tiên tiến quy định. Các xét nghiệm này đều cho thấy, thật sự người chết đã về cõi vĩnh hằng. Trước đây, khi còn là thầy thuốc trẻ chưa có kinh nghiệm, chúng tôi cũng đã vài lần chứng kiến hiện tượng hồi dương ở một số bệnh nhân nặng kề cận cái chết. Điển hình là

bệnh nhân bị ung thư gan, có nhiều người đã rơi vào tình trạng hôn mê rất nặng, nhịp thở yếu, tim nghe rời rạc, mạch không bắt được, huyết áp bằng không. Bệnh nhân được người nhà xin về để tránh chết ở bệnh viện, theo tập tục truyền thống của người Á Đông sau khi đã được các thầy thuốc và nhân viên y tế tận tình giải thích. Nhưng thật kỳ lạ, hôm sau chúng tôi được mời đến xem bệnh và chứng kiến một hiện tượng kỳ lạ: Bệnh nhân ngồi dậy, tỉnh táo hoàn toàn và đòi ăn cháo. Có người còn đòi xuống giường tập thể dục và gặp người thân. Thấy hiện tượng trên, chúng tôi vừa mừng cho gia đình người bệnh vừa thật sự lo lắng không biết mình đã có gì nhầm lẫn trong chẩn đoán hay không? Hôm sau, bệnh nhân chết sau khi ăn miếng cháo cuối cùng của cuộc đời. Và cho đến ngày hôm nay, với những bệnh nhân nặng, khi có hiện tượng hồi dương như trên, chúng tôi đều thông báo cho gia đình bệnh nhân về khả năng bệnh nhân sẽ ra đi vĩnh viễn trong một thời gian gần nhất.

Để tránh hiện tượng hồi dương và người chết sống lại làm khổ người sống và người sống làm khổ lẫn nhau, các nước phát triển trên thế giới có những quy định rất chặt chẽ về việc xác định về cái chết của con người. Nhiều trường hợp phải có sự chứng kiến của những người đại diện cho pháp luật.

NHỮNG CÂU CHUYỆN KỶ BÍ CHƯA LỜI GIẢI

Chuyện không thể ngờ là vào khoảng trên 33 thế kỷ trước, một đứa bé chỉ ngồi trên ngai vàng, cai trị được vài năm thì bệnh chết. Cậu bé con lên ngôi vua này, ngôi ngai vàng quá ngắn hạn, nên không tạo được lịch sử nào quan trọng cho Ai Cập. Năm 1923, thế giới lấy làm kinh ngạc khi toán khảo cổ người Anh, đào xới từ ngôi mộ của Pharaon Tutankhamen, tức Tut. Rồi nhiều chuyện kỳ dị xảy ra. Những người đào mồ lần lần chết trong vài tháng sau, với nhiều chứng bệnh không hiểu nổi. Thân thể nóng cao độ, lảm nhảm và chết vài giờ sau đó. Y khoa bó tay... nên người ta mới có lời nói như sau: “Đó là lời nguyền của Pharaon”. Như cô thư ký ghi chép những tư trang của King Tut, cô có đứa con trai dễ thương đang học mẫu giáo trong trường thành linh tẻ xuống chết trong lớp học, giữa sự kinh hoàng của cô giáo và bạn học. Tại bảo tàng viện Cairo, một người lao công ráng đời quan tài King Tut cho ngay ngắn để chùi những vết ố gần đó thì sau ngày làm việc ông bị chiết xe buýt Cairo chạy ngang đụng chết. Sau đó độ hai năm, khảo cổ người Anh cũng đào được trong ngôi mộ Luxor tại Ai Cập, trong đó có quan tài rất đẹp, của công chúa Amen-Ra. Nhưng lúc đó người ta chỉ chú trọng đến Pharaon Tut mà thôi, còn hòm nhỏ công chúa Amen-Ra thì người ta không để ý lắm. Tại Ai Cập có một người Anh làm Trưởng phòng bảo hiểm cho công ty Bảo hiểm Llyod Ltm, một người Anh làm Giám đốc Ngân Hàng London Banks Ltm, một người kia thì con quận công tại York Shire Anh quốc, còn người thứ tư thì con của vua trường đua ngựa tại London. Có nghĩa là bốn người Anh này rất giàu. Họ nghe Viện Bảo tàng Ai Cập có bán đấu giá một số cổ vật, mà Chính phủ Ai Cập xem không quan trọng. Lúc đó tại Ai Cập, người Anh đang kiểm soát. Bốn người Anh trẻ này mua quan tài công chúa Amen-Ra. Thì trong vòng hai tuần lễ tai nạn lại xảy

ra. Người làm tại bảo hiểm Llyod Ltm bị một con rắn hổ cắn vào tay khi anh vào thăm sở thú Ai Cập. Không hiểu tại sao trong bụi rậm kế nơi ghế anh ngồi, một con rắn hổ thật to bò đến cắn một phát vào bàn tay. Anh chết sau đó vài phút. Nhân viên sở thú Ai Cập rất ngạc nhiên tại sao con rắn hổ từ trong chuồng nuôi rắn nơi xa mà bò ra được? Nó vượt qua nhiều phòng kính rồi leo ra vách tường cao? Không ai giải thích được chuyện con rắn hổ bò ra khỏi chuồng nuôi rắn cho dân chúng xem? Nhưng anh này chết vì rắn hổ là chuyện có thực. Còn một người Anh kia thì ngân hàng của anh bị phá sản chỉ vài tháng sau, vì đã cho một hãng tàu buôn bán từ London sang vay tiền. Hãng tàu này bị phá sản kéo theo ngân hàng của anh. Anh này tự vẫn vì nợ quá nhiều. Còn chủ trường đua ngựa thì bị trận hỏa hoạn lớn nhất thời đó, tiêu hủy toàn bộ gia sản, chuồng ngựa quý của gia đình này đều ra tro. Nhưng người còn lại biết câu chuyện nguyên rủa này bèn chở quan tài công chúa Princesse Amen-Ra tặng Viện Bảo tàng Anh quốc (British Museum). Và câu chuyện cũng theo sau đó. Một trong hai nhân viên khiêng quan tài vấp bậc thềm, quan tài đập mạnh vào xương ống quyển, làm gãy chân người này tại chỗ. Còn người kia, sau đó ba hôm người ta thấy chết tại góc đường thủ đô London, ngực bị đâm bởi một con dao. Cảnh sát London cho rằng anh bị ăn cướp chặn đường và đâm chết khi anh chưa móc bóp đưa tiền. Còn nữa... Người lính gác Viện Bảo tàng Anh quốc, đêm khuya nghe trên lầu có tiếng động khả nghi, thì anh rọi đèn bước lên. Thấy cửa sổ mở, nghi kẻ gian leo vào phòng, anh thận trọng bước đến và rọi đèn ra ngoài khung cửa và anh té lộn ra ngoài khung cửa... rơi xuống đường nhựa. Anh chết sau đó khi đến bệnh viện. Anh lẩm bẩm: “người ta xô tôi, người ta xô tôi...” rồi chết trong nỗi kinh hoàng đống trên gương mặt.

Những người canh gác hầm mộ

Năm 1912 Viện Bảo tàng Anh quốc thấy quan tài nhỏ công chúa Amen-ra này không hấp dẫn du khách nên họ cất vào phòng sau. Rồi sau đó người ta rao bán quan tài này trên báo Telegraph-London hàng tháng trời. Không người nào mua quan tài này. Một quan tài, trong đó có xác ướp khô đét mà đầy lời nguyền. Trong khi đó báo chí Anh quốc đăng tải nhiều chuyện kinh sợ có liên quan đến quan tài King Tut nhiều hơn mọi chuyện khác. Nhiều nhà báo không việc gì làm, họ cố gắng nặn thêm nhiều tin ma quái... và không ăn nhập tình tiết liên quan đến King Tut.

B Í ẨN VỀ “NGÀY THỨ SÁU ĐEN TỐI”

Thứ sáu ngày 13 - một sự kết hợp giữa ngày được coi là thiếu may mắn nhất trong tuần (thứ sáu) và ngày xấu nhất trong tháng (ngày 13). Mê tín dị đoan? Không hẳn vậy, bởi theo khảo sát của một câu lạc bộ lái xe tại Đức, số vụ tai nạn giao thông trong ngày này tăng tới 60% so với thông thường.

Từ quan niệm...

Ở các nước phương Tây, từ xa xưa, thứ sáu được coi là ngày thiếu may mắn nhất trong tuần. Còn hiện nay thì sao? Có nhiều bằng chứng cho thấy, đây là ngày thường xảy ra những chuyện rủi ro. Các chuyên gia của nhiều công ty bảo hiểm, nơi lưu giữ các số liệu về những vụ tai nạn, quả quyết rằng thứ sáu chính là ngày xảy ra nhiều thảm kịch nhất trong tuần. Và không chỉ người ki-tô giáo mà cả các tín đồ Hồi giáo cũng tin vào sự kém may mắn của ngày thứ sáu, do vậy phần lớn họ không thích làm việc gì quan trọng vào ngày này. Trong khi đó, số 13 được nhiều người coi là số xấu nhất. Ví dụ trong tiếng Nga số 13 được gọi là “số ma quỷ”. Còn các nước phương Tây thì tránh sử dụng con số “xui xẻo” này khi đặt tên cho đường phố hay tòa nhà. Bạn cũng không thể tìm thấy chỗ ngồi số 13 trên máy bay hay cabin số 13 trên tàu thủy. Và nếu thứ sáu trùng với ngày 13, người ta gọi đó là “ngày thứ sáu đen tối”. Khi đó, nguy cơ tai họa sẽ tăng gấp bội.

... đến hiện thực

Thật không may, đó không hẳn là chuyện đùa hay lòng tin mù quáng. Các bác sĩ phẫu thuật cổ không thực hiện bất kỳ một ca mổ quan trọng nào vào thứ sáu ngày 13. Họ cho rằng, sự rủi ro trong phẫu thuật tăng gấp đôi vào ngày này. Thứ sáu ngày 13 cũng là ngày vô cùng xui xẻo cho rất nhiều nhân vật nổi tiếng. Tay gangster Mỹ nổi tiếng Al Capone bị bắt và bị kết án tù vào thứ sáu ngày 13. Ca sĩ nhạc rap Tupac Shakur bị bắn ở Las Vegas và lìa đời 6 ngày sau đó, vào đúng thứ sáu ngày 13... Một câu lạc bộ lái xe của Đức đã công bố những số liệu về các vụ tai nạn xe hơi. Kết quả nghiên cứu cho thấy số vụ tai nạn tăng lên tới 60% vào “ngày thứ sáu đen tối”. Đó có lẽ là lý do để các tín đồ Hồi giáo coi ngày thứ sáu là ngày xuất hành tồi tệ nhất. Phần lớn các công ty lữ hành của phương Tây tôn trọng nguyên tắc không tổ chức những chuyến du lịch bắt đầu vào ngày thứ sáu. Các nhân viên cảnh sát cho biết, các vụ cướp bóc, hãm hiếp, giết người và nhiều loại tội phạm khác xảy ra thường xuyên hơn vào ngày thứ sáu so với bất kỳ ngày nào khác trong tuần. Trong khi đó, vào “ngày thứ sáu đen tối” một số người bình thường lại có hành vi hết sức bất thường. Chẳng hạn một nhóm người giàu có ở Philadelphia (Mỹ) quyết định thành lập một câu lạc bộ có tên gọi “Thứ sáu ngày 13” và chỉ gặp nhau vào “ngày thứ sáu đen tối”. Lúc đầu, họ có một bữa ăn tối hoành tráng, sau đó họ đập tan những chiếc gương lớn thành từng mảnh, vãi ra khắp nơi, rồi giương những chiếc ô trong phòng, thả mèo đen ra và hành động như những kẻ hóa rồ. Giải thích cho hiện tượng này, một số chuyên gia nghiên cứu các hiện tượng dị thường cho biết, con người luôn có cảm giác hoảng sợ đối với một số ngày nhất định. Theo họ, lịch phản ánh dòng chảy của thời gian và chứa đựng thông tin về chu trình của cường độ năng lượng vũ trụ vốn có mối quan hệ chặt

chẽ với trái đất. Mỗi nền văn minh đều có thể tạo ra lịch của riêng mình sau khi đạt đến một trình độ phát triển nhất định. Trải qua nhiều thế kỷ, con người đã học được kinh nghiệm phải đặc biệt thận trọng trong thời điểm năng lượng vũ trụ đạt được cường độ cao nhất. Theo quy luật, chúng mang tới năng lượng âm và thường gây ra tai nạn máy bay, chết chóc, tình trạng rối loạn v.v...

B Í ẨN TỤC GIẾT NGƯỜI HIẾN TẾ CỦA DÂN DA ĐỎ

Từ lâu người ta đã tranh cãi liệu người Aztec và Maya có hủ tục giết người tế thần dã man như các cuốn sách lịch sử đã ghi hay không. Nay các nhà khảo cổ đã thu thập nhiều bằng chứng khẳng định sự thật ghê rợn này. Bằng những công cụ pháp y tiên tiến, các nhà khảo cổ đã chứng minh rằng những cuộc hiến tế thời xưa bao gồm hàng loạt thủ tục giết người man rợ, trong đó trẻ con là nạn nhân chính yếu. Trong hàng thập kỷ nay, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng người Tây Ban Nha chiếm đóng châu Mỹ từ thế kỷ 16-17 đã bóp méo sự thật để hạ thấp nền văn minh của thổ dân da đỏ. Một số lại cho rằng các cuộc hiến tế đó chỉ nhằm vào tù binh. Những người khác thừa nhận người Aztec có thể khát máu, nhưng người Maya thì không.

“Giờ chúng tôi đã có bằng chứng cụ thể để chứng thực cho những tài liệu ghi chép”, nhà khảo cổ Leonardo Lopez Lujan tại Đại học Harvard, Mỹ, tuyên bố. Những bản ghi chép có hình minh họa của người da đỏ cùng với lời kể lại của người Tây Ban Nha đã miêu tả các hình thức tế người dã man. Các nạn nhân bị chặt đầu, moi tim, bắn tên, cào xé, ném đá, nghiền nát, phanh thây, xẻ thịt, lột da, chôn sống hoặc ném từ trên đỉnh đền. Trẻ em là nạn nhân chủ yếu bởi chúng được coi là trong sạch và thuần khiết. Hơn một thập kỷ trước, nhà nhân chủng học Carmen Pijoan tuyên bố đã tìm thấy một trong những bằng chứng đầu tiên về việc ăn thịt người ở một nền văn hoá tiền Aztec: xương người với những vết cắt xẻ. Trong khi khai quật vùng đất có từ thời Aztec ở Ecatepec, phía bắc thành phố Mexico, nhà khảo cổ Nadia Velez Saldana đã miêu tả nghi lễ tế người dâng thần chết. “Những nạn nhân bị thiêu chết hoặc đốt cháy một phần”, Velez Saldana nói. “Chúng tôi tìm thấy một hố chôn có những mảnh xương của 4 đứa trẻ bị thiêu một

phần, và dấu tích của 4 đứa trẻ khác bị cháy hoàn toàn”. Mặc dù những dấu vết này chưa chứng tỏ được nạn nhân bị thiêu sống, song có những bức hoạ vẽ cảnh người sống bị trói và thiêu. Cuộc khai quật này cũng làm lộ ra những đầu mối khác chứng thực cho một bức hoạ có từ khoảng năm 1600 - 1650, miêu tả những bộ phận cơ thể được chôn cất đầy trong các chảo lớn và mọi người ngồi xung quanh đánh chén, trong khi thần chết quan sát.

“Chúng tôi đã tìm thấy những dụng cụ nấu nướng như vậy. Bên cạnh các bộ xương người hoàn chỉnh, còn có những mảnh xương bị chặt, cắt”, nhà nghiên cứu Luis Manuel Gamboa nói. Năm 2002, nhà khảo cổ Juan Alberto Roman Berrelleza đã công bố kết quả cuộc khám nghiệm xương của 42 trẻ em, hầu hết là bé trai 6 tuổi, bị hành lễ ở đền Mayor thuộc thời Aztec, ở Mexico City. Tất cả đều chung một đặc điểm: những lỗ hổng, vết rỗ hoặc tiêm chích trên xương, có vẻ bọn trẻ đã phải gào khóc vì đau đớn.

“Tiếng kêu khóc của trẻ con trong suốt buổi lễ sẽ báo hiệu điềm lành. Nó có thể được tạo ra bằng cách rạch họng”, Roman Berrelleza cho biết.

“Nền văn minh Maya thịnh vượng khoảng 400 năm trước khi người Aztec thiết lập Mexico City vào năm 1325, cũng có hủ tục hiến tế người tương tự”, nhà nhân chủng học David Stuart tại Đại học Harvard nhận định. Vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, các nhà nghiên cứu đã cố gắng tách biệt người Maya hoà bình và người Aztec man rợ. Họ còn cố gắng chứng minh việc giết người hiến tế là rất hiếm ở xã hội Maya. Nhưng trong các bức hoạ và hình khắc, Stuart nói, “chúng tôi đã tìm thấy ngày càng nhiều sự tương đồng giữa người Aztec và Maya. Trong đó có một buổi lễ Maya mà vị tư tế trong trang phục lông bích đang moi ruột từ một người sống”. Một số văn bản của người Tây Ban Nha trùng hợp với những vật chứng tìm thấy, trong đó miêu tả các thầy tư tế Aztec giết trẻ em và người lớn bằng cách nhốt họ trong hang động hoặc đìm chết.

“Vấn đề bây giờ chỉ là số lượng”, Lopez Lujan nhận định. Ông cho rằng người Tây Ban Nha đã phóng đại số nạn nhân để viện cớ cho cuộc chiến tranh bài trừ hủ tục, trong đó có trường hợp 80.400 người bị giết để hiến tế trong một lễ khánh thành ngôi đền vào năm 1487. Các nhà nghiên cứu đã đồng loạt loại bỏ giả thuyết rằng việc hiến tế và ăn thịt đồng loại bắt nguồn từ sự khan hiếm thức ăn ở thời Aztec. Các nền văn hoá tiền Tây Ban Nha tin rằng thế giới sẽ diệt vong nếu không có các nghi lễ hiến tế. Trong khi đó, nạn nhân bị hiến tế lại được coi là thánh trước khi bị giết.

“Thật khó để chúng ta có thể tưởng tượng được. Với họ - những người bị hiến tế - đó gần như là một niềm vinh dự”, Lujan nhận định.

TRÁI TIM THÀNH XÁ LỊ KHOA HỌC CÒN BÓ TAY

Xá lị Xá lị hay xá lợi ý chỉ thi thể hỏa táng hoặc thân cốt của các vị cao tăng Phật giáo. Đó là những tinh thể đủ màu sắc, long lanh như ngọc, rắn như kim cương, búa đập không vỡ, lửa thiêu không cháy, được tìm thấy trong tro hài cốt của một số nhà tu hành. Trong vườn tháp Huệ Quang trên núi Yên Tử, Việt Nam, có ngọn tháp tổ 9 tầng bằng đá là nơi thờ xá lị vua Trần Nhân Tông

- vị tổ thứ nhất của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Cho đến nay, khi nền khoa học kỹ thuật của nhân loại đã phát triển ở trình độ cao, các viên xá lị vẫn tồn tại như một bí ẩn.

Bảo vật của nhà Phật

“Xá lị” là phiên âm của từ “sarira” trong tiếng Phạn, nghĩa đen là “những hạt cứng”. Theo ghi chép trong lịch sử Phật giáo, khi Phật tổ Thích Ca Mâu Ni viên tịch, các tín đồ đã đem thi hài đi hỏa táng. Sau khi lửa tàn, họ phát hiện trong tro có rất nhiều tinh thể trong suốt, hình dạng và kích thước khác nhau, cứng như thép, lóng lánh và tỏa ra những tia sáng muôn màu, giống như những viên ngọc quý. Họ đếm được cả thảy 84.000 viên, đựng đầy trong 8 hộc và 4 đấu. Nó được đặt tên là xá lị, là bảo vật của Phật giáo. Những năm gần đây, lịch sử Phật giáo và giới khoa học đã ghi lại khá nhiều trường hợp các vị cao tăng sau khi viên tịch, hỏa thiêu đã để lại xá lị. Tháng 12/1990, Hoảng Huyền pháp sư ở Singapore viên tịch, sau khi thi thể được hỏa thiêu, người ta phát hiện thấy trong phần tro của ngài có 480 hạt cứng, loại cỡ như hạt đỗ tương, loại nhỏ bằng hạt gạo, trông gần như trong suốt và tỏa sáng lấp lánh như kim cương. Sau khi phân tích, các nhà nghiên cứu đã xác định rằng đó chính là xá lị. Tháng 3/1991, Phó hội trưởng Hội Phật giáo Ngũ Đài Sơn, ủy viên thường vụ Hội Phật giáo Trung Quốc, sau khi viên tịch đã được hỏa táng theo tâm nguyện của ngài. Trong tro có tới 11.000 hạt xá lị, đạt kỷ lục thế giới từ trước đến nay về những trường hợp xá lị được ghi nhận chính thức. Viên xá lị có thể to như quả trứng vịt, đó là trường hợp của pháp sư Khoan Năng, vị trụ trì Tây Sơn Tây Thạch am ở huyện Quế Bình, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Ngày 27/9/

1989, ngài viên tịch ở tuổi 93. Sau khi hỏa thiêu, người ta tìm thấy trong tro hài cốt 3 viên xá lị màu xanh lục, trong suốt, đường kính mỗi viên lên tới 3-4 cm, tựa như những viên ngọc lục bảo.

Trái tim thành xá lị

Trong một số trường hợp, xá lị chính là bộ phận nào đó của cơ thể không bị thiêu cháy. Tháng 6/1994, pháp sư Viên Chiếu, 93 tuổi, trụ trì chùa Pháp Hoa (núi Quan Âm, tỉnh Thiểm Tây, Trung Quốc) trong một buổi giảng kinh tối đã nói với các đệ tử: “Ta sẽ để lại trái tim cho chúng sinh”. Sau đó vị sư nữ này ngồi kiết già và viên tịch. Theo đúng pháp quy của nhà chùa, các đệ tử đặt thi thể bà lên một phiến đá xanh, xếp củi chung quanh và hỏa hóa. Lửa cháy sáng rực suốt một ngày một đêm. Trong đồng tro nguội, các đệ tử thu được 100 viên xá lị to nhỏ khác nhau. Có viên thì hình tròn (xá lị tử), có viên lại nở xòe ra như những bông hoa (xá lị hoa). Những bông xá lị hoa trông rất đẹp, lóng lánh như những bông hoa tuyết, chung quanh còn được giát bằng những hạt xá lị nhỏ cỡ hạt gạo, sắc đỏ, vàng, lam, nâu... hết sức kỳ diệu. Nhưng điều kỳ diệu hơn cả là trái tim của bà không hề bị thiêu cháy. Sau khi ngọn lửa tắt, trái tim vẫn còn mềm, nóng, rồi mới nguội dần và cứng lại, biến thành một viên xá lị lớn, màu nâu thẫm. Khoảng 100 đệ tử có mặt trong lễ hỏa táng đã tận mắt chứng kiến hiện tượng lạ lùng đó. Theo lời kể lại, pháp sư Viên Chiếu là người từ bi, tính tình điềm đạm và ôn hòa, thường ngày bà chỉ ăn rất ít. Chùa Pháp Hoa đã cho người mang những viên xá lị đó đến giao lại cho Hội Phật giáo tỉnh Thiểm Tây.

Khoa học còn “bó tay”

Vài chục năm trở lại đây, giới khoa học bắt đầu tìm cách giải thích những hiện tượng huyền bí được nhà Phật nói đến trong kinh điển. Thế nhưng khi bắt tay vào nghiên cứu hiện tượng xá lợi, họ đã gặp không ít trở ngại. Trước đây, người ta không tin là có xá lợi Phật tử. Mãi đến năm 1997, ông Peppé người Pháp khi tiến hành khảo cổ tại vùng Piprava, phía nam Népal, đã tìm thấy những viên xá lợi đựng trong chiếc hộp bằng đá. Trên hộp có khắc những văn tự Brahmi, nội dung như sau: “Đây là xá lợi của đức Phật. Phần xá lợi này do bộ tộc Sakya, nước Savatthi phụng thờ”. Khám phá này đã chứng minh: Những gì được ghi trong kinh Trường A Hàm và một số kinh sách khác về việc phân chia xá lợi đức Phật thành 8 phần cho 8 quốc gia cổ đại khi Phật nhập niết bàn là có thật. Điều kỳ lạ là trải qua hơn 25 thế kỷ, xá lợi đức Phật vẫn còn nguyên vẹn, lấp lánh màu sắc. Về sự hình thành của những viên xá lợi, cho đến nay vẫn tồn tại nhiều cách giải thích khác nhau. Các nhà xã hội học cho rằng, do thói quen ăn chay, thường xuyên sử dụng một khối lượng lớn chất xơ và chất khoáng, quá trình tiêu hóa và hấp thu rất dễ tạo ra các muối phosphate và carbonate. Những tinh thể muối đó tích lũy dần trong các bộ phận của cơ thể và cuối cùng biến thành xá lợi. Tuy nhiên, giả thuyết này không đủ sức thuyết phục. Bởi lẽ số người ăn chay trên thế giới có tới hàng trăm vạn, nhưng tại sao không phải ai khi hỏa táng cũng sinh xá lợi? Số người theo đạo Phật cũng nhiều vô kể, thế nhưng tại sao trong cơ thể những tín đồ bình thường lại không có xá lợi? Một số nhà khoa học cho rằng, có thể xá lợi là một hiện tượng có tính bệnh lý, tương tự như bệnh sỏi thận, sỏi bàng quang, sỏi mật... Giả thuyết này cũng khó đứng vững. Bởi vì, sau khi đưa xác đi thiêu, trong phần tro của những người mắc các chứng bệnh kể trên không hề phát hiện xá lợi. Mặt khác, những cao tăng có xá lợi

thường sinh thời thường rất khỏe mạnh, tuổi thọ cũng rất cao. Nhà Phật cũng có những quan điểm riêng về vấn đề xá li. Quan điểm thứ nhất cho rằng xá li là kết quả của quá trình tu hành và khổ luyện. Quan điểm thứ hai cho rằng đó là kết quả của quá trình tu dưỡng đạo đức, chỉ xuất hiện ở những người có tấm lòng đại từ đại bi, luôn làm việc thiện. Tuy nhiên, cuối cùng thì xá li đã được hình thành như thế nào? Thành phần của nó ra sao? Chẳng phải kim loại, chẳng phải phi kim, cũng chẳng phải kim cương, lục bảo, chỉ là tro cốt còn lại của người tu hành sau khi hỏa táng; vậy mà sao đốt không cháy, thậm chí vẫn sáng lấp lánh màu sắc, thách thức với thời gian, chẳng mấy may hư hỏng...? Hàng loạt câu hỏi như vậy cho đến nay vẫn chưa có lời giải đáp.

MỤC LỤC Những bí ẩn về xác ướp ở mộ cổ Giang Tô	5
Bộ hài cốt bí hiểm trên biển Newfoundland	10
Bí ẩn về các xác ướp	12
Những xác ướp tự nhiên dưới góc nhìn pháp y	20
Phẫu thuật không dao mổ!	22
Xuất Xứ Của Bùa Yêu	27
Bí ẩn bé gái 2.000 tuổi	32
Bí ẩn xác chết 500 năm không phân hủy	34
Lời nguyện - Truyền thuyết hay điều có thật đã được mã hóa ...	38
Bí ẩn những con tàu ma	42
Bí ẩn con tàu ma “Người Hà Lan bay”	45
Bí mật của những con sóng ma	50
Giọng nói từ biển khơi	52
Một biên niên sử buồn... ..	55
10 địa danh ma ám nổi tiếng nhất thế giới	58
Những bí ẩn lớn nhất trong lịch sử	69
Bí mật về ngôi mộ cặp quân nhân 1000 năm tuổi	76
Bí ẩn của trạng thái hôn mê	79
Bí ẩn những viễn cảnh sau khi chết	

.....	83	Những cái chết bí ẩn khi “đụng” vào lăng mộ các Pharaon	85	Bí ẩn về điềm báo trong giấc mơ	88
8	hiện tượng chưa có lời giải	91	Bí ẩn trạng thái “ảo thân”	98	Thiếu nữ bị mù 3 ngày một tuần
102	Bí ẩn “bài hát tử thần”	104	Bí ẩn giấc mộng tiên tri của Eryl Mai Jones	107	Bí ẩn về một phụ nữ không thể quên ký ức
109	Bí mật về truyền thuyết “Mắt quỷ”	113	Bí ẩn về các cặp sinh đôi	117	Bí ẩn về ảo ảnh
120	Sóng từ cõi âm	125	Bí ẩn của linh hồn	128	Người đàn bà hóa sáp và cái chết bí ẩn
135	Bí ẩn đằng sau những vụ mất tích	137	Kỳ lạ thuật khinh công	139	Dòng chữ bí hiểm trong câu thần chú Ai Cập
142	Bí ẩn những ngôi mộ cổ Đống Thếch	144	Bí ẩn hiện tượng hồi dương	148	Những câu chuyện kỳ bí chưa lời giải
152	bí ẩn về “ngày thứ sáu đen tối”	156	Bí ẩn tục giết người hiến tế của dân da đỏ	159	trái tim thành xá lý - khoa học còn bó tay
163	B Í ẨN MÃI MÃI LÀ BÍ ẨN				

(Tập 5)

NHIỀU TÁC GIẢ sưu tầm và biên soạn Chịu trách nhiệm xuất bản: TS.

QUÁCH THU NGUYỆT Biên tập:

LÂM AN Trình bày

bìa: TẤN LỄ Sửa bản in:

LÊ HÙNG Kỹ thuật vi

tính: NGỌC DUNG

NHÀ XUẤT BẢN TRÉ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT : 39316289 - 39350973 - 39316211 - 38465595 - 38465596 Fax:
84.8.8437450 - Email: nxbtre@hcm.vnn.vn Website:
<http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI Số 20 ngõ 91
Nguyễn Chí Thanh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

ĐT: (04) 37734544 - Fax: (04) 37734544 - E-mail:
vanphongnxbtre@hn.vnn.vn

MỤC LỤC | TABLE OF CONTENTS

Hội yêu đọc sách Kindle Việt Nam

NHỮNG BÍ ẨN VỀ XÁC ƯỚP Ở MỘ CỔ GIANG TÔ
BỘ HÀI CỐT BÍ HIỂM TRÊN BIỂN NEWFOUNDLAND
BÍ ẨN VỀ CÁC XÁC ƯỚP
NHỮNG XÁC ƯỚP TỰ NHIÊN DƯỚI GÓC NHÌN PHÁP Y
PHẪU THUẬT KHÔNG DAO MỔ
Một dạng thối miên
Những lý giải
Khôngchữabệnhchokẻxấu
XUẤT XỨ CỦA BÙA YÊU
Cây Kỳ Lạ NaGa MaRu
Côngdụngcủaloạibùayêuchiếtừcây
BÍ ẨN BÉ GÁI 5 TUỔI
BÍ ẨN XÁC CHẾT 500 NĂM KHÔNG PHÂN HỦY
LỜI NGUYỄN TRUYỀN THUYẾT HAY ĐIỀU CÓ THẬT ĐÃ
ĐƯỢC MÃ HÓA
BÍ ẨN NHỮNG CON TÀU MA
BÍ ẨN CON TÀU MA “NGƯỜI HÀ LAN BAY”
Từhuyền thoại...
...đến những ghi chép
...vàtrởlạivớihuyềnthoại
BÍ MẬT CỦA NHỮNG CON SÓNG MA
GIỌNG NÓI TỪ BIỂN KHƠI
MỘT BIÊN NIÊN SỬ BUỒN...
ĐỊA DANH MA ÁM NỔI TIẾNG NHẤT THẾ GIỚI

Lâu đài Edinburgh thành phố Edinburgh Scotland

Ngôi nhà Whaley House bang California Mỹ

Ngôi nhà Borley làng Borley Anh

Trang trại Bell bang Tennessee Mỹ

Tòa nhà Raynham hạt Norfolk Anh

Tàu Queen Mary bang California Mỹ

Nhà Trắng thủ đô Washington Mỹ

Tháp London thủ đô London Anh

Lâu đài Ballygally vịnh Ballygally Ireland

Lâu đài Rose Hall vịnh Montego Jamaica

NHỮNG BÍ ẨN LỚN NHẤT TRONG LỊCH SỬ

Bản thảo Rongorongo

Bản thảo Voynich

Thành phố Helike biến mất như thế nào

Sự sụp đổ của Đế chế Minoan

Các cột đá Carnac

Robin Hood là ai

Sự mất tích của một binh đoàn La Mã

Xác ướp đầm lầy

Xác ướp hồ Tarim

BÍ MẬT VỀ NGÔI MỘ CẶP QUÂN NHÂN 1000 NĂM TUỔI

BÍ ẨN CỦA TRẠNG THÁI HÔN MÊ

NHỮNG CÁI CHẾT BÍ ẨN KHI “ĐỤNG” VÀO LĂNG MỘ CÁC PHARAON

BÍ ẨN VỀ ĐIỀM BÁO TRONG GIẤC MƠ

HIỆN TƯỢNG CHƯA CÓ LỜI GIẢI

Mối quan hệ có thể và tinh thần

Sức mạnh tâm linh và hiện tượng ngoại cảm

